TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BIDV

Báo cáo thường niên 2013

Beyond Insurance

Hotline 24/7
1800 9456

www.bic.vn
www.baohiemtructuyen.com.vn

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông **Phạm Quang Tùng** - *Chủ Tịch HĐQT*

Về mặt kinh doanh bảo hiểm, bằng các giải pháp kinh doanh hiệu quả, vượt qua các khó khăn do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, về cơ bản BIC đã hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh, đặc biệt là doanh thu phí bảo hiểm gốc. BIC đã đi đúng định hướng của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông: chú trọng hiệu quả và đảm bảo tăng trưởng thị phần. Cụ thể...

Kính thưa Quý vị,

Năm 2013 thị trường bảo hiểm Việt Nam tiếp tục chịu ảnh hưởng của suy thoái kinh tế và là năm thứ 3 liên tiếp có mức tăng trưởng năm sau thấp hơn năm trước. Những khó khăn từ nền kinh tế vĩ mô đã đặt BIC trước nhiều thử thách, đòi hỏi BIC phải tiếp tục cải tổ, đổi thay để thích ứng với tình hình.

2013 - Hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh

- Tổng doanh thu hợp nhất đạt **1.206,172 tỷ đồng**, tăng trưởng gần 20% so với 2012; trong đó, doanh thu phí bảo hiểm đạt **939,525 tỷ đồng**. Lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt **125,593 tỷ đồng**, tăng hơn 13% so với năm 2012 và hoàn thành vượt mức kế hoạch cả năm 2013. Công ty mẹ BIC có doanh thu phí bảo hiểm đạt **894,943 tỷ đồng**, tăng 18,7% so với năm 2012, lợi nhuận trước thuế đạt **113,286 tỷ đồng.**

- BIC tiếp tục là một trong các doanh nghiệp bảo hiểm dẫn đầu về tỷ suất lợi nhuận. Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ đạt xấp xỉ **13%**. Cổ tức tiếp tục đảm bảo ở mức **10%**.

- Hoạt động của BIC tại hải ngoại ngày càng khởi sắc với sự tăng trưởng ấn tượng của hai liên doanh LVI và CVI. Đặc biệt là LVI đã vượt xa kế hoạch về cả doanh thu, lợi nhuận lẫn phát triển mạng lưới. CVI tiếp tục khẳng định vị thế tại thị trường Campuchia.

Để có được những kết quả này, đã có sự quyết tâm cao của Hội đồng quản trị và sự nỗ lực, cam kết của Ban điều hành, sự đồng lòng, chung sức của toàn thể hơn 600 cán bộ nhân viên BIC. Đặc biệt, không thể không kể tới sự tin tưởng, ủng hộ của các Quý cổ đông và Quý Khách hàng của BIC. Quý vị luôn là một động lực quý giá của BIC, để BIC không ngừng phấn đấu và vươn lên hướng tới các mục tiêu to lớn hơn.

2014 - Cơ hội và thách thức của BIC

Năm 2014 đang mở ra nhiều cơ hội mới cho BIC. Thị trường bảo hiểm đang được tái cấu trúc theo hướng minh bạch và hướng tới hiệu quả hơn. Những chính sách, quy định mới trong lĩnh vực bảo hiểmsẽ tiếp tục mang lại nhiều cơ hội cạnh tranh lành mạnh cho các doanh nghiệp bảo hiểm nói chung và BIC nói riêng.

Đồng thời, BIC cũng đang đứng trước nhiều thách thức. 2014 chưa phải là năm nền kinh tế hồi phục hoàn toàn sau suy thoái, mức tăng trưởng hai con số sẽ vẫn là một bài toán khó cho cả thị trường. Điều này cũng ít nhiều ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của BIC, đòi hỏi BIC cần phải tiếp tục có những cải tổ phù hợp để hoạt động chuyên nghiệp hơn.

Đặc biệt, BIC đang đứng trước nguy cơ giảm thị phần khi các đối thủ cạnh tranh ngày càng "khỏe" hơn. Có nghĩa rằng song song với mục tiêu hoạt động đảm bảo lợi nhuận, BIC vẫn cần có những giải pháp để tăng trưởng và giữ vững thị phần.

Trước các cơ hội và thách thức đó, Hội đồng quản trị đặt mục tiêu trong năm 2014 như sau:

- Tổng doanh thu phí bảo hiểm Công ty mẹ đạt 1.000 tỷ đồng, tăng trưởng 11,74% so với năm 2013.

- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 130 tỷ đồng, tăng 3,5% so với năm 2013.

Để đạt được các mục tiêu này, sẽ có những thay đổi quan trọng trong hoạt động của BIC trong năm 2014, đó là:

- Hoàn thành dự án bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài, tạo thêm thế và lực mới cho sự phát triển của BIC.

- Tăng vốn điều lệ lên trên 1.000 tỷ đồng, thông qua 3 đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP), phát hành cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược.

- Tiếp tục mở rộng cánh tay nối dài ở hải ngoại với việc nhận vốn chi phối tại CVI, qua đó tăng tỷ trọng đóng góp của LVI và CVI trong hoạt động của BIC.

- Tận dụng các cơ hội khi Liên doanh Bảo hiểm Nhân thọ BIDV MetLife đi vào hoạt động để đẩy mạnh hoạt động kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ.

2014 sẽ là một năm bản lề trong quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp của BIC để hoàn thiện mô hình BIC Holdings.Tôi tin tưởng rằng, với những nền tảng vững chắc gây dựng được trong hơn 8 năm qua, cùng với sự động viên, khích lệ của các Quý vị cổ đông, các đối tác và các khách hàng, BIC sẽ đạt được các mục tiêu nói trên.

Thay mặt cho Hội đồng quản trị, tôi xin được tri ân sự đồng hành của Quý vị và mong rằng Quý vị sẽ tiếp tục tiến bước cùng BIC trong năm 2014.

Trân trọng,

PHẠM QUANG TÙNG

THÔNG ĐIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



*Ông **Tôn Lâm Tùng** - Tổng Giám đốc*

Kính thưa: Quý Khách hàng, đối tác và Quý vị cổ đông,

Năm 2013 đã đi qua, đây là năm thứ 6 nền kinh tế Việt Nam ở trong tình trạng trì trệ, tăng trưởng thấp hơn tiềm năng. Trong bối cảnh tình hình kinh tế vĩ mô chưa có nhiều khởi sắc, ngành bảo hiểm nói chung và BIC nói riêng vẫn phải đối mặt với khó khăn như nhu cầu bảo hiểm giảm sút trong khi các rủi ro thuộc trách nhiệm bảo hiểm ngày càng gia tăng,...

BIC, mặc dù đứng trước những mục tiêu kinh doanh đặt ra vô cùng thách thức trong bối cảnh kinh doanh khó khăn đó nhưng với sự đồng hành, chia sẻ của Quý Khách hàng, Đối tác, cộng với những quyết tâm, nỗ lực của tập thể cán bộ nhân viên toàn hệ thống, đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông giao. Với tốc độ tăng trưởng doanh thu bảo hiểm gốc đạt **18,2%**, cao gấp 2,5 lần bình quân thị trường, BIC có sự gia tăng thị phần đáng kể và tiếp tục giữ vị trí thứ 7/29 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ. Không những vậy, BIC tiếp tục khẳng định là doanh nghiệp có tình hình tài chính vững mạnh, kinh doanh hiệu quả thông qua tăng trưởng quỹ dự phòng nghiệp vụ **19,4%** so với cùng kỳ, tỷ suất sinh lời trên vốn điều lệ của riêng công ty mẹ (ROE) đạt **12,88%**, cao hơn cùng kỳ năm trước.

Về phát triển mạng lưới kinh doanh: Năm 2013, BIC cũng đã hoàn tất các thủ tục để thành lập công ty thành viên thứ 22 - Công ty Bảo hiểm BIDV Đông Đô và tăng số Phòng kinh doanh lên 104 trên toàn quốc.

Tại hải ngoại, BIC đã hoàn tất việc mua lại và sở hữu 65% cổ phần trong Liên doanh Bảo hiểm Lào Việt (LVI), chính thức phát hành báo cáo tài chính hợp nhất từ Quý 3/2013. Đồng thời, BIC đang xúc tiến để hoàn tất các thủ tục mua lại 65% vốn tại Công ty Bảo hiểm Cambodia Việt nam (CVI) trong năm 2014.

Đối với công tác quản trị điều hành, năm 2013, BIC đã có nhiều cải tiến trong cơ cấu tổ chức và quản trị điều hành: Bổ nhiệm 01 Phó Tổng giám đốc phụ trách quan hệ khách hàng tại khu vực phía Nam; Tiếp tục kiện toàn mô hình tổ chức theo hướng tăng tính chủ động cho các đơn vị, tập trung hóa công tác quản lý nghiệp vụ và quản lý rủi ro tại Trụ sở chính, chuyên môn hóa hoạt động khai thác và chăm sóc khách hàng, xử lý bồi thường tại các đơn vị thành viên; Thực hiện luân chuyển các cán bộ chủ chốt từ Trụ sở chính về các công ty thành viên, nhằm phát huy năng lực, kinh nghiệm của cán bộ, phục vụ hoạt động kinh doanh của hệ thống; Đã xây dựng và áp dụng thí điểm Thẻ điểm cân bằng (BSC) và Hệ thống các chỉ số đánh giá hiệu quả công việc (KPI) áp dụng tại Trụ sở chính.

BIC cũng đã khởi động dự án định hạng tín nhiệm quốc tế nhằm có điều kiện để hỗ trợ tốt hơn cho hoạt động kinh doanh của 02 Công ty con tại hải ngoại và nâng cao năng lực cạnh tranh khi vươn ra thị trường quốc tế.

Nhằm hoàn thiện mô hình BIC Holdings theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông, bên cạnh việc tăng sở hữu và tái cơ cấu hoạt động của 02 liên doanh LVI, CVI, năm 2013 BIC đã cùng Ngân hàng BIDV ký Hợp đồng hợp tác thành lập ***Liên doanh Bảo hiểm Nhân thọ BIDV MetLife*** với Tập đoàn Bảo hiểm MetLife hàng đầu của Hoa Kỳ, dự kiến hoàn tất đi vào hoạt động từ Quý 3/2014.

Với những nỗ lực và kết quả hoạt động của mình, năm 2013 BIC đã vinh dự được tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý: Bằng khen của Bộ Tài Chính vì những đóng góp cho sự phát triển của thị trường Bảo hiểm giai đoạn 2009 - 2013, Bằng khen của Đảng ủy Khối doanh nghiệp Trung ương, giải thưởng Thương hiệu mạnh Việt Nam 2013,...

Nhìn lại một năm tình hình kinh doanh vẫn gặp nhiều khó khăn như năm 2013, những kết quả này đã khẳng định sự chỉ đạo và định hướng sáng suốt của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, sự đồng lòng của toàn thể hơn 600 cán bộ nhân viên BIC và sự hợp tác, sẻ chia của các Quý khách hàng và đối tác.

HƯỚNG TỚI NĂM 2014

Sau 03 năm tình hình kinh doanh đầy khó khăn, bước sang năm 2014, theo rất nhiều dự báo, nền kinh tế Việt Nam sẽ có dấu hiệu khả quan hơn năm 2013, tuy vậy những khó khăn, bất ổn của 2013 sẽ vẫn chưa thể được loại bỏ.

Đối với thị trường bảo hiểm, nhìn chung, năm 2014 khả năng sẽ có nhiều điểm sáng hơn so với năm 2013. Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam và Cục Quản lý, Giám sát bảo hiểm Bộ Tài chính đều nhận định năm 2014 thị trường bảo hiểm sẽ có những bước phát triển tốt hơn so với năm 2013 và dự kiến tổng doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường tăng trưởng khoảng 10 - 11%.

Trước bối cảnh đó, với tín hiệu thị trường và khả năng quản trị rủi ro của BIC, mục tiêu kinh doanh 2014 đặt ra là đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng doanh thu phí bảo hiểm gốc, duy trì lợi nhuận ở mức hợp lý, mở rộng thị phần nhằm không chỉ tăng cường vị thế trên thị trường, mà còn là cơ sở nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của BIC. Bằng việc tăng trưởng quy mô doanh thu, BIC có thể tiết giảm tỷ lệ chi phí, tạo được số đông, tạo nền tảng vững chắc để hướng tới mục tiêu hiệu quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

Với mục tiêu tổng doanh thu phí bảo hiểm riêng Công ty mẹ đạt 1.000 tỷ đồng, lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 130 tỷ đồng, Ban Điều hành BIC sẽ phải triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháptừ mở rộng mạng lưới, kênh phân phối đến các giải pháp về khách hàng, sản phẩm, cơ chế chính sách, quản trị điều hành... để đạt được mục tiêu đề ra.

Bên cạnh đó, với một loạt các mục tiêu lớn cần hoàn tất như: đưa Liên doanh Bảo hiểm Nhân thọ BIDV MetLife đi vào hoạt động; tìm kiếm cổ đông chiến lược nước ngoài và tăng vốn điều lệ; hỗ trợ hai liên doanh LVI, CVI tái cấu trúc và đẩy mạnh hoạt động; hoàn tất dự án định hạng tín nhiệm quốc tế.... Năm 2014 sẽ là một năm hết sức bận rộn của BIC, đòi hỏi toàn hệ thống tiếp tục nỗ lực và đổi mới mạnh mẽ hơn nữa.

Chúng tôi mong rằng sẽ tiếp tục có sự hợp tác, chia sẻ của Quý vị. Với sự tin tưởng của Quý vị và sự đồng lòng, quyết tâm của toàn hệ thống BIC, tôi tin rằng BIC sẽ xuất sắc hoàn thành các mục tiêu của năm 2014.

Chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng

TÔN LÂM TÙNG

8 SỰ KIỆN TIÊU BIỂU TRONG NĂM HOẠT ĐỘNG THỨ 8, 2013



01

Triển khai hệ thống đánh giá công việc theo phương pháp thẻ điểm cân bằng (BSC) và đổi mới về công tác nhân sự

Một điểm mới trong công tác quản lý của BIC năm 2013 đó là tự nghiên cứu, xây dựng và áp dụng phương pháp thẻ điểm cân bằng (**BSC**) và các tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ (**KPIs**), mang lại một phương thức đánh giá nhân sự chính xác, công bằng, sát với bản mô tả công việc. Đây là một sự cải tiến quan trọng, phù hợp với xu hướng quản lý nhân sự chung của thị trường.

Bên cạnh đó, năm 2013 là năm đầu tiên BIC thực hiện bổ nhiệm, luân chuyển nhiều các cán bộ chủ chốt từ Trụ sở chính về các công ty thành viên, nhằm đào tạo cán bộ và tăng cường nhân lực cho các đơn vị trong toàn hệ thống.

02

Tiếp tục đổi mới mô hình tổ chức

Hướng tới mô hình quản trị tiên tiến, trong năm 2013 BIC đã có nhiều cải tiến trong cơ cấu tổ chức và quản trị điều hành: bổ nhiệm một Phó Tổng Giám đốc phụ trách quan hệ khách hàng tại khu vực phía Nam; tiếp tục lộ trình thực hiện tập trung hóa công tác quản lý nghiệp vụ và quản lý rủi ro tại Trụ sở chính, chuyên môn hóa hoạt động khai thác và chăm sóc khách hàng, xử lý bồi thường tại các đơn vị thành viên;

Tháng 11/2013, BIC đã họp phiên Đại hội cổ đông bất thường, thông qua việc bổ nhiệm thay thế 02 thành viên Hội đồng quản trị và bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị độc lập, phục vụ định hướng phát triển của BIC.

03

Góp vốn thành lập Liên doanh Bảo hiểm Nhân thọ BIDV MetLife

Phù hợp với chiến lược xây dựng mô hình BIC Holdings, đồng thời hướng tới khép kín chuỗi cung ứng dịch vụ bảo hiểm cho khách hàng, vào tháng 9/2013, BIC đã cùng Ngân hàng BIDV và MetLife - Tập đoàn bảo hiểm nhân thọ số 1 của Hoa Kỳ ký kết Hợp đồng liên doanh thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo hiểm Nhân thọ BIDV MetLife. Hiện nay, BIDV MetLife đang triển khai các bước cần thiết để chính thức đi vào hoạt động trong năm 2014.

04

Hoàn tất việc mua lại và tăng sở hữu trong Liên doanh Bảo hiểm Lào Việt

Thực hiện chủ trương được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt trong chiến lược xây dựng mô hình BIC Holdings, tiếp tục định hướng mở rộng hoạt động kinh doanh tại hải ngoại, trong năm 2013, BIC đã xúc tiến mua lại phần vốn góp của Ngân hàng Liên doanh Lào Việt trong Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào Việt để tăng tỷ lệ sở hữu tại LVI lên **65%** và đã chính thức phát hành báo cáo tài chính hợp nhất kể từ Quý 3/2013.

05

Triển khai dự án định hạng tín nhiệm quốc tế

Qua quá trình chuẩn bị, tiếp xúc, lựa chọn đối tác, trong năm 2013 BIC đã ký kết hợp đồng với đối tác để chính thức triển khai định hạng tín nhiệm doanh nghiệp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế.

06

Thành lập Công ty Bảo hiểm BIDV Đông Đô - Công ty thành viên thứ 22

Một sự kiện quan trọng, đánh dấu một bước chuyển mới trong công tác phát triển mạng lưới của BIC, đó là việc ra đời công ty thành viên thứ 22 của hệ thống – Công ty Bảo hiểm BIDV Đông Đô, có trụ sở tại địa bàn Hà Nội. Sau một thời gian dài ổn định con số công ty thành viên ở 21 đơn vị, việc có thêm 1 công ty thành viên mới là một bước chuyển về chiến lược của BIC, cụ thể hóa định hướng tận dụng khai thác tối đa tiềm năng của các địa bàn trọng điểm là Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Cùng với BIC Đông Đô, cuối năm 2013, mạng lưới hoạt động của BIC đã được nâng lên **22** Công ty thành viên và **104** Phòng Kinh doanh trên toàn quốc.

07

Hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh 2013

Năm 2013 nền kinh tế Việt Nam chưa có nhiều khởi sắc, ngành bảo hiểm Việt Nam vẫn tiếp tục đối mặt với các khó khăn tương tự năm 2012, ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của BIC. Mặc dù vậy, bằng các giải pháp kinh doanh hiệu quả, BIC vẫn hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh năm 2013 và đã được Ngân hàng BIDV công nhận là đơn vị dẫn đầu trong khối các công ty trực thuộc, là đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 03 năm 2011 - 2013.

08

Được ghi nhận và trao tặng các danh hiệu cao quý

Như một sự ghi nhận xứng đáng cho các nỗ lực của BIC, năm 2013 BIC đã được trao tặng các danh hiệu cao quý, đáng tự hào:

- *Bằng khen của Bộ Tài chính, công nhận những đóng góp của BIC trong sự nghiệp xây dựng và phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam giai đoạn 2009 - 2013.*
- *Cờ thi đua của Đảng ủy Khối doanh nghiệp Trung ương, công nhận BIC là 1 trong 12 Đảng bộ trong sạch vững mạnh, tiêu biểu giai đoạn 5 năm 2009 - 2013.*
- *Giải thưởng Thương hiệu mạnh Việt Nam do độc giả Thời báo Kinh tế Việt Nam bình chọn.*
- *Tiếp tục được xếp hạng trong 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam và 1.000 doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam năm 2013.*
- *Giải thưởng Doanh nghiệp Thương mại Dịch vụ tiêu biểu Việt Nam 2013 do Bộ Công thương trao tặng*

CÁC CHỈ SỐ
HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN
NĂM 2013

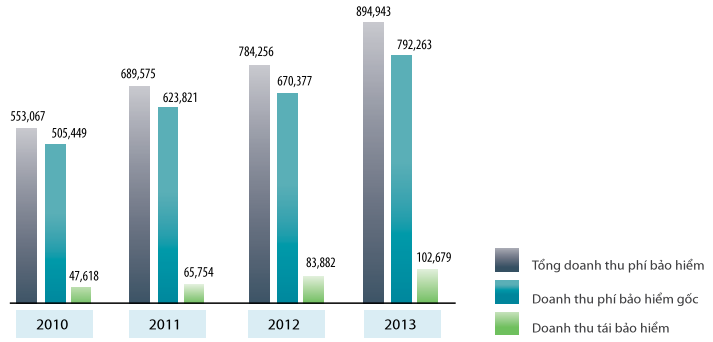
Các chỉ số hoạt động hợp nhất

Đơn vị: Tỷ đồng

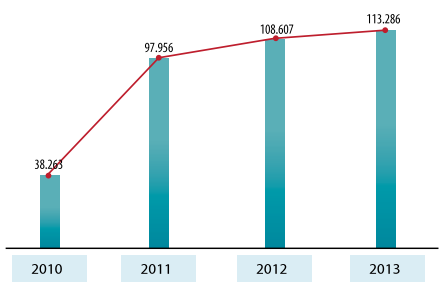
TT	Chỉ tiêu	2013
1	Tổng tài sản	1.755,769
2	Vốn chủ sở hữu	791,936
3	Tổng quỹ dự phòng nghiệp vụ	482,260
4	Tổng doanh thu	1.206,172
4.1	Tổng doanh thu phí bảo hiểm	939,525
4.2	Doanh thu hoạt động đầu tư tài chính	139,930
5	Tỷ lệ bồi thường thuộc TNGL	39,8%
6	Tổng lợi nhuận trước thuế	125,593

(*) Năm 2013, sau khi hoàn tất thủ tục tăng vốn tại Liên doanh bảo hiểm Lào Việt (LVI) lên 65%, kể từ Quý 3/2013, song song báo cáo tài chính riêng lẻ, BIC đã thực hiện lập và công bố báo cáo tài chính hợp nhất, bao gồm Công ty mẹ BIC và Công ty con LVI. 2013 là năm đầu tiên BIC có báo cáo hợp nhất, chính vì vậy không có số liệu so sánh cho các năm trước đó.

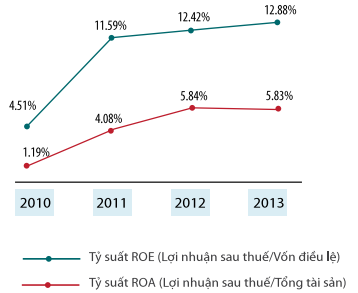
Các chỉ số hoạt động riêng của Công ty mẹ



Doanh thu phí bảo hiểm *Đơn vị: tỷ đồng*

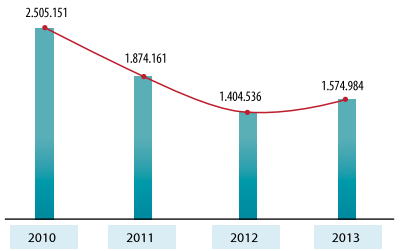


Lợi nhuận trước thuế (*) *Đơn vị: tỷ đồng*

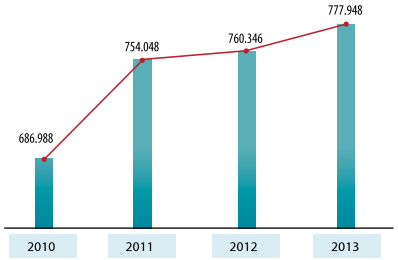


Tỷ suất ROE, ROA (*)

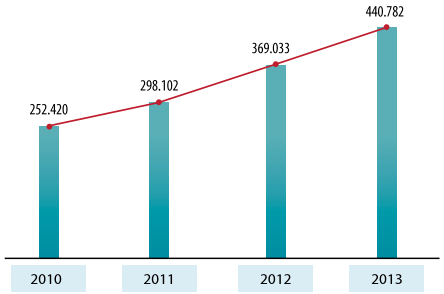
(*) Các chỉ tiêu trên không bao gồm Lãi/Lỗ thu được từ hoạt động đầu tư liên doanh, liên kết từ Công ty Liên doanh bảo hiểm Lào Việt (LVI)



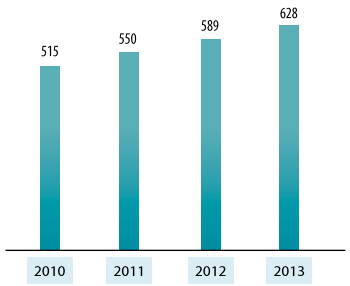
Tổng tài sản *Đơn vị: tỷ đồng*



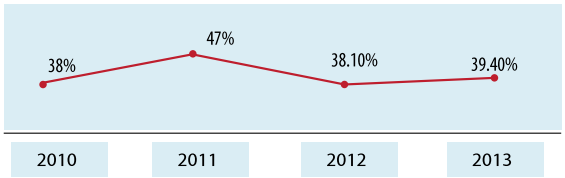
Vốn chủ sở hữu *Đơn vị: tỷ đồng*



Quỹ dự phòng nghiệp vụ *Đơn vị: tỷ đồng*



Tổng số nhân viên *(người)*



Tỷ lệ bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại

Thông tin chung về BIC

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên đầy đủ và chính thức
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Biểu tượng Logo BIC

Tên giao dịch bằng tiếng Việt Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV

Mã cổ phiếu (HSX) BIC

Vốn điều lệ 660.000.000.000 VNĐ

Trụ sở chính	Tầng 16, tháp A, Vincom, 191 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại	(84-4) 22200282
Fax	(84-4) 22200281
Hotline	1800 9456
Email	bic@bidv.com.vn
Website	www.bic.vn - www.baohiemtructuyen.com.vn

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM (BIC) ra đời trên cơ sở chiến lược thành lập Tập đoàn tài chính mang thương hiệu BIDV thông qua việc BIDV mua lại phần vốn góp của Tập đoàn Bảo hiểm Quốc tế QBE (Australia) trong Liên doanh Bảo hiểm Việt - Úc (là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, được thành lập và hoạt động tại Việt Nam từ năm 1999) và chính thức đi vào hoạt động với tên gọi mới (BIC) kể từ ngày 01/01/2006.

Kế thừa kinh nghiệm về hoạt động bảo hiểm liên doanh và kinh nghiệm hoạt động trên thị trường tài chính gần 57 năm qua của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt nam, sau khi đi vào hoạt động, BIC tiếp tục thực hiện chiến lược cung cấp các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ được thiết kế phù hợp trong tổng thể các sản phẩm dịch vụ tài chính trọn gói của BIDV tới khách hàng.

Theo thống kê của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, hiện nay BIC đang là 1 trong 10 công ty bảo hiểm phi nhân thọ dẫn đầu về thị phần bảo hiểm gốc và là một trong những công ty bảo hiểm có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trên thị trường. BIC là công ty dẫn đầu thị trường về phát triển kênh Bancassurance và các kênh bảo hiểm trực tuyến (E-business). BIC cũng là công ty bảo hiểm đầu tiên có mạng lưới hoạt động phủ kín tại thị trường Đông Dương. Hiện BIC đang là cổ đông lớn nhất (sở hữu 65% cổ phần) trong Liên doanh Bảo hiểm Lào Việt (LVI) và đang tiến hành các thủ tục cần thiết để tăng tỷ lệ sở hữu trong Công ty Bảo hiểm Campuchia Việt Nam (CVI) lên 65%.

Từ ngày 01/10/2010, được sự chấp thuận của Bộ Tài chính, BIC chính thức chuyển đổi sang mô hình Tổng Công ty Cổ phần và tăng vốn điều lệ lên 660 tỷ đồng. 19 chi nhánh được chuyển đổi thành các công ty thành viên hạch toán phụ thuộc.

Hiện nay, BIC có hơn 620 cán bộ nhân viên, phục vụ khách hàng tại 22 Công ty thành viên, 104 Phòng Kinh doanh và trên 1.000 đại lý bảo hiểm trên toàn quốc. Định hướng phát triển của BIC là sẽ trở thành 1 trong 5 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ có thị phần, hiệu quả nhất và được ưa thích nhất Việt Nam, duy trì vị trí 1 trong 2 trụ cột hoạt động chính của hệ thống BIDV.

BIC đã chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán T.P Hồ Chí Minh (HSX) với mã chứng khoán là BIC từ 6/9/2011.

TẦM NHÌN	• Trở thành 1 trong 5 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ dẫn đầu thị trường theo cả ba tiêu chí: vốn, thị phần, lợi nhuận. • Xây dựng BIC trở thành thương hiệu bảo hiểm uy tín và hiệu quả; là hoạt động trụ cột chính trong hệ thống BIDV.
GIÁ TRỊ CỐT LÕI	• Tận tâm với khách hàng • Tin cậy • Tinh thần đồng đội
SỨ MỆNH	• Đối với khách hàng: cung cấp giải pháp toàn diện để quản lý rủi ro tài chính cho khách hàng • Đối với nhân viên: xây dựng môi trường làm việc hiệu quả và văn hóa doanh nghiệp gắn kết nhằm phát huy tối đa nguồn nhân lực • Đối với cổ đông: cam kết mang lại giá trị và lợi ích bền vững • Đối với cộng đồng: tích cực đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Năm	Các mốc phát triển
1999	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam cùng Công ty Bảo hiểm Quốc tế QBE (Úc) hợp tác thành lập Công ty Liên doanh Bảo hiểm **Việt Úc (BIDV-QBE)**
2006	BIDV chính thức mua lại phần vốn góp của QBE trong Liên doanh Bảo hiểm Việt Úc và đổi tên Liên doanh thành **Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC)**
2008	Với chiến lược mở rộng hoạt động sang thị trường các nước Đông Dương, BIC hợp tác với Ngân hàng Liên doanh Lào Việt (LVB) và Ngân hàng Ngoại thương Lào (BCEL) thành lập Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào Việt (LVI). LVI đã chính thức đi vào hoạt động từ tháng **6/2008**
2009	Với việc được giao quản lý toàn diện hoạt động Công ty Bảo hiểm Cambodia Việt Nam (CVI), BIC trở thành công ty bảo hiểm đầu tiên có mạng lưới hoạt động kinh doanh bảo hiểm trên cả 3 nước Đông Dương **(Việt Nam - Lào - Campuchia)**
2010	**Ngày 01/10/2010**, BIC chính thức chuyển đổi sang mô hình Tổng Công ty Cổ phần và tăng vốn điều lệ lên 660 tỷ đồng.
2011	**Ngày 6/9/2011**, cổ phiếu BIC chính thức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán BIC.
2013	Hoàn tất việc mua lại phần vốn góp của Ngân hàng Liên doanh Lào Việt trong Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào Việt để tăng tỷ lệ sở hữu tại LVI lên 65% và chính thức phát hành báo cáo tài chính hợp nhất kể từ **quý 3/2013**



LĨNH VỰC VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



LĨNH VỰC KINH DOANH

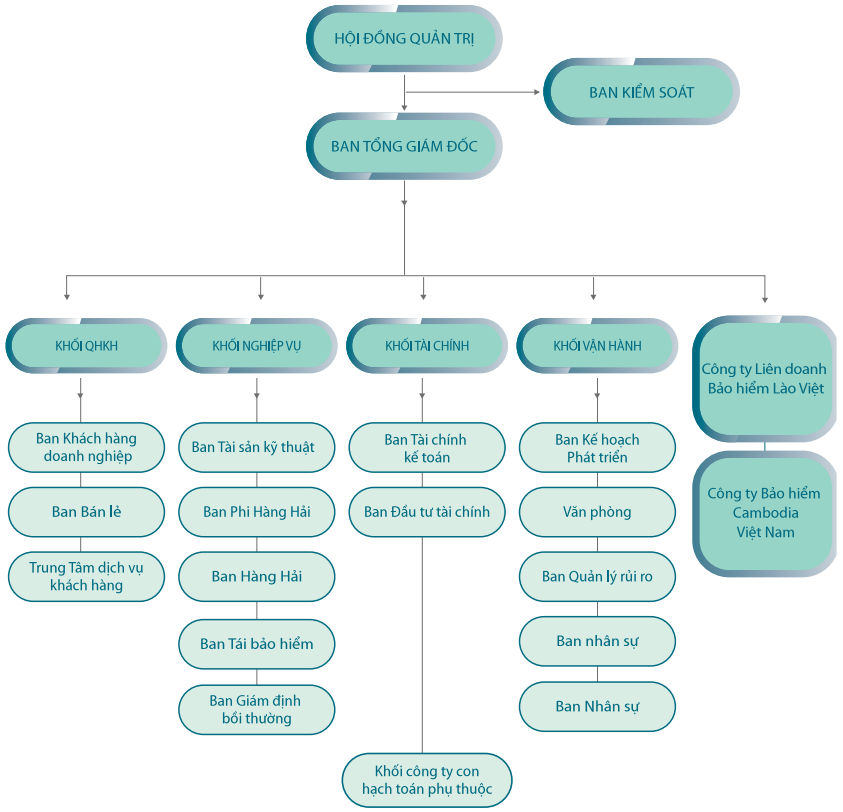
Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 11GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 10/4/2006 và Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC10/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 12/12/2013.

BIC cung cấp các dịch vụ Bảo hiểm phi nhân thọ - Tái bảo hiểm – Đầu tư tài chính.

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

- BIC hiện có 22 Công ty thành viên và 104 Phòng kinh doanh trên toàn quốc
- Hơn 1.000 đại lý bảo hiểm, cung cấp đa dạng các sản phẩm, dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ cho khách hàng
- BIC cung cấp hơn 100 sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ trong các lĩnh vực bảo hiểm con người – bảo hiểm tài sản – bảo hiểm trách nhiệm

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Phạm Quang Tùng / *Chủ tịch*

- Từ 2011 - nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP BIDV, Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV
- 2010 - 2011: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty BIDV
- 2006 - 2010: Giám đốc Công ty Bảo hiểm BIDV



Bà Nguyễn Thị Thanh Vân / *Ủy viên*

- Từ T5/2013 - nay: Phó Giám đốc phụ trách Ban Tài chính BIDV
- Từ 2010 - T4/2013: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV;
- 2006 - 2010: Phó Giám đốc phụ trách tài chính kế toán Công ty Bảo hiểm BIDV.
- 2002 - 2006: Kế toán trưởng Công ty Liên doanh Bảo hiểm Việt Úc, Phó Trưởng phòng Ban Tài chính BIDV



Ông Tôn Lâm Tùng / *Ủy viên*

- Từ 2011 – nay: Tổng Giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm BIDV
- Từ T10/2010 - T3/2011: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV
- Từ 2008 - 2010: Phó Giám đốc Công ty Bảo hiểm BIDV
- Từ 2006 - 2008: Trưởng phòng Đầu tư, Trưởng phòng Kinh doanh khu vực Hà Nội, Công ty Bảo hiểm BIDV



Ông Lê Ngọc Lâm / *Ủy viên*

- Từ T4/2013 - nay: Giám đốc Ban Khách hàng doanh nghiệp BIDV
- Từ T4/2012 - T3/2013: Giám đốc Ban Quản lý rủi ro tín dụng BIDV
- Từ 2010 - 2012: Phó Giám đốc Sở Giao dịch 1, BIDV



Bà Đặng Thị Hồng Phương / *Ủy viên*

- Từ năm 2011 - nay: Giám đốc Công ty CP Quỹ đầu tư chứng khoán An Bình
- Từ 2007 - 2010: Giám đốc Công ty quản lý quỹ SSI
- Từ 2006 - 2007: Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ Đầu Tư, Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam (Bảo Việt)

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



Ông Cao Cự Trí / *Trưởng Ban*

- 2009 - nay: Phó Trưởng Ban Kiểm soát BIDV.
- 2002 - 2009: Phó Giám đốc Sở Giao dịch III, Phó Trưởng Ban Kiểm soát BIDV.
- 1997 - 2002: công tác tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.



Ông Nguyễn Trung Kiên / *Thành viên*

- 2011 - nay: Phó Giám đốc Ban Kế toán BIDV.
- 1999 - 2010: Công tác tại Ban Dự án hiện đại hóa ngân hàng và hệ thống thanh toán, Ban Quản lý và Triển khai mở rộng dự án SIBS, Ban Kế toán, Chi nhánh BIDV Quang Trung



Ông Nguyễn Thành Công / *Thành viên*

- Hiện nay: Phó Ban Tài chính Kế toán, Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam (VINARE)

THÀNH VIÊN **BAN ĐIỀU HÀNH**



Ông Vũ Minh Hải
Phó Tổng Giám đốc

Ông Vũ Minh Hải đã có 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo hiểm.

Ông Hải gia nhập hệ thống BIC từ năm 2007 và đã từng giữ các chức vụ Phó Trưởng phòng Giám định Bồi thường và Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Tây Hà Nội (BIC Thăng Long hiện nay).

Từ năm 2009 - 2012, ông Hải được giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào - Việt (LVI).

Kể từ ngày 16/4/2012, ông Vũ Minh Hải được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc BIC.

Bà Đoàn Thị Thu Huyền
Phó Tổng Giám đốc

Bà Đoàn Thị Thu Huyền đã có nhiều năm công tác trong hệ thống BIDV và đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng trong lĩnh vực tổ chức nhân sự của BIDV. Trước khi được bổ nhiệm là Phó Tổng Giám đốc BIC, bà Huyền giữ chức vụ Phó Giám đốc Ban Tổ chức Cán bộ BIDV

Kể từ ngày 1/5/2012, bà Đoàn Thị Thu Huyền được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc BIC.

Ông Tôn Lâm Tùng
Tổng Giám đốc

Ông Tôn Lâm Tùng đã có hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm tại các ngân hàng của Việt Nam. Trước khi công tác tại BIC, ông Tôn Lâm Tùng là Phó Trưởng phòng Tín dụng 1 - Ban Tín dụng BIDV.

Tại BIC, ông Tùng đã từng giữ chức vụ Trưởng phòng Kinh doanh khu vực Hà Nội, Trưởng phòng Đầu tư, Phó Tổng Giám đốc.

Ông Trần Trung Tính
Phó Tổng Giám đốc

Ông Trần Trung Tính đã có gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo hiểm.

Trước khi công tác tại BIC, ông Tính đã từng đảm nhận các vị trí chủ chốt tại các công ty bảo hiểm lớn trên thị trường như: Phó Trưởng phòng Phi hàng hải; Phó Trưởng phòng Bảo hiểm Tài sản Kỹ thuật Công ty Bảo hiểm Bảo Minh - Chi nhánh Hà Nội; Trưởng phòng Bảo hiểm Tài sản - Kỹ thuật Công ty Bảo hiểm Bảo Minh Hà Nội; Phó Giám đốc Bảo Minh Hà Nội; Trưởng phòng Phát triển Kinh doanh BIC.

Ông Tính chính thức được đề bạt làm Phó Giám đốc BIC từ ngày 01/10/2008 và Phó Tổng Giám đốc BIC từ ngày 01/10/2010.

Ông Trần Hoài An
Phó Tổng Giám đốc

Ông Trần Hoài An đã từng công tác lâu năm trong ngành Hải quan.

Ông An gia nhập hệ thống BIC từ năm 2009 và giữ các vị trí Giám đốc Công ty Bảo hiểm BIDV Bình Định và Công ty Bảo hiểm BIDV Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày 1/4/2013, ông An được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc BIC, phụ trách phát triển khách hàng khu vực phía Nam, kiêm nhiệm Giám đốc Công ty Bảo hiểm BIDV Hồ Chí Minh.

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2013

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Định hướng đến năm 2020

- Tiếp tục duy trì và từng bước gia tăng thị phần hoạt động kinh doanh bảo hiểm.
- Hoàn thành tái cơ cấu mô hình quản trị của BIC theo mô hình BIC Holdings.
- Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của từng đơn vị thành viên, tăng cường vai trò quản lý, hỗ trợ của Trụ sở chính đối với khối Công ty thành viên.
- Tối ưu hóa danh mục sản phẩm nhằm tận dụng tối đa các lợi thế của BIC phù hợp với xu thế của thị trường.
- Tập trung khai thác triệt để tiềm năng bảo hiểm đối với nhóm khách hàng của BIDV đồng thời mở rộng khai thác ra các đối tượng khách hàng bên ngoài (đặc biệt là các nhóm khách hàng cá nhân có thu nhập cao tại các khu vực đô thị) để từng bước tạo lập cơ sở khách hàng bền vững.
- Tiếp tục phát triển mạng lưới của BIC gắn kết với mạng lưới sẵn có của BIDV theo mô hình Ngân hàng - Bảo hiểm.
- Quản lý danh mục đầu tư linh hoạt để đạt mục tiêu cân bằng lợi nhuận và rủi ro.
- Hoàn thành việc tìm kiếm đối tác chiến lược và phát hành cổ phiếu tăng vốn cho cổ đông chiến lược để nâng cao năng lực tài chính và mở rộng hoạt động.

Giai đoạn 2013 - 2015

- Tập trung xây dựng mô hình BIC Holdings gắn liền với tìm kiếm cổ đông chiến lược và phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ
- Xây dựng lộ trình tăng vốn tại Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào Việt (LVI) và việc tiếp nhận vốn tại Công ty Bảo hiểm Cambodia Việt Nam (CVI)

Giai đoạn 2016 - 2020

- Tiếp tục củng cố và hoàn thiện mô hình BIC Holdings
- Từng bước đẩy mạnh hoạt động kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ thông qua lộ trình tiếp nhận vốn tại Liên doanh Bảo hiểm Nhân thọ BIDV MetLife.
- Có lộ trình tăng vốn phù hợp với chiến lược mở rộng thị phần, sản phẩm, quy mô hoạt động.
- Giành lại vị trí thứ sáu trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt nam
- Tăng trưởng doanh thu bảo hiểm hợp nhất trên 20%.



Năm 2013 là năm thứ 6 nền kinh tế Việt Nam rơi vào trì trệ, tăng trưởng dưới mức tiềm năng, tăng trưởng GDP chỉ đạt 5,42% - thấp hơn mức kỳ vọng 5,5% . Năm 2013 cũng là bước tiếp nối của giai đoạn Việt Nam đối mặt với bất ổn kinh tế vĩ mô kéo dài nhất kể từ thập niên 1990.

THỊ TRƯỜNG 2013 VÀ DỰ BÁO 2014

NỀN KINH TẾ VIỆT NAM 2013 VÀ DỰ BÁO 2014

Ổn định trong khó khăn

Năm 2013 là năm thứ 6 nền kinh tế Việt Nam rơi vào trì trệ, tăng trưởng dưới mức tiềm năng, tăng trưởng GDP chỉ đạt **5,42%** - thấp hơn mức kỳ vọng **5,5%**[1] . Năm 2013 cũng là bước tiếp nối của giai đoạn Việt Nam đối mặt với bất ổn kinh tế vĩ mô kéo dài nhất kể từ thập niên 1990. Các thách thức của nền kinh tế 2013 phải đối mặt gồm:

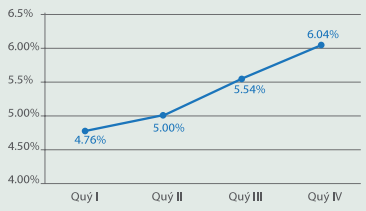
Thứ nhất, nguy cơ lạm phát tăng cao vẫn luôn "rình rập" bởi nguyên nhân bên trong nền kinh tế chưa được giải quyết triệt để.

Thứ hai, tình hình nợ xấu chưa được cải thiện, nên dòng tín dụng vẫn bị tắc nghẽn, nền kinh tế không hấp thụ được vốn. Tình trạng thừa tiền, thiếu vốn còn kéo dài. Khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp vẫn còn khó khăn, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ.

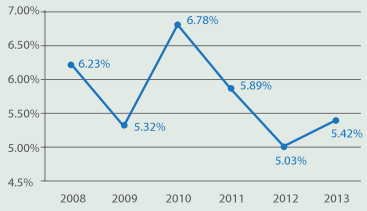
Thứ ba, lãi suất cho vay vẫn còn khá cao, nhất là lãi suất vay trung – dài hạn, dẫn tới không kích thích được các doanh nghiệp đang có thị trường mở rộng đầu tư và vẫn là nguy cơ làm tăng nợ xấu đối với những doanh nghiệp đang nỗ lực phục hồi sản xuất.

Thứ tư, những nỗ lực để làm "ấm" thị trường bất động sản chưa thể mang lại kết quả, dẫn tới thanh khoản của thị trường này khó được cải thiện. Gói hỗ trợ lãi suất **30.000** tỷ đồng để hỗ trợ thị trường bất động sản cho đến nay chưa mang lại kết quả đáng kể. Một khi thanh khoản của thị trường bất động sản chưa cải thiện, thì việc xử lý nợ xấu của ngân hàng thương mại cũng sẽ khó khăn.

Cộng với đó là, trong năm 2013 tình hình kinh tế thế giới còn diễn biến thất thường, có tác động bất lợi đối với nền kinh tế Việt Nam.



GDP Việt Nam năm 2013



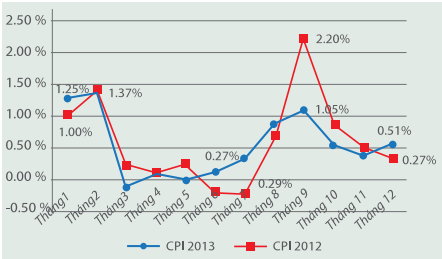
GDP Việt Nam từ 2008 - 2013

Với tình hình trên, tại Kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XIII đã xác định mục tiêu kinh tế tổng quát của năm 2013 là: "Tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô; lạm phát thấp hơn, tăng trưởng cao hơn năm 2012. Đẩy mạnh thực hiện 3 đột phá chiến lược gắn với tái cơ cấu nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng...", với tốc độ tăng GDP khoảng **5,5%** và kiểm soát CPI dưới **8%**.

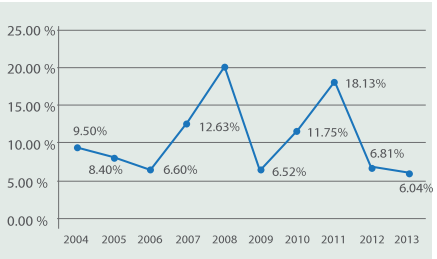
(1): Nguồn: Tổng Cục Thống kê

Để thực hiện các mục tiêu trên, Chính phủ đã có nhiều nỗ lực để tạo niềm tin cho thị trường thông qua một "gói giải pháp hỗ trợ thị trường" nhằm: giải quyết hàng tồn kho; xử lý nợ xấu và tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản. Cụ thể gồm các giải pháp về tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ; mở rộng tín dụng tiêu dùng; giảm lãi suất huy động tiền gửi và lãi suất cho vay; áp dụng nhiều biện pháp để xử lý nợ xấu, trong đó có việc thành lập định chế mua bán nợ của Nhà nước (VAMC).

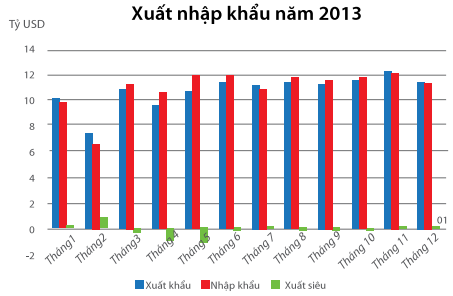
Nhờ vậy, từ nửa cuối năm 2013, thị trường có một số dấu hiệu phục hồi, đáng chú ý là lạm phát được duy trì ở mức thấp nhất trong 10 năm trở lại đây (6% so với mục tiêu 7-8%), lãi suất ngân hàng cũng giảm xuống mức rất thấp với lãi suất cho vay ngắn hạn chỉ ở mức **8 – 9%**/năm, tỷ giá được duy trì khá ổn định trong thời gian dài. Thị trường chứng khoán cũng đang trên đà phục hồi và tăng trưởng tương đối mạnh với chỉ số VN-Index tăng **22,2%** so với năm 2012. Cán cân thương mại được cải thiện đáng kể: kim ngạch xuất khẩu cả năm ước đạt **132,2 tỷ USD**, tăng **15,4%** so với năm 2012. Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu năm 2013 đạt **131,3 tỷ USD**, tăng **15,4%** so với năm trước. Như vậy, Việt Nam tiếp tục xuất siêu hơn **0,9 tỷ USD**, sau khi đã xuất siêu 780 triệu USD vào 2012. Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), theo số liệu của Tổng cục Thống kê, năm 2013 đăng ký ước đạt **21,6 tỷ USD**, tổng vốn giải ngân ước **11,5 tỷ USD**. Đây là các mức cao nhất trong 4 năm qua của dòng vốn FDI.

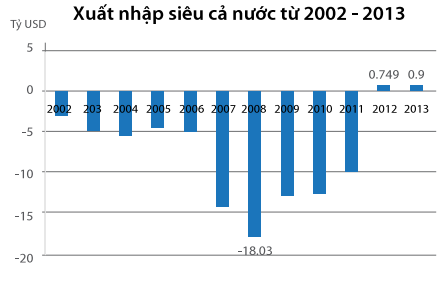


CPI cả nước 2012 và 2013



Chỉ số giá tiêu dùng từ 2004 - 2013





Nguồn: Tổng Cục Thống kê

Như vậy, những tháng cuối năm 2013 nền kinh tế Việt Nam đã có nhiều điểm sáng, hứa hẹn một bức tranh "sáng sủa" hơn cho năm 2014. Cùng với đà phục hồi từ nửa cuối năm 2013, năm 2014, Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP là 5,8%, điều này đã thể hiện quyết tâm của Chính phủ đưa nền kinh tế vào quỹ đạo tăng trưởng, đồng thời cũng đã cho thấy sự lạc quan của Chính phủ về khả năng phục hồi của nền kinh tế.

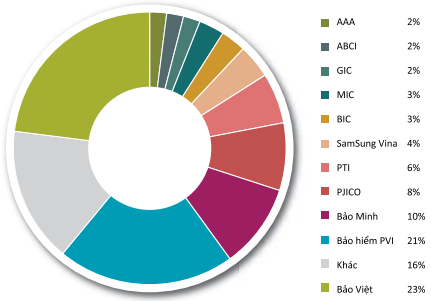
BIC cho rằng 2014 sẽ là năm bản lề quan trọng, đánh dấu triển vọng **"thoát đáy"** của nền kinh tế.

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ 2013 VÀ DỰ BÁO 2014

Năm 2013, mặc dù các doanh nghiệp bảo hiểm đã chú trọng đến hiệu quả kinh doanh bảo hiểm và đầu tư hơn là chạy đua doanh thu nhưng thị trường bảo hiểm phi nhân thọ vẫn chứng kiến sự suy giảm đáng kể. Năm 2013, tổng doanh thu phí bảo hiểm gốc của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ chỉ đạt **24.426 tỷ đồng**, tăng trưởng **7%** so với năm 2012. Đây là mức tăng trưởng thấp nhất trong 4 năm qua khi tốc độ tăng trưởng của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ trong các năm 2010, 2011, 2012 đều đạt lần lượt **24,5%, 17,5%, 10,5%.** Tổng số tiền đầu tư trở lại nền kinh tế của các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ đạt **24.265 tỷ đồng**, tăng trưởng **14%** so với cùng kỳ [2].

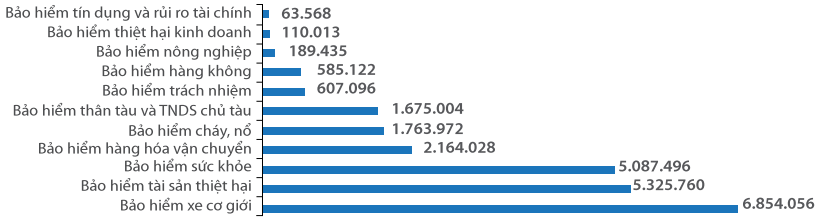
Nguyên nhân của sự suy giảm này chủ yếu là do khó khăn chung của nền kinh tế, đầu tư, chi tiêu công bị tiết giảm, tăng trưởng tín dụng thấp, nhiều cơ sở ngừng trệ làm giảm nhu cầu bảo hiểm và khả năng thanh toán phí bảo hiểm. Ngoài ra, việc cạnh tranh hạ phí bảo hiểm để thu hút khách hàng, dịch vụ bảo hiểm, cũng khiến doanh thu của khối bảo hiểm phi nhân thọ bị giảm sút, ảnh hưởng tới lợi nhuận.

Mặc dù vậy, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ năm 2013 vẫn ghi nhận những điểm sáng. Đó là sự chuyên nghiệp của lực lượng đại lý. Các kênh phân phối ngày càng được đa dạng, tối ưu hóa giúp khách hàng có thể tiếp cận các sản phẩm bảo hiểm một cách thuận lợi nhất. Bên cạnh đó, nỗ lực mở rộng mạng lưới, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ khách hàng, đáp ứng được nhu cầu tài chính ngày càng đa dạng của người dân, mạnh dạn thu hẹp quy mô kinh doanh của các nghiệp vụ bảo hiểm gây thua lỗ, "nói không" với tăng trưởng nóng… đã giúp nhiều doanh nghiệp duy trì mức tăng trưởng ổn định trong năm 2013, tạo tiền đề tăng trưởng cao trong năm 2014.



Biểu đồ thị phần 2013

Đơn vị: tỷ đồng



Doanh thu phí bảo hiểm gốc toàn thị trường theo nghiệp vụ năm 2013

(2): Nguồn: Bộ Tài chính

Năm 2014, dự kiến tổng doanh thu phí bảo hiểm sẽ tăng trưởng khoảng 10 – 11% so với năm 2013. Một số tín hiệu tích cực mà BIC cho rằng sẽ có tác động tốt tới sự phát triển chung của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ gồm:

- Kể từ ngày 1/1/2014, Thông tư số 232/2013/TT-BTC, quy định một số chế độ kế toán mới đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài chính thức có hiệu lực. Theo đó có khá nhiều điểm mới trong quy định về hạch toán tương đối có lợi cho các doanh nghiệp bảo hiểm như: không bù trừ các khoản dự phòng trên báo cáo tài chính, quy định về kế toán đối với các khoản đầu tư tài chính... Với các thay đổi trong cách hạch toán và thể hiện trong báo cáo tài chính, kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp bảo hiểm sẽ được điều chỉnh theo chuẩn mực quốc tế và cũng sẽ được cải thiện đáng kể.
- Đề án thực hiện cơ sở dữ liệu về bảo hiểm TNDS chủ xe cơ giới đã hoàn tất, khi đi vào thực thi sẽ là một tiền đề quan trọng để hạn chế trục lợi bảo hiểm, tạo sự thay đổi cả về chất và lượng cho thị trường.
- Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt nam trong năm 2013 đã cho thấy sự thay đổi khá tích cực khi các doanh nghiệp bảo hiểm đã bắt đầu áp dụng một loạt các biện pháp quản lý nghiệp vụ chặt chẽ, một mặt để đáp ứng các yêu cầu của chính sách tái bảo hiểm, mặt khác để tăng cường hiệu quả cho kinh doanh bảo hiểm gốc. Điều này đã góp phần cải thiện đáng kể hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp, mặc dù 2013 được đánh giá là năm kỷ lục về tần suất và sức tàn phá của thiên tai. Đây là xu hướng rất tích cực để hướng đến một thị trường cạnh tranh lành mạnh hơn. Mặt khác, với hiệu quả kinh doanh được cải thiện sẽ là cơ sở để chúng ta kỳ vọng một mùa tái tục các hợp đồng tái bảo hiểm "dễ thở" hơn đối với các doanh nghiệp trong năm 2014.
- Đối với các doanh nghiệp bảo hiểm, năm 2014 sẽ tiếp tục là năm để họ tập trung vào yếu tố hiệu quả kinh doanh thông qua các giải pháp mang tính dài hạn như tái cấu trúc, đầu tư cho việc nghiên cứu phát triển các sản phẩm hiệu quả, đáp ứng nhu cầu của khách hàng, đa dạng các kênh phân phối, tăng cường chất lượng dịch vụ,… Chính vì vậy, BIC cho rằng 2014 sẽ là năm để các doanh nghiệp bảo hiểm xây dựng được một nền tảng vững chắc về quản lý điều hành, củng cố năng lực cạnh tranh và là năm mà toàn thị trường sẽ có sự thay đổi đáng kể về chất.



KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA BIC NĂM 2013

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

Mặc dù 2013 là một năm khó khăn đối với thị trường bảo hiểm nói chung và BIC nói riêng nhưng với sự quyết tâm của toàn hệ thống BIC và bằng các giải pháp kinh doanh hiệu quả, kết quả kinh doanh của BIC tương đối khả quan và đã hoàn thành hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch.

Kết quả kinh doanh hợp nhất

Sau khi tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào Việt (LVI) lên 65%, BIC đã hợp nhất kết quả kinh doanh và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất kể từ Quý 3/2013. Mặc dù kết quả kinh doanh chỉ hợp nhất từ ngày 2/8/2013, nhưng sự tăng trưởng khá của LVI tại hải ngoại cũng đã đóng góp đáng kể vào kết quả kinh doanh hợp nhất của BIC năm 2013. Cụ thể:

- **Tổng doanh thu hợp nhất toàn Tổng Công ty đạt 1.206,172 tỷ đồng, tăng trưởng gần 20% so với năm 2012. Trong đó, doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt 855,868 tỷ đồng, doanh thu phí tái bảo hiểm đạt 83,657 tỷ đồng.**
- **Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 125,593 tỷ đồng.**
- **Tổng tài sản hợp nhất đạt 1.755,769 tỷ đồng.**
- **Vốn chủ sở hữu hợp nhất đạt 791,936 tỷ đồng.**
- **Tổng quỹ dự phòng nghiệp vụ đạt 482,26 tỷ đồng**

Kết quả kinh doanh của Công ty mẹ

Tăng trưởng doanh thu

Tổng doanh thu phí bảo hiểm của Công ty mẹ năm 2013 đạt **894,94 tỷ đồng**, tăng trưởng **18,7%** so với năm 2012, hoàn thành 105,3% kế hoạch cả năm, trong đó doanh thu phí gốc đạt 792,26 tỷ đồng, tăng 18,2%; doanh thu phí nhận tái đạt **102,68 tỷ đồng**, tăng **22,4%.**

Với định hướng tập trung đẩy mạnh bán lẻ, doanh thu các dòng sản phẩm xe cơ giới, con người của BIC tăng trưởng mạnh, tương ứng **26,4%** và **25%**. Bên cạnh đó, nhóm sản phẩm bảo hiểm hàng hóa, do các biện pháp thúc đẩy hiệu quả đã tăng gần 60%. Đây là các động lực tăng trưởng chính của doanh thu phí bảo hiểm BIC trong năm 2013. Đặc biệt, doanh thu bảo hiểm xe máy (là sản phẩm bán lẻ được tập trung triển khai mạnh trong năm 2012, 2013) đã tăng trưởng gấp hơn 2 lần so với cùng kỳ năm 2012.

Cơ cấu doanh thu phí bảo hiểm gốc

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Nghiệp vụ	2012		2013	
		Doanh thu	Tỷ trọng %	Doanh thu	Tỷ trọng %
1	Tài sản và thiệt hại	173,654	25,90	187,770	23,70
2	Xe cơ giới	244,024	36,40	308,374	38,92
3	Thân tàu và TNDS chủ tàu	51,153	7,63	36,183	4,57
4	Cháy nổ	80,629	12,03	96,514	12,18
5	Hàng hóa vận chuyển	33,466	4,99	53,293	6,73
6	Sức khỏe và tai nạn con người	65,831	9,82	82,150	10,37
7	Trách nhiệm	3,691	0,55	4,392	0,55
8	Hàng không	6,046	0,90	17,051	2,15
9	Thiệt hại kinh doanh	1,476	0,22	4,986	0,63
10	Tín dụng và rủi ro tài chính	10,406	1,55	1,550	0,20
Tổng		670,377		792,263	

Lợi nhuận

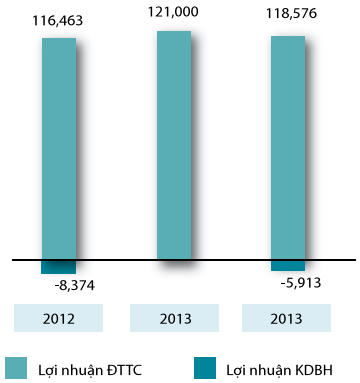
Nhờ các nỗ lực kiểm soát chi phí, giảm tỷ lệ bồi thường, kiểm soát công nợ phí bảo hiểm,... tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty mẹ năm 2013 đạt 113,28 tỷ đồng, tăng 4,3% so với cùng kỳ 2012 , trong đó:

- Hoạt động kinh doanh bảo hiểm chưa có lãi do ảnh hưởng bởi tình hình chung của thị trường, hoa hồng nhượng tái bảo hiểm bình quân năm 2013 đạt 26,5% giảm 2,5% so với năm 2012, đồng thời do ảnh hưởng dồn dập của các cơn bão lớn trong năm 2013 (Wutip) và vụ tổn thất máy bay tại Lào đã ảnh hưởng tới chi phí bồi thường.
- Hoạt động đầu tư tài chính đóng góp 118,57 tỷ đồng. Tuy nhiên đây chưa phải là kết quả kỳ vọng của BIC do lãi suất trên thị trường năm 2013 sụt giảm nhanh và mạnh ngoài dự đoán.

Quy mô tài sản và nguồn vốn

Tổng tài sản Công ty mẹ tính tại 31/12/2013 là 1.574,98 tỷ đồng, tăng 12,1% so với năm 2012. Trong đó chiếm tỷ trọng lớn nhất là các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, chiếm 64% tổng tài sản BIC, các khoản đầu tư tài chính dài hạn chiếm khoảng 15% tổng tài sản của BIC.

Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ năm 2013 đạt 777,95 tỷ đồng, tăng trưởng hơn 2% so với năm 2012. Tổng quỹ dự phòng nghiệp vụ đạt 440,78 tỷ đồng, tăng gần 20% so với năm 2012, khẳng định khả năng thanh khoản của BIC luôn được duy trì tốt, sẵn sàng chi trả cho các tổn thất lớn phát sinh.



HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

Cơ cấu danh mục đầu tư năm 2013

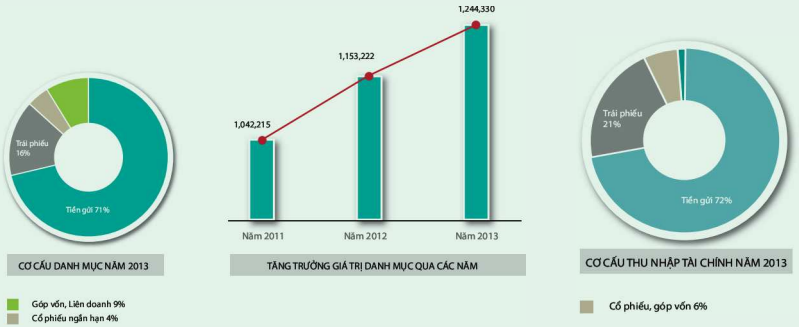
Đơn vị: tỷ đồng

TT	Nội dung	31/12/2012		31/12/2013	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
I	Đầu tư ngắn hạn	**900,090**		**1.000,717**	
1	Cổ phiếu niêm yết	35,349	3.07%	50,169	4.35%
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	34,7010	3.01%	5,438	0.47%
3	Tiền gửi	815,828	70.74%	901,000	78.13%
4	Trái phiếu công ty ngắn hạn	27,000	2.34%	44,900	3.89%
5	Dự phòng GGCK	(12,797)		(789,797)	
II	Đầu tư dài hạn	253,133		243,613	
1	Trái phiếu chưa niêm yết	170,146	14.75%	150,146	13.02%
2	Đầu tư vào công ty liên doanh	23,837	2.07%	34,660	3.01%
3	Đầu tư, góp vốn cổ phần khác	76,090	6.60%	76,090	6.60%
4	Dự phòng GGCK dài hạn	(16,940)		(17,283)	
Tổng cộng danh mục		**1.153,222**	100%	**1.244,330**	**100%**

Với nguyên tắc đầu tư an toàn, hiệu quả, năm 2013, BIC đã bám sát các diễn biến thị trường để cơ cấu danh mục đầu tưphù hợp với xu hướng của lãi suất tiền gửi, lãi suất trái phiếu. Theo đó, cơ cấu danh mục của BIC tiếp tục được duy trì ổn định, an toàn so với các năm trước, với tỷ trọng hơn 70% là tiền gửi, 16% là trái phiếu, còn lại là cổ phiếu và các khoản góp vốn. Giá trị tổng danh mục tăng trưởng 7,9% so với cùng kỳ 2012.

Năm 2013, do lãi suất giảm thấp, thu lãi tiền gửi giảm 15,8% so với năm 2013, nhưng thu nhập tiền gửi vẫn đóng góp đến 72% tỷ trọng thu nhập tài chính của BIC. Cùng với nguồn thu từ trái phiếu chiếm 21%, tổng thu nhập từ tài sản cố định của BIC chiếm 93% cơ cấu thu nhập.

Đồng thời, do thị trường chứng khoán khởi sắc, thu nhập từ cổ phiếu và góp vốn của BIC năm 2013 đã cải thiện đáng kể, đạt lãi 7,410 tỷ đồng.



Trong năm 2013, BIC đã mua lại thêm 14% vốn tại Công ty liên doanh Bảo hiểm Lào Việt, nâng tỷ lệ sở hữu của BIC tại LVI lên 65% và đã thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính từ quý 3/2013. Kết quả kinh doanh khả quan của LVI năm 2013 đã đóng góp đáng kể vào kết quả kinh doanh hợp nhất của BIC.

Kết quả hoạt động tài chính của Công ty mẹ BIC năm 2013

TT	Khoản mục	Năm 2012 (tỷ VND)	Năm 2013 (tỷ VND)	+/ - 2013 so với 2012	
				Số tiền	Tỷ lệ
1	Tiền gửi	103,684	87,336	(16,348)	- 15.8%
2	Trái phiếu	20,215	24,982	4,766	23.6%
3	Cổ phiếu, góp vốn	(6,095)	7,410	13,505	- 221.6%
4	Lãi/lỗ tỷ giá hối đoái	0,232	(0,248)	(0,480)	- 206.8%
5	Khác	(1,573)	(0,904)	0,669	- 42.5%
6	Tổng cộng	**116,463**	**118,576**	**2,112**	**1.8%**

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TẠI HẢI NGOẠI

CÔNG TY LIÊN DOANH BẢO HIỂM LÀO VIỆT (LVI)



TỔNG QUAN VỀ LVI

LVI được thành lập và chính thức hoạt động vào năm 2008 với 03 đối tác trong liên doanh là Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV (BIC), Ngân hàng Ngoại thương Lào (BCEL) và Ngân hàng Liên doanh Lào Việt (Lao Viet Bank). Trong suốt quá trình hoạt động LVI đã đạt được tốc độ phát triển nhanh chóng về cả nhân sự cũng như hệ thống trên toàn nước Lào. Với mục tiêu phát triển bền vững, LVI đã đầu tư mạnh vào công nghệ và phát triển các kênh phân phối sản phẩm mới và đã trở thành Công ty bảo hiểm đầu tiên triển khai sản phẩm Bancassurance tại Lào. LVI luôn coi chất lượng bồi thường là ưu tiên hàng đầu để bảo đảm quyền lợi khách hàng cũng như uy tín của LVI tại thị trường Lào.

Hiện LVI có hai cổ đông lớn gồm Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV (BIC) sở hữu 65% cổ phần và Ngân hàng Ngoại thương Lào (BCEL) sở hữu 35% cổ phần.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA LVI NĂM 2013

Kết quả kinh doanh

2013 là năm mà điều kiện thiên nhiên ở Lào hết sức khắc nghiệt, hàng loạt cơn bão lớn đổ bộ vào Lào, gây ra nhiều thiệt hại nghiêm trọng tới tài sản của nhà nước, doanh nghiệp và nhân dân đang tham gia bảo hiểm tại LVI. Nhiều tai nạn thảm khốc xảy ra đã phá hủy tài sản và cướp đi sinh mạng của nhiều người đang được bảo hiểm tại LVI. Mặc dù chịu nhiều thách thức và gặp phải nhiều khó khăn như vậy nhưng 2013 vẫn là một năm thành công rực rỡ của LVI:

- Doanh thu phí bảo hiểm năm 2013 đạt 9.068.704 USD, tăng 34% so với năm 2012, đạt 103% kế hoạch HĐQT giao cả năm 2013.
- Tỷ lệ bồi thường/TNGL năm 2013 giảm mạnh xuống 37%; Tổng chi bồi thường giảm 28%.
- Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2013 tăng đột biến: lợi nhuận trước thuế tăng trưởng 26% đạt 750.726 USD, vượt kế hoạch HĐQT giao 10%.
- Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2013 đạt 11.782.094 USD, tăng 90% so với thời điểm 31/12/2012;
- Vốn chủ sở hữu đạt 3.875.812USD, tăng 17% so với thời điểm 31/12/2012;
- Tổng quỹ dự phòng nghiệp vụ đạt 2.055.230 USD, tăng 38% so với thời điểm 31/12/2012.

Kết quả các mặt hoạt động khác

Quản lý tài chính: thực hiện tốt các biện pháp thực hành tiết kiệm, kiểm soát chi phí, đóng góp quan trọng vào kết quả kinh doanh của LVI.

- Quản lý nghiệp vụ: Đã đưa vào bán sản phẩm mới là Bảo hiểm vật chất xe theo số km xe chạy (LVI KM), bước đầu mang lại lượng doanh thu khá lớn. Thực hiện tốt việc đánh giá phân loại lựa chọn và quản lý rủi ro trong quá trình khai thác.
- Quảng cáo xây dựng thương hiệu: Logo LVI đã có mặt ở hầu hết các tỉnh trên toàn quốc, trên tất cả các máy bay, bay quốc tế của LaoAirlines. Công ty thường xuyên quảng cáo trên báo và đài phát thanh. LVI đã trở thành thương hiệu bảo hiểm thông dụng tại Lào.
- Hoạt động liên kết bán chéo sản phẩm: LVI đã triển khai được hơn 120 điểm bán Bancassurance thông qua việc ký hợp đồng hợp tác với LVB, APB, STbanks, Indochinabank;
- Ghi nhận của Chính phủ Lào: Trong năm 2013 LVI vinh dự được nhận bằng khen của Chủ tịch Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ Lào.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG 2014

Mặc dù có nhiều khó khăn thách thức nhưng LVI xác định 2014 sẽ là năm tập trung mở rộng được thị trường, tạo thế đứng vững chắc, nâng cao tính cạnh tranh trên các mặt sản phẩm, chất lượng dịch vụ... Các mục tiêu chính của năm 2014 gồm:

- **Tiếp tục phát triển kênh Bancassurance:** Tiếp tục mở rộng địa bàn, tăng số lượng các điểm bán Bancassurance thông qua việc hợp tác với các ngân hàng khác như BCEL, Indochinabank.
- **Củng cố công tác quản lý:** Tăng cường công tác kiểm tra giám sát hoạt động bồi thường; Tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng được yêu cầu của hoạt động kinh doanh; Đầu tư phát triển công nghệ thông tin hỗ trợ hoạt động kinh doanh và kiểm soát rủi ro.
- **Phát triển sản phẩm mới:** Tiếp tục nghiên cứu cho ra đời các sản phẩm bảo hiểm mới đáp ứng nhu cầu của thị trường Lào.

CÔNG TY BẢO HIỂM CAMBODIA VIỆT NAM (CVI)



TỔNG QUAN VỀ CVI

CVI là doanh nghiệp bảo hiểm Phi nhân thọ thứ 7 tại thị trường Campuchia, được hình thành và phát triển dựa trên nền tảng kinh nghiệm hơn 57 năm qua trong lĩnh vực tài chính ngân hàng của BIDV, kết hợp kế thừa kinh nghiệm bảo hiểm của Liên doanh BIDV-QBE và BIC qua hơn 10 năm hoạt động tại thị trường Việt Nam và thị trường Lào.

Các cổ đông sáng lập của CVI gồm: IDCC (do BIDV đầu tư 100% vốn), Kasimex, NH Holdings. Bắt đầu đi vào hoạt động từ tháng 9/2009, CVI kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, quản lý rủi ro và đầu tư.

Định hướng hoạt động của CVI là nằm trong top đầu trong thị trường bảo hiểm phi nhân thọ tại Campuchia, đóng góp cho sự phát triển và thịnh vượng của nền kinh tế Campuchia đồng thời củng cố và tăng cường mối quan hệ hợp tác và hữu nghị lâu đời giữa 2 nước Campuchia và Việt Nam.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2013

Kết quả kinh doanh

- Doanh thu phí bảo hiểm năm 2013 đạt 3.209.990 USD, tăng 8,2% so với năm 2012, đạt 80% kế hoạch cả năm 2013.
- Hoạt động bồi thường của CVI năm 2013 đạt kết quả tốt, tỷ lệ bồi thường đạt 13,36% thấp nhất so với các năm trước, tốc độ xử lý bồi thường được nâng cao.
- Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2013 đạt 233.362 USD, tăng 8,4% so với năm 2012, đạt 99% kế hoạch HĐQT giao cả năm 2013.
- Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2013 đạt 8.801.334 USD, tăng 6,8% so với thời điểm 31/12/2012;
- Vốn chủ sở hữu đạt 7.452.872 USD, tăng 3,2% so với thời điểm 31/12/2012;
- Tổng quỹ dự phòng nghiệp vụ đạt 235.594 USD, giảm 21% so với thời điểm 31/12/2012.

Kết quả các mặt hoạt động khác

- Quản lý tài chính: CVI đã thực hiện tốt các biện pháp thực hành tiết kiệm, kiểm soát chi phí góp phần quan trọng vào kết quả kinh doanh năm 2013.
- Quản lý nghiệp vụ, phát triển dịch vụ: công tác quản lý nghiệp vụ và kiểm soát rủi ro được tăng cường, đảm bảo an toàn, hiệu quả cho hoạt động kinh doanh.
- Quảng cáo xây dựng thương hiệu được tăng cường hỗ trợ đắc lực cho hoạt động kinh doanh, thu hút khách hàng.

Mục tiêu năm 2014

- Doanh thu: 4.332.918 USD, tăng trưởng 35% so với năm 2013.
- Lợi nhuận trước thuế: 506.874 USD, tăng 29% so với năm 2013.
- Thị phần đứng thứ 5/6 các công ty bảo hiểm hoạt động tại thị trường Cambodia
- Tỷ lệ bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại trên phí giữ lại không quá 35%

NHỮNG TIẾN BỘ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2013 CỦA BIC

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Xác định con người là yếu tố trung tâm của mọi thành công, BIC luôn chú trọng tới công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.



Công tác đào tạo

Với mục tiêu đào tạo nhân viên theo chuẩn mực của BIC, năm 2013, các cán bộ tại BIC đã được tham dự các lớp đào tạo phù hợp để nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu công việc. Tỷ lệ cán bộ được đào tạo trên tổng số cán bộ toàn Tổng Công ty năm 2013 đạt 89,5%, hoàn thành 106% kế hoạch năm. Nội dung các khóa đào tạo đa dạng, bao trùm các mảng nghiệp vụ bảo hiểm, nghiệp vụ của các bộ phận hỗ trợ như kế toán, nhân sự, Marketing cùng các khóa đào tạo kỹ năng mềm cho mọi cán bộ nhân viên trong toàn Tổng Công ty.

Năm 2013, BIC lần đầu tiên đưa vào sử dụng phần mềm kiểm tra nghiệp vụ trực tuyến. Bước đầu giúp đánh giá thực trạng chuyên môn của các bộ trên toàn hệ thống để có chính sách đào tạo phù hợp.

BIC hiện có đội ngũ giảng viên kiêm chức là những cán bộ có chuyên môn và cán bộ lãnh đạo dày dặn kinh nghiệm, kiến thức sâu rộng về các lĩnh vực của ngành bảo hiểm. Thông qua đào tạo nội bộ, kết hợp với các buổi thảo luận, diễn đàn chuyên đề, Ban Lãnh đạo cùng cán bộ nhân viên có thể trao đổi kinh nghiệm, tìm ra phương thức cải tiến để hoạt động của BIC trở nên hiệu quả hơn. Đây cũng là hình thức đào tạo hiện đang được tập trung để phát triển năng lực của cán bộ nhân viên BIC.

Trong năm 2014, BIC sẽ tiếp tục mở rộng các chương trình đào tạo, đặc biệt chú trọng tới đào tạo đội ngũ cán bộ nòng cốt phục vụ cho kế hoạch tăng tốc của BIC trong thời gian tới.

Công tác phát hiện, tuyển dụng, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực

Để bổ sung nhân tài cho Tổng Công ty, BIC liên tục tìm kiếm và tuyển dụng cán bộ, đặc biệt là các cán bộ kinh doanh và các chức danh quản lý đã có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ.

Đối với những thành viên đã gia nhập đại gia đình BIC, BIC cam kết mang đến một chương trình đãi ngộ ý nghĩa, độc đáo, cạnh tranh, cân đối giữa thu nhập và các lợi ích khác. BIC chia sẻ lợi ích cho tất cả các thành viên một cách công bằng và thỏa đáng nhằm thu hút và gìn giữ tài năng với các tiêu chí:

- Cơ cấu tiền lương theo cơ chế thị trường, theo kết quả công việc và được đánh giá, xem xét lại hàng năm.
- Chế độ tưởng thưởng xứng đáng cho những thành viên làm việc đạt kết quả tốt.
- Chính sách ưu đãi và hỗ trợ tài chính trong dài hạn.
- Chia sẻ cơ hội đầu tư thông qua chính sách cổ phiếu hấp dẫn.

Các hoạt động văn hoá, thể thao và xã hội dành cho người lao động

Nhằm chăm lo kịp thời cho cán bộ nhân viên, cố gắng tạo dựng một môi trường sống và làm việc thân ái, đoàn kết, sẻ chia, BIC thường xuyên tổ chức các hoạt động thể thao, văn hóa – xã hội như:

- Các chương trình thể thao: Xác giải bóng đá, tennis thường niên.
- Hội diễn văn nghệ toàn hệ thống BIDV và BIC hàng năm.
- Tặng quà, chăm sóc chị em phụ nữ nhân ngày 8/3 và 20/10.
- Tặng quà và tổ chức chương trình Trung thu cho con em cán bộ, tặng quà các cháu có thành tích học tập tốt, tặng quà nhân dịp Quốc tế thiếu nhi 1/6.
- Thăm hỏi và tặng quà, ủng hộ gia đình cán bộ có hoàn cảnh đặc biệt….

Những hoạt động trên đã góp phần gắn kết các cán bộ nhân viên trong toàn Tổng Công ty, tạo sức mạnh đoàn kết để vượt qua những khó khăn, thử thách.



VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Văn hóa doanh nghiệp là vấn đề được BIC đặc biệt quan tâm. Qua hơn 8 năm xây dựng và phát triển, những truyền thống, giá trị tốt đẹp của BIC đã được hình thành, đưa BIC trở thành một công ty bảo hiểm với nhiều nét văn hóa đặc sắc, khác biệt trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam.

Văn hóa BIC là sợi dây kết nối mỗi con người BIC, thúc đẩy mỗi cá nhân hăng say làm việc và cống hiến cho sự phát triển của Tổng Công ty. Văn hóa BIC được xây dựng từ các giá trị cốt lõi của thương hiệu BIC, đó là ***Chuyên nghiệp, Tin cậy và Công minh***. Trong đó, mỗi cán bộ BIC là một đại sứ thương hiệu, mang các giá trị đó đến gần hơn với khách hàng.

Dịch vụ tiện ích, tư vấn tận tâm

BIC đáp ứng hầu hết các nhu cầu về bảo hiểm của khách hàng với các sản phẩm dịch vụ chất lượng cao dựa trên nền tảng uy tín và thương hiệu của mình. Với đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp, tận tâm, khách hàng đến với BIC sẽ được tư vấn, lựa chọn các sản phẩm phù hợp nhất với nhu cầu và khả năng tài chính. Dịch vụ chăm sóc trước, trong và sau bán hàng cũng được BIC đặc biệt quan tâm nhằm đem tới cho khách hàng một gói dịch vụ hoàn hảo nhất.

Đoàn kết, gắn bó, năng động, sáng tạo

Trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, BIC vẫn luôn vượt qua các thử thách cam go để hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh. Đó là nhờ sự đoàn kết, gắn bó của một tập thể thống nhất cho một mục tiêu chung. Sự đoàn kết, gắn bó đó không chỉ giới hạn trong nội bộ BIC mà còn được mở rộng trong các mối quan hệ khách hàng theo phương châm ***"tôn trọng, hợp tác, cùng phát triển".***

BIC cũng là một tập thể năng động mà ở đó, mỗi cá nhân là một hạt nhân sáng tạo, thường xuyên đóng góp những sáng kiến có giá trị để cải tiến hoạt động của Tổng Công ty. Đây là một giá trị văn hóa quan trọng mà BIC đã và đang xây dựng trước xu thế hội nhập của thời đại mới.

Chung sức vì cộng đồng

Bên cạnh việc đem tới sự an tâm, tin tưởng cho khách hàng, cổ đông và người lao động, BIC cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động an sinh xã hội, thể hiện tinh thần trách nhiệm với cộng đồng. Rất nhiều các chương trình từ thiện như: quyên góp ủng hộ đồng bào lũ lụt, tổ chức trung thu cho trẻ em nghèo, đi bộ vì trẻ em bị nhiễm chất độc màu da cam, mang tiếng hát tới bệnh viện, tài trợ học bổng cho sinh viên nghèo vượt khó... được Đoàn thanh niên, Công đoàn BIC khởi xướng đã thu hút được sự tham gia của các cán bộ BIC trên khắp chiều dài đất nước.

Chính trách nhiệm với khách hàng, cổ đông, người lao động và cộng đồng xã hội đã góp phần tạo nên uy tín và sự tôn trọng cho thương hiệu BIC.

QUẢN LÝ RỦI RO

Cơ chế quản trị

Một cơ chế quản trị rủi ro và quản lý tài chính hiệu quả sẽ bảo vệ các cổ đông trước các sự kiện ảnh hưởng tới các mục tiêu tài chính của Tổng Công ty. Nhận thức được điều này, BIC đã thiết lập một bộ phận quản lý rủi ro với các điều khoản được thống nhất bởi Hội đồng Quản trị và các Ủy ban liên quan. Bộ phận này được bổ sung thêm với một cơ cấu tổ chức rõ ràng bằng các văn bản quy định trách nhiệm và quyền hạn từ Hội đồng Quản trị đến Ban Tổng Giám đốc và các lãnh đạo cấp cao khác. Một khung chính sách được áp dụng, trong đó chỉ ra những rủi ro chủ yếu của Tổng Công ty, các chuẩn mực về quản trị rủi ro, kiểm soát và tổ chức kinh doanh cho các hoạt động của Tổng Công ty. Mỗi chính sách sẽ được một thành viên trong Ban Tổng Giám đốc chị trách nhiệm giám sát tính tuân thủ trên bình diện toàn Tổng Công ty.

Mục tiêu quản lý rủi ro, các chính sách và quy trình quản lý rủi ro bảo hiểm

Hoạt động bảo hiểm chính của BIC là xây dựng các giả định về rủi ro tổn thất liên quan đến cá nhân hoặc tổ chức là đối tượng liên quan trực tiếp đến rủi ro đó. Các rủi ro đề cập có thể liên quan đến tài sản, trách nhiệm, sức khỏe, rủi ro tài chính hoặc các rủi ro khác có thể phát sinh từ các sự kiện bảo hiểm. Theo đó, BIC chịu các rủi ro bồi thường chưa xác định rõ về thời điểm cũng như mức độ. BIC cũng chịu các rủi ro thị trường thông qua hoạt động bảo hiểm và đầu tư.

BIC quản lý rủi ro bảo hiểm của mình bằng hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình thủ tục được phê duyệt cho các giao dịch có liên quan đến sản phẩm mới hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức, đang dạng hóa rủi ro, đưa ra các nguyên tắc định giá, tái bảo hiểm và giám sát các vấn đề phát sinh.

Quản lý rủi ro vốn và yêu cầu theo luật định

Mục tiêu đầu tiên của BIC trong việc quản lý vốn luôn duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ cho sự phát triển trong kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định. BIC nhận thức rõ ràng những tác động đối với lợi nhuận của cổ đông với mức độ góp vốn và tìm cách duy trì mức cân bằng thận trọng.

Yêu cầu về vốn pháp định phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ của BIC và tại Việt Nam yêu cầu BIC phải giữ nguồn vốn vừa đủ để trang trải nợ và đáp ứng các quy định về biên khả năng thanh toán của Việt Nam. Các yêu cầu về đảm bảo khả năng thanh toán áp dụng cho BIC được quy định trong những Quyết định và Thông tư của Bộ Tài chính.

	Biên khả năng thanh toán của BIC (triệu VNĐ)	Biên khả năng thanh toán tối thiểu của BIC (triệu VNĐ)	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán (%)	
31/12/2013	657,684	135,140	487%	(16,348)
31/12/2012	715,124	120,695	593%	4,766

Chiến lược kinh doanh bảo hiểm

Chiến lược kinh doanh bảo hiểm của BIC với mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm, kênh phân phối và tập trung vào các sản phẩm có hiệu quả cao nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa các hoạt động kinh doanh và được dựa trên một danh mục lớn với những rủi ro tương tự trong một số năm, từ đó, làm giảm sự biến động của kết quả kinh doanh.

Chiến lược kinh doanh tái bảo hiểm

BIC tái bảo hiểm một phần các rủi ro bảo hiểm để kiểm soát khả năng lỗ và đảm bảo an toàn vốn, thông qua hợp đồng tái bảo hiểm cố định và tạm thời. Các hợp đồng tái bảo hiểm chuyển giao một phần rủi ro và giới hạn rủi ro với từng hợp đồng bảo hiểm. Mức độ rủi ro giữ lại phụ thuộc vào đánh giá của BIC đối với mỗi loại rủi ro cụ thể, phụ thuộc vào từng hoàn cảnh nhất định, nhằm tối đa hóa mức rủi ro chấp nhận được dựa trên phân tích từng đặc tính của rủi ro. Theo các điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm, nhà tái bảo hiểm đồng ý hoàn trả số tiền nhượng bảo hiểm trong trường hợp có tổn thất bảo hiểm. Tuy nhiên, BIC vẫn có trách nhiệm với chủ hợp đồng cho phần tái nếu nhà tái bảo hiểm không thể thanh toán phần nghĩa vụ của họ.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm chứa đựng rủi ro xếp hạng tín nhiệm, để giảm thiểu rủi ro, BIC chỉ lựa chọn những nhà tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá tín nhiệm theo các đánh giá công khai của các công ty chuyên về xếp hạng tín nhiệm, hoặc do đánh giá nội bộ, mới được phép tiến hành giao dịch.

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

BIC coi công nghệ thông tin là một trong những yếu tố cốt lõi để nâng cao năng suất lao động, tăng năng lực cạnh tranh. Trong những năm qua, BIC đã tập trung đầu tư mạnh mẽ vào hệ thống công nghệ thông tin. BIC đã triển khai nghiên cứu, xây dựng, phát triển và ứng dụng các giải pháp mã nguồn mở để sử dụng cho công tác quản lý và phát triển các phần mềm phục vụ các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như: Sử dụng bộ phần mềm mã nguồn mở SVN Server và TortoiseSVN Client để quản lý dự án phần mềm, sử dụng Framework NHibernate và CodeSmith để phát triển phần mềm làm giảm thời gian và tăng chất lượng phần mềm. Đồng thời, để phục vụ hoạt động, BIC đã phối hợp các công cụ tiên tiến khác nhau để phát triển phần mềm như: Visual Studio 2008, NetAdvantage 2009, Microsoft Sql Server 2008.

Hiện nay, toàn bộ hoạt động của BIC trên toàn quốc được quản lý tập trung, trực tuyến. Tại mọi thời điểm, Trụ sở chính Tổng Công ty quản lý, cập nhật được kết quả kinh doanh toàn hệ thống tất cả các Công ty thành viên. Đến nay, BIC là một trong số ít các Doanh nghiệp bảo hiểm trên thị trường Bảo hiểm Việt nam xây dựng được hệ thống phần mềm lõi quản lý trực tuyến toàn bộ mọi hoạt động như vậy. Hệ thống này đang được nâng cấp để hỗ trợ đắc lực cho công tác quản trị, điều hành và quản lý rủi ro.

Với nền tảng công nghệ tốt, BIC đã triển khai các kênh bán hàng qua hệ thống giao dịch của các Ngân hàng thương mại, qua hệ thống ATM, qua SMS, qua internet, qua điện thoại… để không những tăng doanh số, tăng tiện ích và thuận tiện tối đa cho khách hàng mua bảo hiểm. BIC đã triển khai 05 kênh bán hàng chủ lực: bán hàng trực tiếp, bán qua đại lý, qua môi giới, trực tuyến và qua ngân hàng (Bancassurance). Hiện nay, BIC là Doanh nghiệp bảo hiểm dẫn đầu thị trường về kênh bảo hiểm qua ngân hàng, đồng thời là Doanh nghiệp tiên phong trong việc triển khai bán bảo hiểm trực tuyến.

BIC hiện đang vận hành hệ thống họp trực tuyến Conference Call và đào tạo trực tuyến, đã góp phần tăng cường kết nối giữa Trụ sở chính với các đơn vị trên khắp cả nước, nâng cao hiệu quả công tác quản lý điều hành cũng như góp phần tiết kiệm các chi phí quản lý hành chính cho BIC.

Đặc biệt, trong năm 2014, BIC sẽ nghiên cứu và bước đầu đưa vào ứng dụng giải pháp tích hợp và khai thác dữ liệu thông minh – Business Intelligence (BI). Đây là giải pháp công nghệ tiên tiến của thế giới, hội tụ 3 yếu tố: thông tin đầy đủ, nhanh chóng và định dạng tốt, giúp BIC có thể khai thác dữ liệu nhanh chóng, đưa ra các báo cáo chính xác và quản trị kinh doanh liệu quả.

Công nghệ thông tin hỗ trợ đắc lực cho BIC trong công tác phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới đã và đang có chỗ đứng vững chắc trên thị trường như sản phẩm chăm sóc sức khỏe và tai nạn con người BIC HealthCare, bảo hiểm bảo lãnh, bảo hiểm toàn diện nhà tư nhân, bảo hiểm trọn gói cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, bảo hiểm cây cao su…

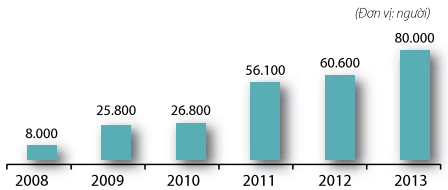
ĐA DẠNG SẢN PHẨM DỊCH VỤ VÀ KÊNH PHÂN PHỐI

Trong bối cảnh kinh doanh khó khăn, tăng trưởng doanh thu từ các nghiệp vụ truyền thống bị chững lại, các giải pháp cơ cấu lại danh mục sản phẩm và khách hàng được BIC thực hiện một cách đồng bộ, hiệu quả, tập trung vào đối tượng khách hàng cá nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ thông qua việc phát triển các sản phẩm bán lẻ và đa dạng các kênh phân phối cá nhân phù hợp với yêu cầu thị trường. Nhờ đó, năm 2013, các sản phẩm bán lẻ tiếp tục tăng trưởng khá, đóng góp đáng kể trong tỷ trọng doanh thu của BIC. Với các nỗ lực xúc tiến bán hàng thông qua các chương trình khuyến mại, chăm sóc khách hàng, tặng quà, giảm phí,… một số sản phẩm của BIC đã thu hút được sự quan tâm của khách hàng và công chúng như bảo hiểm tai nạn và sức khỏe cao cấp BIC Healthcare, bảo hiểm Khách du lịch quốc tế,...

Bên cạnh đó, các sản phẩm tiềm năng như bảo hiểm rủi ro tín dụng và rủi ro tài chính và bảo hiểm trách nhiệm cũng tiếp tục được BIC hoàn thiện, đón đầu tiềm năng trong tương lai.

Song song với đa dạng sản phẩm, dịch vụ, phát triển kênh phân phối cũng là một ưu tiên của BIC trong năm vừa qua. Cùng với việc kiện toàn hoạt động của 22 công ty thành viên và hơn 104 phòng kinh doanh trên toàn quốc để đẩy mạnh kênh khai thác trực tiếp, BIC cũng tiếp tục đầu tư củng cố và đẩy mạnh khai thác hai kênh phân phối bán lẻ hiện đại gồm Bancassurance và Bảo hiểm trực tuyến. Nhờ đó, doanh thu từ kênh phân phối các sản phẩm bảo hiểm cá nhân tại quầy giao dịch ngân hàng (Bancassurance) đã tăng trên 20% so với năm 2012. Doanh thu từ kênh bảo hiểm trực tuyến tại website www.baohiemtructuyen.com.vn tiếp tục tăng trưởng hơn 80% so với năm 2012. BIC tiếp tục là doanh nghiệp bảo hiểm đi đầu về Bancassurance cả về số lượng sản phẩm triển khai và mạng lưới ngân hàng cung cấp cũng như là doanh nghiệp bảo hiểm đi dầu trong phát triển bảo hiểm trực tuyến qua website www.baohiemtructuyen.com.vn, với quy trình bán bảo hiểm được thực hiện hoàn toàn trực tuyến từ khâu đăng ký mua tới khâu thanh toán và cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm. Một số kênh phân phối khác như: Kênh đại lý cá nhân và Kênh bán hàng qua điện thoại (Telesales) đã và đang được BIC triển khai và bước đầu có kết quả tích cực trong năm 2013.

Số lượng khách hàng đã phục vụ qua kênh Bancassurane



DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG VÀ CÔNG TÁC GIÁM ĐỊNH BỒI THƯỜNG

Dịch vụ khách hàng

Năm 2013, công tác dịch vụ khách hàng của BIC đã có những bước tiến rất đáng ghi nhận.

Nổi bật trong số đó là công tác đo lường sự hài lòng của khách hàng. Tính đến hết tháng 12/2013, BIC đã thực hiện đo lường sự hài lòng của 13.200 khách hàng từng được xử lý bồi thường. Qua hệ thống Call Center, BIC cũng đã tiếp nhận

và xử lý 7.060 cuộc gọi tới của khách hàng và thực hiện 13.300 cuộc gọi đi trong năm 2013.

Các chương trình chăm sóc khách hàng như VIP Care 2013, Chương trình cám ơn KH thân thiết, Tháng tri ân - tưng bừng quà tặng… cũng đã trở thành các chương trình chăm sóc khách hàng định kỳ của BIC, đem lại rất nhiều giá trị gia tăng cho khách hàng.

Với những nỗ lực này, tỷ lệ tái tục của BIC năm 2013 đạt được những kết rất khả quan với 70% tính theo số đơn bảo hiểm và 73% tính theo mức phí bảo hiểm.

Năm 2014, BIC sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác dịch vụ khách hàng với những nội dung trọng điểm như sau:

- Tăng cường công tác quản lý, theo dõi tỷ lệ tái tục, đảm bảo kết quả tỷ lệ tái tục trung bình toàn hệ thống năm 2014 đạt trên 72%;
- Xây dựng Chính sách sách khách hàng mới, triển khai đồng bộ và hiệu quả trên toàn hệ thống;
- Hoàn thiện công tác đo lường sự hài lòng khách hàng và nội bộ, đảm bảo kết quả đo lường ngày càng gắn liền với thực tế nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ toàn hệ thống;
- Đảm bảo việc quản lý nhập thông tin khách hàng toàn hệ thống một cách đầy đủ và chính xác;
- Ngoài ra, trong năm 2014, BIC sẽ tiếp tục hoàn thiện hệ thống Call Center 24/7, trang bị máy chủ hỗ trợ nhắn tin tự động và phần mềm quản lý các cuộc gọi ra, nâng cấp hệ thống kỹ thuật đồng thời dần chuyển đổi sang sử dụng đầu số 1900.9456.

Giám định bồi thường

Năm 2013, những thảm họa thiên nhiên lớn chưa từng có đổ bộ vào Việt Nam như Bão Haiyan, Bão Wutip, Bão Nari... đã khiến cho số vụ khiếu nại bồi thường của BIC tăng cao. Số vụ khiếu nại phát sinh trong năm 2013 của BIC tăng 23% so với năm 2012. Tuy nhiên, với nỗ lực không biết mệt mỏi cùng tôn chỉ Nhanh chóng, dứt điểm, thỏa đáng, BIC đã kịp thời giải quyết xấp xỉ 100% số vụ phát sinh và được khách hàng đánh giá cao về chất lượng và thái độ làm việc. Theo một số kết quả đo lường, tỷ lệ khách hàng hài lòng về công tác bồi thường của BIC trong năm 2013 đạt trên 90%, tăng 10% so với năm 2012.

Bên cạnh đó, năng lực và kinh nghiệm của các cán bộ Giám định bồi thường (GĐBT) BIC cũng không ngừng được nâng cao nhờ việc cọ sát với nhiều tình huống thực tế và trao đổi kinh nghiệm qua đào tạo. Một số vụ tổn thất lớn, phức tạp đã có cán bộ GĐBT Trụ sở chính tham gia trực tiếp làm công tác hiện trường ngay từ đầu nên có thể nắm bắt rõ quy trình quản lý của khách hàng, từ đó đưa ra được hướng dẫn cụ thể các thủ tục bồi thường và kiểm soát chặt chẽ mức độ thiệt hại.

Mạng lưới dịch vụ phụ phục vụ công tác GĐBT bao gồm các Garage (cứu trợ, giám định, sửa chữa), các bệnh viện/ cơ sở y tế liên kếtcũng được củng cố, mở rộng.

Tỷ lệ bồi thường của BIC trong năm 2013 tiếp tục được duy trì ở mức tốt, thấp hơn năm 2012 và thấp hơn mức bình quân chung của thị trường.

TRUYỀN THÔNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU

Xác định thương hiệu là yếu tố then chốt góp phần tạo dựng niềm tin trong tâm trí khách hàng mục tiêu, hàng năm, BIC đã tập trung một nguồn ngân sách đáng kể cho công tác phát triển thương hiệu. Năm 2013, trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, các doanh nghiệp bảo hiểm đều tập trung cắt giảm chi phí marketing, chi phí quảng cáo. Tuy vậy, BIC vẫn kiên định với chiến lược xây dựng thương hiệu của mình với tổng ngân sách đầu tư lên tới hàng chục tỷ đồng.

Hình ảnh thương hiệu BIC xuất hiện trên khắp chiều dài đất nước với các biển quảng cáo tại cửa ngõ ra vào các Trung tâm kinh tế lớn, trên các quốc lộ huyết mạch hay trong địa phận các tỉnh/thành phố trên cả nước. Với đặc điểm là một công ty bảo hiểm trẻ trung, năng động, BIC cũng mạnh dạn ứng dụng các kênh quảng cáo hiện đại, tiên tiến (quảng cáo từ khóa google, quảng cáo qua mạng xã hội facebook và các phương tiện điện tử khác...). Điều này giúp cho thương hiệu BIC không chỉ được biết tới ở trong nước mà còn được lan tỏa ra thị trường nước ngoài. Song song với các kênh quảng cáo, BIC cũng triển khai rất nhiều chương trình khuyến mãi hấp dẫn dành cho khách hàng, thông qua đó, giúp cho thương hiệu được khách hàng biết đến nhiều hơn. Hình ảnh thương hiệu BIC cũng thường xuyên xuất hiện song hành với thương hiệu Ngân hàng BIDV tại các điểm giao dịch của BIDV trên toàn quốc, trong các sự kiện, hội trợ, triển lãm, các chương trình từ thiện... Những yếu tố trên kết hợp với nền tảng chất lượng dịch vụ đã được khẳng định góp phần giúp cho thương hiệu BIC ngày càng được khách hàng đón nhận và ưa chuộng.

Bên cạnh các chương trình truyền thông ra bên ngoài, BIC cũng chú trọng truyền thông nội bộ nhằm xây dựng văn hóa doanh nghiệp, xây dựng tập thể BIC đoàn kết, vững mạnh. Trang web nội bộ Làng BIC, ngày càng được nhiều cán bộ BIC truy cập và chia sẻ thông tin về cá nhân và hoạt động của đơn vị, bước đầu tạo thành một diễn đàn tham khảo thông tin về tập thể BIC cho toàn thể cán bộ nhân viên. Các chương trình Xây dựng tinh thần đồng đội (Teambuidling), Lễ trao giải cho tập thể và cán bộ xuất sắc nhất (Sao Kim) được tổ chức thường niên, tạo nên một nét văn hóa riêng có của BIC, được nhiều cán bộ quan tâm, yêu mến...

MỤC TIÊU VÀ KẾ HOẠCH 2014

CÁC CHỈ TIÊU KINH DOANH CHÍNH NĂM 2014

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH 2014
Tổng doanh thu phí bảo hiểm	Tỷ đồng	1.000
Lợi nhuận trước thuế (*)	Tỷ đồng	130

(*) là lợi nhuận hợp nhất, không bao gồm CVI

MỤC TIÊU 2014

- Tiếp tục xây dựng nền tảng vững chắc hướng tới hiệu quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm
- Tăng cường vị thế của BIC trên thị trường bảo hiểm thông qua các giải pháp đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng doanh thu, duy trì lợi nhuận ở mức hợp lý, mở rộng thị phần
- Tăng cường công tác quản lý rủi ro, kiểm soát tốt chi phí, tạo số đông nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

CÁC HOẠT ĐỘNG TRỌNG TÂM NĂM 2014

- Tiếp tục tìm kiếm, lựa chọn cổ đông chiến lược và tăng vốn điều lệ.
- Hoàn thành các thủ tục định hạng tín nhiệm quốc tế AM Best.
- Phối hợp với Ngân hàng BIDV hoàn tất các thủ tục đưa Liên doanh bảo hiểm nhân thọ BIDV MetLife đi vào hoạt động.
- Triển khai các thủ tục để nhận chuyển nhượng vốn của Công ty Bảo hiểm Cambodia Việt Nam (CVI). Tập trung hỗ trợ hoạt động của 02 liên doanh LVI, CVI nhằm gia tăng thị phần, hiệu quả hoạt động.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

BÁO CÁO HĐQT

TT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ (%) SO VỚI TỔNG SỐ CỔ PHẦN	BỔ NHIỆM/ MIỄN NHIỆM
1	Ông **Phạm Quang Tùng**	Chủ tịch	230.000	0,3485%	
2	Ông **Trần Xuân Hoàng**	Phó Chủ tịch			Thôi đảm nhiệm chức vụ từ 04/11/2013
3	Ông **Trịnh Minh Tâm**	Thành viên			Thôi đảm nhiệm chức vụ từ 04/11/2013
4	Ông **Đặng Quang Vinh**	Thành viên			Thôi đảm nhiệm chức vụ từ 04/11/2013
5	Bà **Nguyễn Thị Thanh Vân**	Thành viên	10.000	0.0152%	
6	Ông **Tôn Lâm Tùng**	Thành viên – Kiêm TGĐ	37.476	0,0568%	Đảm nhiệm chức vụ từ 04/11/2013
7	Ông **Lê Ngọc Lâm**	Thành viên	0	0	Đảm nhiệm chức vụ từ 04/11/2013
8	Bà **Đặng Thị Hồng Phương**	Thành viên độc lập	0	0	Đảm nhiệm chức vụ từ 04/11/2013

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2013, Hội đồng Quản trị đã thực hiện 3 phiên họp tập trung là Phiên họp lần thứ 10, lần thứ 11 và lần thứ 12 nhiệm kỳ 2010-2015 tổ chức vào các ngày 21/2/2013, 30/7/2013 và 15/11/2013, cụ thể như sau:

PHIÊN HỌP	THÀNH PHẦN THAM DỰ	NỘI DUNG CHÍNH
Phiên họp lần thứ 10 Ngày 21/2/2014	**HĐQT:** 5/5 thành viên **Ban Điều hành:** 5/5 **Ban Kiểm soát:** 3/3	• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 và phê duyệt quyết toán tài chính năm 2012 • Phê duyệt định hướng hoạt động kinh doanh năm 2013 • Phê duyệt kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 • Thảo luận, thống nhất về việc sửa đổi và ban hành Điều lệ mới
Phiên họp lần thứ 11 Ngày 30/7/2014	**HĐQT:** 5/5 thành viên **Ban Điều hành:** 5/5 **Ban Kiểm soát:** 3/3	• Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013 và trọng tâm công tác các tháng cuối năm. • Phê duyệt chủ trương luân chuyển cán bộ trong hệ thống BIC • Phê duyệt đề án tái cơ cấu BIC
Phiên họp lần thứ 12 Ngày 15/11/2014	**HĐQT:** 4/5 thành viên **Ban Điều hành:** 5/5 **Ban Kiểm soát:** 3/3	• Chuyển giao công việc giữa các thành viên HĐQT cũ và mới và phân công công việc giữa các thành viên HĐQT • Báo cáo kết quả kinh doanh 10 tháng đầu năm 2013 và trọng tâm công tác hai tháng cuối năm • Báo cáo tiến độ thực hiện các dự án: Thành lập BIC Đông Đô, chuyển nhượng vốn tại LVI, CVI và góp vốn vào liên doanh BIDV-Metlife

Các vấn đề phát sinh giữa các cuộc họp, HĐQT thực hiện trao đổi, xử lý thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua email và xác nhận lại tại phiên họp kế tiếp

CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2013

TT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY BAN HÀNH	NỘI DUNG
1	**016/NQ-HĐQT**	25/02/2013	Nghị quyết phiên họp HĐQT lần thứ 10 ngày 21/02/2013
2	**029/NQ-HĐQT**	04/03/2013	Phê duyệt các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên 2013
3	**063/NQ-HĐQT**	10/4/2013	Bán Cổ phiếu Quỹ
4	**087/NQ-HĐQT**	24/05/2013	Sửa đổi Nghị quyết 063/NQ-HĐQT
5	**121/NQ-HĐQT**	06/08/2013	Nghị quyết họp HĐQT lần thứ 11
6	**165/NQ-HĐQT**	25/9/2013	Họp ĐHĐCĐ bất thường 2013
7	**176/NQ-HĐQT**	01/10/2013	Thay đổi nhân sự tham gia BKS GID
8	**178/NQ-HĐQT**	03/10/2013	Thông qua đề án tăng vốn tại LVI
9	**199/NQ-HĐQT**	18/11/2013	Nghị quyết họp HĐQT lần thứ 12
10	**207/NQ-HĐQT**	12/12/2013	Cử nhân sự đại diện quản lý phần vốn góp và tham gia HĐTV sau khi thành lập Công ty Bảo hiểm Nhân thọ BIDV MetLife

TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng đầu tư:

Thành phần:

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Chủ tịch Hội đồng
- Thành viên HĐQT được phân công phụ trách công tác tài chính – Phó Chủ tịch Hội đồng
- Tổng Giám đốc – Thành viên
- Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính – Thành viên
- Giám đốc Ban Tài chính kế toán – Thành viên
- Giám đốc Ban Quản lý rủi ro – Thành viên
- Giám đốc Ban Đầu tư tài chính – Thành viên

Hoạt động của Hội đồng đầu tư: Hội đồng Đầu tư tài chính đã tiến hành họp ngày 23/04/2013 để đánh giá kết quả hoạt động đầu tư tài chính năm 2012 và định hướng hoạt động đầu tư tài chính năm 2013, phê duyệt các giới hạn đầu tư của BIC.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Với vai trò thay mặt cổ đông giám sát tình hình hoạt động của Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV, trong năm qua Ban Kiểm soát đã thực hiện một số hoạt động như sau:

- Giám sát công tác quản trị và điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành.
- Thực hiện thẩm định độc lập báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm 2013 của BIC.
- Xem xét, đánh giá báo cáo hoạt động kiểm tra nội bộ của Tổng Công ty cũng như công tác khắc phục sau kiểm tra.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Tổng Công ty, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ 2013

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

Căn cứ phê duyệt của ĐHĐCĐ, trong năm 2013, Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV đã thực hiện chi trả thù lao và trợ cấp cho thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát như sau:

STT	Nội dung	Mức chi (đồng/tháng)	Chi trả
1	**Thù lao, trợ cấp**	45,500,000	385,500,000
2	**Phụ cấp họp (3 lần họp)**		58,000,000
3	**Tổng**		443,500,000
	Trong đó: • Trích từ lợi nhuận sau thuế • Trích từ chi phí đối với thành viên trực tiếp điều hành		 358,500,000 85.000.000

Ghi chú:

Tổng chi phí thù lao, trợ cấp cho thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2013 bao gồm cả khoản chi phí thù lao, trợ cấp của quý 4/2012. Nếu loại trừ khoản chi phí này thì chi phí thù lao, trợ cấp riêng năm 2013 là: 376.000.000 đồng.

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng…)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Văn Trường	Em ruột của thành viên HĐQT	5.000	0,008%	0	0	Bán

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

THÔNG TIN CỔ PHIẾU BIC

	TÍNH TẠI NGÀY 31/12/2013	
Vốn điều lệ	660.000.000.000	đồng
Số lượng cổ phiếu niêm yết	66.000.000	cổ phiếu
Loại cổ phiếu	Phổ thông	
Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	66.000.000	cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ	0	cổ phiếu
Mệnh giá	10.000	đồng/cổ phiếu

THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG CỔ PHIẾU BIC GIAO DỊCH NĂM 2013

	TÍNH TẠI NGÀY 31/12/2013	
Tổng số phiên	250	phiên
Tổng khối lượng khớp lệnh	18.761.180	cổ phiếu
Tổng giá trị khớp lệnh (VNĐ)	184.036.975.000	đồng
Khối lượng giao dịch bình quân/ngày	62.442	cổ phiếu
Khối lượng giao dịch cao nhất 52 tuần (05/04/2013)	544.698	cổ phiếu
Khối lượng giao dịch thấp nhất 52 tuần (23/09/2013)	10	cổ phiếu
Giá giao dịch cao nhất 52 tuần (20/12/2013)	14.600	đồng/cổ phiếu
Giá giao dịch thấp nhất 52 tuần (07/03/2013)	7.100	đồng/cổ phiếu

LỊCH SỬ CHI TRẢ CỔ TỨC

Năm	Tỷ lệ cổ tức	Thời gian thực hiện
2013	**10% ***	Tháng 5/2014 (*)
2012	**10%**	26-04-13
2011	**10%**	26-04-12

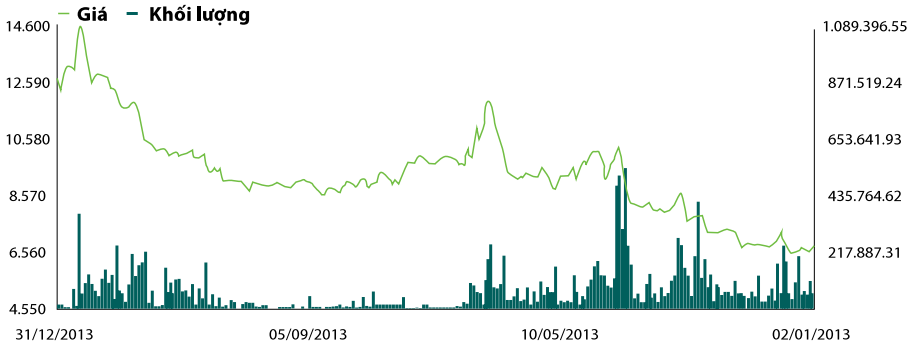
(*) Dự kiến

BIẾN ĐỘNG CỦA CỔ PHIẾU BIC SO VỚI THỊ TRƯỜNG

Năm 2013, cổ phiếu BIC đã có mức tăng mạnh đạt 70,6% so với mức tăng hơn 22% của VnIndex. Giá cao nhất của BIC đạt được là 14.600 đồng/CP vào ngày 20/12/2013.

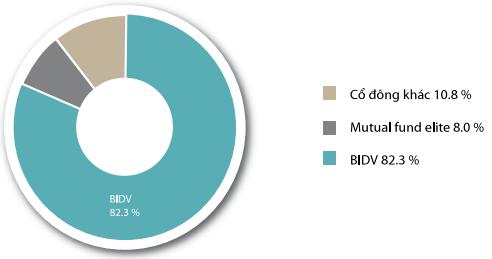
Giá cổ phiếu BIC diễn biến tích cực của thị trường chung khi kinh tế vĩ mô đang dần cải thiện, kết quả kinh doanh tăng trưởng ổn định, và cổ phiếu được các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm, lựa chọn.

BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU BIC NĂM 2013



Nguồn: HSX

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



CƠ CẤU SỞ HỮU THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Sở hữu theo địa lý	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Việt Nam	772	95,8%	61.337.120	92,9%
• **Cá nhân**	766	95,0%	6.697.753	10,1%
• **Tổ chức**	6	0,7%	54.639.367	82,8%
Nước ngoài	17	2,1%	4.662.880	7,1%
• **Cá nhân**	14	1,7%	37.200	0,1%
• **Tổ chức**	3	0,4%	4.625.680	7,0%
TỔNG CỘNG	**806**	**100%**	**66.000.000**	**100%**

CƠ CẤU SỞ HỮU THEO SỐ CỔ PHẦN (*)

Sở hữu theo số cổ phần	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1–999	303	37,6%	94.831	0,1%
1.000 – 10.000	441	54,7%	1.456.340	2,2%
10.001 – 1.000.000	59	7,3%	2.371.760	3,6%
1.000.000 trở lên	3	0,4%	62.077.069	94,1%
TỔNG CỘNG	**806**	**100%**	**66.000.000**	**100%**

(*) Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 10/10/2013

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ NĂM 2013

Hoạt động quan hệ nhà đầu tư của BIC hướng tới bảo vệ quyền lợi của các cổ đông, tuân thủ các quy định của pháp luật, đảm bảo công bố thông tin minh bạch, kịp thời.

Bảo vệ quyền lợi của các cổ đông

BIC luôn coi việc bảo vệ quyền lợi của các cổ đông là một nội dung ưu tiên hàng đầu trong công tác quản trị quan



hệ nhà đầu tư, được thể hiện thông qua:

- BIC luôn tích cực hỗ trợ và giải quyết yêu cầu của cổ đông: giải quyết nhanh và chính xác các yêu cầu dịch vụ cổ đông như chuyển nhượng cổ phần, điều chỉnh thông tin cổ đông, lưu ký chứng khoán phát hành thêm, cấp lại sổ cổ đông.
- Nỗ lực nâng cao chất lượng tư vấn và hỗ trợ cổ đông: Năm 2013 BIC đã tăng cường năng lực của đội ngũ quan hệ nhà đầu tư thông qua việc tổ chức khóa đào tạo chuyên đề về quan hệ cổ đông giúp nâng cao tính chuyên nghiệp trong công tác quan hệ nhà đầu tư và tối đa hóa các lợi ích mang lại cho cổ đông.
- Thực hiện đầy đủ các quy định về công bố thông tin, đảm bảo cổ đông tiếp cận các thông tin dễ dàng và kịp thời nhất.

CÔNG BỐ THÔNG TIN MINH BẠCH, KỊP THỜI

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ông Vũ Minh Hải
Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV

Email: Congbothongtin.bic@bidv.com.vn

BỘ PHẬN HỖ TRỢ CỔ ĐÔNG

Ban Đầu tư tài chính - Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV

Địa chỉ: Tầng 16, tháp A Vincom, 191 Bà Triệu, Hà Nội.

Điện thoại: 04. 22200282 (số lẻ: 312)

Sự minh bạch luôn là yếu tố được BIC coi trọng ngay từ những ngày đầu mới thành lập. Sau khi niêm yết, ngoài việc đảm bảo các quy định của pháp luật về công bố thông tin, BIC luôn giữ nguyên tắc cởi mở và minh bạch về thông tin, đảm bảo nhà đầu tư tiếp cận kịp thời các thông tin về BIC.

BIC đã thực hiện xây dựng Quy trình Công bố thông tin để đảm bảo thực hiện đầy đủ công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định.

BIC đảm bảo thông tin được công bố theo quy định trên các kênh truyền thông của Sở GDCK TP. Hồ Chí Minh, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, website của BIC và các ấn phẩm quảng cáo báo chí, truyền hình thuận tiện để các nhà đầu tư tiếp cận thông tin nhất.

Ngoài việc công bố thông tin theo quy định, BIC cũng chủ động cung cấp cho các cổ đông các thông tin cần thiết về tình hình hoạt động của BIC để các Nhà đầu tư có thêm thông tin ra quyết định, ví dụ: thông tin về hoạt động kinh doanh các Quý, các thông tin bổ nhiệm nhân sự, thành lập các công ty và phòng kinh doanh mới,…

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



I. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

1.1.	THÔNG TIN CHUNG	50
1.2.	BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	52
1.3.	BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	54
1.4.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	55
1.4.1.	Bảng cân đối kế toán hợp nhất	55
1.4.2.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	58
1.4.3.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	60
1.5	THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	62

II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

2.1.	THÔNG TIN CHUNG	110
2.2.	BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	108
2.3.	BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	109
2.4.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	110
2.4.1.	Bảng cân đối kế toán riêng	110
2.4.2.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	113
2.4.3.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	115
2.5.	THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	117

I. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

1.1. THÔNG TIN CHUNG

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM ("Tổng Công ty") được thành lập vào ngày 1 tháng 10 năm 2010 theo Giấy phép Điều chỉnh số 11/GPDDC7/KDBH ngày 1 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài Chính.

Tổng Công ty được thành lập trên cơ sở thực hiện cổ phần hóa Công ty Bảo hiểm BIDV - là một công ty con của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV"), được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 11GP/KDBH ngày 10 tháng 4 năm 2006 do Bộ Tài chính cấp. Ngày 5 tháng 8 năm 2010, Tổng Công ty đã thực hiện thành công việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng. Tại thời điểm chuyển đổi thành công ty cổ phần, tổng số lượng cổ phần phát hành cho các cổ đông ngoài nhà nước là 11.682.491, chiếm 17,7% vốn điều lệ.

Một số thông tin quan trọng của công ty cổ phần bao gồm:

Tên Công ty
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ
Tầng 16, tháp A, tòa nhà Vincom, 191 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Lĩnh vực hoạt động
Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, giám định tổn thất, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Tổng Công ty có một công ty con như sau:

Công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tổng Công ty
CÔNG TY LIÊN DOANH BẢO HIỂM LÀO-VIỆT	Tầng 3, Tòa nhà LVB, Số 44 - Đại lộ Lanexang, Quận Chanthabouly, Viêng Chăn, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luậtCộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	65%

Vốn Điều lệ

Số vốn điều lệ của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 660 tỷ đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 660 tỷ đồng).

Mạng lưới hoạt động

Tổng Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 16, Tháp A, Toà nhà Vincom, 191 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty có hai mươi hai (22) công ty thành viên trên cả nước.

Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 628 người *(ngày 31 tháng 12 năm 2012: 589 người).*

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị cho năm tài chính 2013 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông PHẠM QUANG TÙNG	Chủ tịch	Ngày 1 tháng 10 năm 2010
Ông TRẦN XUÂN HOÀNG	Phó Chủ tịch	Ngày 1 tháng 10 năm 2010 và
Bà NGUYỄN THỊ THANH VÂN	Thành viên	Ngày 1 tháng 10 năm 2010 miễn nhiệm từ ngày 4 tháng 11 năm 2013
Ông TRỊNH MINH TÂM	Thành viên	Ngày 1 tháng 10 năm 2010 và miễn nhiệm từ ngày 4 tháng 11 năm 2013
Ông TÔN LÂM TÙNG	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 11 năm 2013
Ông LÊ NGỌC LÂM	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 11 năm 2013
Bà ĐẶNG THỊ HỒNG PHƯƠNG	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 11 năm 2013
Ông ĐẶNG QUANG VINH	Thành viên	Ngày 1 tháng 10 năm 2010 và miễn nhiệm từ ngày 4 tháng 11 năm 2013

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát cho năm tài chính 2013 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông CAO CỰ TRÍ	Trưởng ban	Ngày 1 tháng 10 năm 2010
Ông NGUYỄN TRUNG KIÊN	Thành viên	Ngày 1 tháng 10 năm 2010
Ông NGUYỄN THÀNH CÔNG	Thành viên	Ngày 16 tháng 3 năm 2012

Ban Tổng Giám Đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc cho năm tài chính 2013 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông TÔN LÂM TÙNG	Tổng Giám đốc	Ngày 1 tháng 5 năm 2012
Ông TRẦN TRUNG TÍNH	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 1 tháng 10 năm 2012
Bà NGUYỄN THỊ THANH VÂN	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 1 tháng 10 năm 2010 và miễn nhiệm từ ngày 20 tháng 04 năm 2013
Ông VŨ MINH HẢI	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 16 tháng 4 năm 2012
Bà ĐOÀN THỊ THU HUYỀN	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 1 tháng 5 năm 2012
Ông TRẦN HOÀI AN	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 1 tháng 4 năm 2013

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và vào ngày lập báo cáo này là Ông Tôn Lâm Tùng, Chức danh: Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM là công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.

1.2. BÁO CÁO CỦA **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là "Tổng Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chínhhợp nhất cho năm tài chính 2013 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhấtvà tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhấtcủa Tổng Công tytrong năm. Trong quá trình chuẩn bị báo cáo tài chínhhợp nhấtnày, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty đã được tuân thủ và tất cả các sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chínhhợp nhất; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công tyvà do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc đã cam kết với Hội đồng Quản trị rằng Tổng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chínhhợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chínhhợp nhấtkèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhấtcho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Ông Tôn Lâm Tùng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, Việt Nam - Ngày 28 tháng 02 năm 2014

1.3. BÁO CÁO **KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: **Các cổ đông**

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và công ty con (sau đây gọi chung là "Tổng Công ty") được lập vào ngày 28 tháng 02 năm 2014 và được trình bày từ trang 57 đến trang 106, bao gồm bảng cân đối kế toánhợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhấtvà báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chínhvà chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chínhhợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhấtcủa Tổng Công tycó còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanhhợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH ERNST & YOUNG Việt Nam

Hà Nội, ngày 13/3/2013

Saman Bandara

Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2036-2013-004-1

Lê Đức Linh

Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 1672-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam - Ngày 28 tháng 02 năm 2014

1.4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

1.4.1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Ngày 31 tháng 12 năm 2013)

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A| TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**1.464.148.058.508**	**1.129.206.701.858**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**4**	**29.960.714.186**	**15.192.045.761**
111	1. Tiền mặt tại quỹ		635.016.891	405.322.679
112	2. Tiền gửi ngân hàng			14.786.723.082
120	**II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	**5**	**1.059.287.738.000**	**900.089.914.036**
121	1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn		100.507.223.405	97.059.200.387
128	2. Đầu tư ngắn hạn khác		959.570.312.500	815.828.000.000
129	3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(789.797.905)	(12.797.286.351)
130	**III. Các khoản phải thu**		**367.309.396.403**	**207.983.259.672**
131	1. Phải thu của khách hàng		340.409.022.787	204.563.928.648
132	2. Trả trước cho người bán	**6**	2.000.007.331	1.309.652.500
133	3. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		4.919.220.101	5.858.667.634
138	4. Các khoản phải thu khác		37.245.109.948	6.646.422.296
139	5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		(17.263.963.764)	(10.395.411.406)
150	**IV. Tài sản ngắn hạn khác**		**7.590.209.919**	**5.941.482.389**
151	1. Tạm ứng		6.074.392.076	5.153.579.387
152	2. Chi phí trả trước ngắn hạn		915.941.672	422.588.502
153	3. Tài sản ngắn hạn khác		599.876.171	365.314.500
200	**B| TÀI SẢN DÀI HẠN**		**291.620.877.026**	**273.410.503.367**
210	**I. Tài sản cố định**		**19.471.976.028**	**14.222.134.222**
211	1. Tài sản cố định hữu hình	**7**	12.913.596.400	7.722.134.222
212	• Nguyên giá		41.474.776.123	32.374.997.225
213	• Giá trị hao mòn lũy kế		(28.561.179.723)	(24.652.863.003)
217	2. Tài sản cố định vô hình	**8**	6.558.379.628	6.500.000.000
218	• Nguyên giá		6.606.599.125	6.556.057.850
219	• Giá trị hao mòn lũy kế		(48.219.497)	(56.057.850)
220	**II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**9**	**259.549.762.981**	**253.133.077.854**
221	1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	**9.1**	150.598.617.037	170.145.833.333
222	2. Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết		-	23.837.143.685
228	3. Đầu tư dài hạn khác	**9.2**	126.234.150.000	76.090.000.000
229	4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	**9.3**	(17.283.004.056)	(16.939.899.164)
240	**III. Tài sản dài hạn khác**		**12.599.138.017**	**6.055.291.291**
241	1. Ký quỹ bảo hiểm	**10**	6.000.000.000	6.000.000.000
242	2. Cầm cố, ký quỹ dài hạn		4.948.539.546	24.336.745
243	3. Chi phí trả trước dài hạn		1.231.828.056	30.954.546
244	4. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		418.770.415	-
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.755.768.935.534**	**1.402.617.205.225**

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	Nguồn vốn	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**A| NỢ PHẢI TRẢ**		**937.638.316.842**	**644.189.880.626**
	I. Nợ ngắn hạn		**455.378.682.728**	**275.157.115.644**
310	1. Phải trả người bán	11	347.913.094.195	186.440.201.763
313	2. Người mua trả tiền trước		9.121.518.359	9.798.119.269
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	31.530.708.785	14.813.951.634
315			34.170.219.803	27.758.733.599
316	4. Phải trả người lao động	13	14.536.202.928	22.072.958.365
318	5. Chi phí phải trả	14	12.521.889.073	10.089.711.694
319	6. Các khoản phải trả, phải nộp khác		5.585.049.585	4.183.439.320
323	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi			
330	**II. Nợ dài hạn**		**-**	**-**
340	**III. Dự phòng nghiệp vụ**		**482.259.634.114**	**369.032.764.982**
341	1. Dự phòng phí	18.1	293.811.238.913	238.964.521.669
343	2. Dự phòng bồi thường	18.2	117.844.424.682	74.944.817.505
344	3. Dự phòng dao động lớn	18.3	70.603.970.519	55.123.425.808
400	**B| VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**791.935.586.193**	**758.427.324.599**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	15	**791.935.586.193**	**758.427.324.599**
411	1. Vốn đầu tư		660.000.000.000	660.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		4.875.765.330	2.271.699.140
414	3. Cổ phiếu quỹ		-	(6.577.533.810)
415	4. Quỹ dự phòng tài chính		1.800.187.891	1.800.187.891
416	5. Quỹ dự trữ bắt buộc		13.311.197.165	9.062.277.776
418	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		104.896.103.307	91.870.693.602
419	7. Chênh lệch tỷ giá		7.052.332.500	-
500	**C| LỢI ÍCH CÁC CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**		**26.195.032.499**	**-**
430	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.755.768.935.534**	**1.402.617.205.225**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý (đồng Việt Nam)	2.293.099.309	2.293.099.309
Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm (đồng Việt Nam)	48.608.496.929	39.202.269.093
Ngoại tệ các loại		
• Đô la Mỹ (US$)	42.940,67	281.097,76
• Euro (EUR)	270,49	287,84
• Lao Kip (LAK)	35.659.699	-
• Thái (THB)	23.192,55	-

Bà Phan Thị Minh Huệ
Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán

Bà Lại Ngân Giang
Giám đốc Ban Tài chính Kế toán

Ông Tôn Lâm Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam - Ngày 28 tháng 02 năm 2014

1.4.2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Thu phí bảo hiểm gốc	16.1	855.868.056.390	670.376.718.737
02	2. Thu phí nhận tái bảo hiểm	16.2	83.656.928.441	83.881.976.126
03	3. Các khoản giảm trừ	16.3	(354.022.977.601)	(271.477.927.604)
04	Phí nhượng tái bảo hiểm		(351.246.497.291)	(265.217.214.654)
06	Hoàn phí		(2.776.480.310)	(6.260.712.950)
08	4. Tăng dự phòng phí	18.1	(29.534.359.172)	(48.835.841.178)
09	5. Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm		89.933.749.470	77.395.256.583
10	6. Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		34.339.170.083	18.451.048.467
13	Thu hoạt động khác		34.339.170.083	18.451.048.467
14	7. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (14 = 01 + 02 + 03 + 08 + 09 + 10)		680.240.567.611	529.791.231.131
15	8. Chi bồi thường bảo hiểm gốc	17.1	(771.017.274.341)	(254.393.282.386)
16	9. Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	17.2	(20.020.626.410)	(16.774.306.370)
17	10. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	17.3	603.045.909.671	113.550.744.894
21	11. Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại (21 = 15 + 16 + 17)		(187.991.991.080)	(157.616.843.862)
23	12. Tăng dự phòng bồi thường	18.2	(30.737.301.055)	(7.611.976.396)
24	13. Trích dự phòng dao động lớn	18.3	(11.709.869.394)	(14.483.423.018)
25	14. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(204.862.598.797)	(159.499.304.720)
27	Chi hoa hồng		(95.791.860.453)	(76.111.968.663)
39	Chi hoạt động nhượng tái bảo hiểm		(17.425.404.188)	(19.111.504.064)
40	Chi phí trực tiếp khác liên quan đến hoạt động bảo hiểm		(91.645.334.156)	(64.275.831.993)
41	15. Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(435.301.760.326)	(339.211.547.996)

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
42	16. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (42 = 14 + 41)		244.938.807.285	190.579.683.135
44	17. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(249.750.899.429)	(198.953.844.088)
45	18. (Lỗ) thuần kinh doanh bảo hiểm (45 = 42 + 44)		(4.812.092.144)	(8.374.160.953)
46	19. Doanh thu hoạt động tài chính	20	139.929.751.583	159.797.041.103
47	20. Chi phí hoạt động tài chính	21	(16.459.588.462)	(43.333.646.557)
51	21. Lợi nhuận hoạt động tài chính (51 = 46 + 47)		123.470.163.121	116.463.394.546
52	22. Thu nhập khác	22	2.444.010.441	821.425.115
53	23. Chi phí khác	22	(1.089.496.836)	(303.670.288)
54	24. Lợi nhuận/(lỗ) khác (54 = 52 + 53)		1.354.513.605	517.754.827
55	25. Lợi nhuận từ đầu tư liên doanh, liên kết		5.580.487.418	2.230.633.159
56	26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (56 = 45 + 51 + 54 + 55)		125.593.072.000	110.837.621.579
60	27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	23.1	(29.191.254.911)	(26.659.457.570)
61	28. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (61 = 56 + 60)		96.401.817.089	84.178.164.009
62	29. Lợi ích của các cổ đông thiểu số		(1.747.356.326)	-
63	30. Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ		94.654.460.763	84.178.164.009
64	31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		1.444	1.295

Bà Phan Thị Minh Huệ
Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán

Bà Lại Ngân Giang
Giám đốc Ban Tài chính Kế toán

Ông Tôn Lâm Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam - Ngày 28 tháng 02 năm 2014

1.4.2. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận trước thuế**		**125.593.072.000**	**110.837.621.579**
	Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định		2.724.118.527	3.769.906.918
03	Các khoản dự phòng		69.118.656.504	111.819.928.239
04	Lỗ do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		-	87.461.428
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(126.959.247.816)	(126.614.220.337)
07	Chi phí lãi vay	21	991.208.516	766.946.046
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**71.467.807.731**	**100.667.643.873**
09	(Tăng)/giảmảmcác khoản phải thu		(129.712.075.604)	76.337.380.911
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		140.746.743.164	(72.846.154.846)
12	(Tăng) chi phí trả trước		(1.451.736.612)	(180.775.491)
13	Chi phí lãi vay đã trả		(991.208.516)	(766.946.046)
14	Thuế thu nhập DN đã nộp		(27.602.744.493)	(27.257.237.657)
15	Tiền chi khác từ các hoạt động khác		(2.687.775.446)	(11.435.387.880)
15	Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(435.301.760.326)	(339.211.547.996)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**49.769.010.224**	**64.518.522.864**
	II| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(6.851.958.359)	(9.522.289.281)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	1.493.536
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác/ Tiền chi để mua các công ty con, trừ đi tiền thu về		(1.300.134.668.657)	(2.628.657.330.869)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.209.446.539.454	2.510.265.876.483
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		120.528.265.153	126.612.726.801
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư**		**22.988.177.591**	**(1.299.523.330)**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
	Bán/(mua) cổ phiếu quỹ	15	6.557.533.810	(362.295.144)
	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	(542.138.757)
	Cổ tức, lợi nhuận đã trả		(64.546.053.200)	(64.923.388.000)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**(57.988.519.390)**	**(65.827.821.901)**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**14.768.668.425**	**(2.608.822.367)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**15.192.045.761**	**17.800.852.232**
61	**Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi**		-	**15.896**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**4**	**29.960.714.186**	**15.192.045.761**

Bà Phan Thị Minh Huệ
Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán

Bà Lại Ngân Giang
Giám đốc Ban Tài chính Kế toán

Ông Tôn Lâm Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam - Ngày 28 tháng 02 năm 2014

1.5. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1.5.1 THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM ("Tổng Công ty") được thành lập vào ngày 1 tháng 10 năm 2010 theo Giấy phép Điều chỉnh số 11/GPDDC7/KDBH ngày 1 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài Chính.

Tổng Công ty được thành lập trên cơ sở thực hiện cổ phần hóa Công ty Bảo hiểm BIDV - là một công ty con của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV"), được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 11GP/KDBH ngày 10 tháng 4 năm 2006 do Bộ Tài chính cấp. Ngày 5 tháng 8 năm 2010, Tổng Công ty đã thực hiện thành công việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng. Tại thời điểm chuyển đổi thành công ty cổ phần, tổng số lượng cổ phần phát hành cho các cổ đông ngoài nhà nước là 11.682.491, chiếm 17,7% vốn điều lệ.

Một số thông tin quan trọng của công ty cổ phần bao gồm:

Tên Công ty

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ

Tầng 16, tháp A, tòa nhà Vincom, 191 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Lĩnh vực hoạt động

Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, giám định tổn thất, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Tổng Công ty có một công ty con như sau:

Công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tổng Công ty
CÔNG TY LIÊN DOANH BẢO HIỂM LÀO-VIỆT	Tầng 3, Tòa nhà LVB, Số 44 - Đại lộ Lanexang, Quận Chanthabouly, Viêng Chăn, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luậtCộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	65%

Vốn Điều lệ

Số vốn điều lệ của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 660 tỷ đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 660 tỷ đồng).

Mạng lưới hoạt động

Tổng Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 16, Tháp A, Toà nhà Vincom, 191 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty có hai mươi hai (22) công ty thành viên trên cả nước.

Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 628 người *(ngày 31 tháng 12 năm 2012: 589 người).*

1.5.2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chínhhợp nhất của Tổng Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1296 TC/QĐ/CĐKT ban hành ngày 31 tháng 12 năm 1996 của Bộ Tài Chính và Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2006, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành theo:

- **Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC** ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- **Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC** ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- **Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC** ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- **Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC** ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- **Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC** ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toánhợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanhhợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhấtvà các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhấtđược trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa cũng không chủ định trình bày tình hình tài chínhhợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanhhợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Tổng Công tylà Nhật ký sổ cái.

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tổng Công tyáp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhấtbắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chínhhợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tổng Công tylà đồng Việt Nam [VNĐ].

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của công ty mẹ là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("Công ty Mẹ") và công ty con là Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào-Việt (sau đây gọi chung là "Tổng Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ 02 tháng 08 năm 2013, là ngày Công ty Mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty Mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Quyền kiểm soát tồn tại khi Công ty Mẹ có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty con nhằm thu lợi ích từ hoạt động này.

Các báo cáo tài chính của Công ty Mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các đơn vị trong Tổng Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

1.5.3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu, bao gồm các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư 89/2013/TT-BTC ban hành ngày 28 tháng 06 năm 2013("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	8 - 25 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	5 năm
Phần mềm	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không khấu hao

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

Đầu tư tài chính

Đầu tư chứng khoán

Đầu tư chứng khoán bao gồm các khoản đầu tư chứng khoán nợ và chứng khoán vốn. Đầu tư chứng khoán được phân loại thành đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn như sau:

- Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu chưa niêm yết, trái phiếu chính phủ và trái phiếu công ty đáo hạn trong vòng 12 tháng hoặc dự định nắm giữ dưới một năm.
- Đầu tư dài hạn bao gồm các khoản đầu tư trái phiếu chính phủ và trái phiếu công ty dự định nắm giữ trên một năm.

Tất cả các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Định kỳ, chứng khoán đầu tư sẽ được xem xét về khả năng giảm giá.Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi có giá trị sụt giảm lâu dài. Bất kỳ khoản lỗ nào do dự phòng giảm giá đều phải được ghi nhận vào "Chi phí tài chính" trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanhhợp nhất.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Tổng Công ty có dưới 20% quyền biểu quyết và đồng thời Tổng Công ty là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Tổng Giám đốc.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Định kỳ, các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Bất kỳ khoản lỗ nào do dự phòng giảm giá phải được ghi nhận vào "Chi phí tài chính" trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanhhợp nhất.

Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán khi giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư 228và Thông tư 89. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán.

Đối với các chứng khoán chưa có giá tham chiếu làm cơ sở trích lập dự phòng, Tổng Công ty xem xét sử dụng giá trị sổ sách của chứng khoán.

Đối với các khoản vốn góp của doanh nghiệp vào các tổ chức kinh tế và các khoản đầu tư dài hạn khác, phải trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Theo đó, dự phòng được tính bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Tổng Công tyvà vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty.

Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Lợi ích nhân viên

Trợ cấp hưu trí

Trợ cấp hưu trí được Bảo hiểm Xã hội Việt Nam trả cho nhân viên của Tổng Công ty đã nghỉ hưu. Tổng Công ty có trách nhiệm đóng góp một phần vào khoản trợ cấp này bằng cách đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng cho Cơ quan Bảo Hiểm Xã hội ở mức 17% lương cơ bản của nhân viên. Ngoài khoản đóng góp này, Tổng Công ty không còn nghĩa vụ nào khác liên quan đến trợ cấp hưu trí đối với nhân viên của mình.

Quỹ bảo hiểm thất nghiệp

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội và Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ thì Quỹ bảo hiểm thất nghiệp sẽ được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 thì người lao động đóng bằng 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp, người sử dụng lao động đóng bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp và Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

Các quỹ dự phòng nghiệp vụ

Các quỹ dự phòng nghiệp vụ bao gồm (i) dự phòng phí chưa được hưởng, (ii) dự phòng bồi thường và (iii) dự phòng dao động lớn. Việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng như sau:

1| Dự phòng phí chưa được hưởng

Tổng Công ty áp dụng phương pháp từng ngày để tính phí bảo hiểm chưa được hưởng cho tất cả các loại hình bảo hiểm theo công thức sau:

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \frac{\text{Phí bảo hiểm giữ lại} * \text{Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm}}{\text{Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm}}$$

2| Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối kỳ chưa giải quyết được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối kỳ, sau khi trừ đi phần thu hồi từ nhượng tái bảo hiểm; và
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại (IBNR) được trích lập theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính.

3| Dự phòng dao động lớn

Dự phòng dao động lớn được trích lập mỗi năm cho đến khi dự phòng đạt được mức 100% mức phí giữ lại trong năm tài chính và được trích lập trên cơ sở phí bảo hiểm giữ lại theo qui định tại Thông tư 125/2012/TT-BTCngày 30 tháng 7 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài Chính đã ban hành Quyết định 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành bốn chuẩn mực kế toán ("CMKT") mới, bao gồm CMKT số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ tháng 1 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do dự phòng này phản ánh "các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính". Tuy nhiên, do Bộ Tài Chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng CMKT số 19 và theo quy định tại Nghị định 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007 về việc quy định chế độ tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm, Tổng Công ty hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn trên báo cáo tài chínhhợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Tỷ lệ trích lập hiện tại là 2% tổng phí giữ lại của từng loại hình bảo hiểm.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("CMKTVN số 10") liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ đã áp dụng nhất quán trong năm trước và Thông tư 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty(VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo Tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản công bố - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt nam (BIDV). Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanhhợp nhất.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính cơ sở ở nước ngoài sang đơn vị tiền tệ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được phản ánh luỹ kế, riêng biệt trên Bảng cân đối kế toán cho đến khi thanh lý cơ sở ở nước ngoài và khi đó chênh lệch tỷ giá hối đoái sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính của doanh nghiệp

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tổng Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tổng Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Phân phối lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ và chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công tytheo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm, và số dư tối đa là 10% vốn điều lệ theo nghị định 46/2007/ND-CP ngày 22 tháng 3 năm 2007 ban hành bởi Bộ Tài Chính.
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

1| Doanh thu bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT/BTC ngày 30 tháng 07 năm 2012 ("Thông tư 125") do Bộ Tài Chính ban hành hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng được những điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; (2) có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm hoặchợp đồng bảo hiểm được giao kết và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm. Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm thỏa thuận với bên mua bảo hiểm việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ thì doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán vào thu nhập phần phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải nộp phí theo thỏa thuận. Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối niên độ kế toán được ghi nhận ở phần "Phí bảo hiểm trả trước" trên bảng cân đối kế toánhợp nhất.

2| Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3| Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức bằng tiền của Tổng Công tyđược xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Tổng Công tymà chỉ được cập nhật số lượng cổ phiếu trên danh mục đầu tư của Tổng Công ty.

Ghi nhận chi phí

1| Chi bồi thường

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Tổng Công ty chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng theo đề nghị của khách hàng thì số tiền bồi thường đã thanh toán cũng được ghi nhận vào chi phí bồi thường. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối năm được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

2| Chi hoa hồng

Chi phí hoa hồng được ghi nhận khi phát sinh. Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhấttrong kỳ. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ nhất định phù hợp với Thông tư số 124/2012/TT/BTCngày 30 tháng 07 năm 2012do Bộ Tài Chính ban hành.

3| Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác

Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác được ghi nhận khi phát sinh.

4| Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanhhợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Ghi nhận chi phí

1| Nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thỏa thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

2| Nhận tái bảo hiểm

Nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định

- Thu nhập và chi phí liên quan đến các hoạt động nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, doanh thu và chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định nhưng chưa nhận được bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của Tổng Công ty.
- Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời
- Thu nhập phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bảng kê thanh toán (đối với từng thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm;
- Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm; và
- Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi chấp nhận thỏa thuận nhận tái bảo hiểm và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhấtngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhấtgiữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chínhhợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệnh tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :
- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệnh tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanhhợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Sử dụng các ước tính

Việc trình bày báo cáo tài chínhhợp nhấtyêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày những khoản công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả lập dự phòng. Các ước tính này chủ yếu được dựa trên định tính và rủi ro chưa xác định nên kết quả thực tế có thể sẽ rất khác dẫn tới việc dự phòng có thể phải sửa đổi.

Các tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán

Theo Chế độ Kế toán doanh nghiệp bảo hiểm, những hợp đồng bảo hiểm đã được ký kết nhưng chưa phát sinh trách nhiệm đối với doanh nghiệp bảo hiểm sẽ không cần phải phản ánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhấtcho đến khi phí bảo hiểm đã được thu hoặc đơn bảo hiểm có hiệu lực mà được hạch toán theo dõi ngoại bảng.

1.5.4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm (VNĐ)	Số đầu năm (VNĐ)
Tiền mặt tại quỹ	635.016.891	405.322.679
Trong đó:		
VNĐ	547.650.628	405.322.679
Ngoại tệ	87.366.263	-
Tiền gửi ngân hàng	29.325.697.295	14.786.723.082
Trong đó		
VNĐ	20.970.836.083	8.924.383.461
Ngoại tệ	8.354.861.212	5.862.339.621
	29.960.714.186	**15.192.045.761**

1.5.5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

		Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn		100.507.223.405	97.059.200.387
Cổ phiếu niêm yết		50.169.080.405	35.349.293.751
Cổ phiếu chưa niêm yết		5.438.143.000	34.709.906.636
Trái phiếu doanh nghiệp	[5.1]	44.900.000.000	27.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác		959.570.312.500	815.828.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn - VNĐ		20.970.836.083	8.924.383.461
Tiền gửi có kỳ hạn - đô la Mỹ		8.354.861.212	5.862.339.621
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(789.797.905)	(12.797.286.351)
Giá trị thuần của đầu tư ngắn hạn		**1.059.287.738.000**	**900.089.914.036**

Trái phiếu doanh nghiệp

Đơn vị phát hành	Kỳ hạn	Lãi suất năm	31/12/2013
Tổng Công ty Xây dựng Điện Việt Nam	2 năm	14,0%	4.900.000.000
Công ty Cổ phần xây dựng và kinh doanh vật tư	2 năm	11,9%	40.000.000.000
			44.900.000.000

1.5.6. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Phải thu của khách hàng	**340.409.022.787**	**204.563.928.648**
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	50.011.061.216	45.816.539.578
Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	33.090.434.612	32.705.945.259
Các khoản phải thu nhượng tái bảo hiểm	212.066.099.874	84.875.444.853
• *Phải thu về những khiếu nại đã giải quyết (*)*	141.500.717.809	41.709.311.055
• *Phải thu về hoa hồng nhượng tái bảo hiểm*	70.565.382.065	43.166.133.798
Phải thu từ hoạt động đầu tư tài chính	40.381.006.259	37.440.146.577
Phải thu khác	4.860.420.826	3.725.852.381
Trả trước cho người bán	2.000.007.331	1.309.652.500
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	4.919.220.101	5.858.667.634
Phải thu khác (**)	37.245.109.948	6.646.422.296
Tổng cộng các khoản phải thu	**384.573.360.167**	**218.378.671.078**
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(17.263.963.764)	(10.395.411.406)
Phải thu thương mại và phải thu khác thuần	**367.309.396.403**	**207.983.259.672**

(*) Khoản phải thu bao gồm khoản phải thu về các khiếu nại đã giải quyết từ nhà tái bảo hiểm Boston Reinsurance Corporation với tổng số tiền là 27.581.706.279 LAK tương đương 67.575.180.384 VNĐ cho tổn thất ngày 17 tháng 4 năm 2013 của đơn011246663 cấp cho khách hàng là Lao Air.

(**) Phải thu khác bao gồm khoản phải thu về gốc đến hạn của một trái phiếu đáo hạn vào ngày 15 tháng 12 năm 2013 với tổng số tiền là 30.000.000.000 VNĐ.

1.5.7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VNĐ)	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VNĐ)	Phương tiện vận tải (VNĐ)	TSCĐ khác (VNĐ)	Tổng cộng (VNĐ)
Nguyên giá					
Số đầu năm	2.300.000.000	6.620.139.539	23.118.328.758	336.528.928	32.374.997.225
Tăng trong năm	-	3.726.321.517	9.659.757.246	1.463.501.592	14.849.580.355
• Mua mới	-	1.500.370.426	5.160.194.556	196.998.910	6.857.563.892
• Tăng khác	-	2.225.951.091	4.499.562.690	1.266.502.682	7.992.016.463
Giảm trong năm	-	(5.415.847.183)	(76.705.200)	(257.249.074)	(5.749.801.457)
• Giảm khác (*)	-	(5.415.847.183)	(76.705.200)	(257.249.074)	(5.749.801.457)
Số cuối năm	**2.300.000.000**	**4.930.613.873**	**32.701.380.804**	**1.542.781.446**	**41.474.776.123**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	**(78.728.030)**	**(5.688.301.759)**	**(18.710.324.375)**	**(175.508.839)**	**(24.652.863.003)**
Tăng trong năm	(89.938.644)	(1.951.629.263)	(4.786.004.903)	(1.046.714.362)	(7.874.287.172)
Khấu hao trong năm	(89.938.644)	(221.261.076)	(2.343.885.519)	(62.412.916)	(2.717.498.155)
Tăng khác	-	(1.730.368.187)	(2.442.119.384)	(984.301.446)	(5.156.789.017)
Giảm trong năm	-	3.837.102.205	28.414.413	100.453.834	3.965.970.452
Giảm khác (*)	-	3.837.102.205	28.414.413	100.453.834	3.965.970.452
Số cuối năm	**(168.666.674)**	**(3.802.828.817)**	**(23.467.914.865)**	**(1.121.769.367)**	**(28.561.179.723)**
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	**2.221.271.970**	**931.837.780**	**4.408.004.383**	**161.020.089**	**7.722.134.222**
Số cuối năm	**2.131.333.326**	**1.127.785.056**	**9.233.465.939**	**421.012.079**	**12.913.596.400**

(*) Trong năm, Tổng Công ty đã phân loại lại các tài sản không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo hướng dẫn của Thông tư 45 sang chi phí trả trước dài hạn.

1.5.8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VNĐ)	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VNĐ)	Phương tiện vận tải (VNĐ)
Nguyên giá			
Số đầu năm	**56.057.850**	**6.500.000.000**	**6.556.057.850**
Tăng trong năm	**65.000.000**	**-**	**65.000.000**
Giảm trong năm	**(14.458.725)**	**-**	**(14.458.725)**
Số cuối năm	**106.599.125**	**6.500.000.000**	**6.606.599.125**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	(56.057.850)	-	(56.057.850)
Khấu hao trong năm	(6.620.372)	-	(6.620.372)
Giảm trong năm	14.458.725	-	14.458.725
Số cuối năm	(48.219.497)	-	(48.219.497)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	**-**	**6.500.000.000**	**6.500.000.000**
Số cuối năm	**58.379.628**	**6.500.000.000**	**6.558.379.628**

1.5.9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

		Số cuối năm (VNĐ)	Số đầu năm (VNĐ)
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn		150.598.617.037	170.145.833.333
• Cổ phiếu niêm yết		452.783.704	-
• Trái phiếu	[9.1]	150.145.833.333	170.145.833.333
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	23.837.143.685
3. Đầu tư dài hạn khác		126.234.150.000	76.090.000.000
• Tiền gửi có kỳ hạn		50.144.150.000	-
• Đầu tư dài hạn khác	[9.2]	76.090.000.000	76.090.000.000
Tổng đầu tư tài chính dài hạn		**276.832.767.037**	**270.072.977.018**
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	[9.3]	(17.283.004.056)	(16.939.899.164)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn		**259.549.762.981**	**253.133.077.854**

Đầu tư chứng khoán dài hạn

Đây là các khoản đầu tư vào trái phiếu, chi tiết như sau:

Đơn vị phát hành	Kỳ hạn	Lãi suất năm	Số cuối năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3 năm	9,55%	30.145.833.333
Công ty mẹ - Tổng Công tyPhát triển Nhà và Đô thị	3 năm	11,9%	50.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam	3 năm	9,55%	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	3 năm	10,0%	50.000.000.000
			150.145.833.333

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vốn với chi tiết như sau:

Đơn vị nhận đầu tư	% sở hữu	Số lượng cổ phiếu	Đơn giá gốc	Số tiền VNĐ
Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	4.24%	1.000.000	26.090	26.090.000.000
Công ty Cổ phần Tài chính Vinaconex –Viettel	5%	5.000.000	10.000	50.000.000.000
		6.000.000		**76.090.000.000**

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Đây là khoản dự phòng trích lập cho Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm (VNĐ)	Số đầu năm (VNĐ)
Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	(17.283.004.056)	(16.939.899.164)
Tổng dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(17.283.004.056)	(16.939.899.164)

1.5.10. KÝ QUỸ BẢO HIỂM

Theo quy định, Tổng Công ty đã duy trì một khoản ký quỹ bảo hiểm bắt buộc tương ứng với 2% vốn pháp định.

1.5.11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Theo quy định, Tổng Công ty đã duy trì một khoản ký quỹ bảo hiểm bắt buộc tương ứng với 2% vốn pháp định.

	Số cuối năm (VNĐ)	Số đầu năm (VNĐ)
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	87.806.540.954	12.791.747.413
Phải trả nhận tái bảo hiểm	10.441.415.626	12.907.267.659
Phải trả nhượng tái bảo hiểm	246.409.488.360	159.502.884.398
Phải trả khác	3.255.649.255	1.238.302.293
	347.913.094.195	**186.440.201.763**

1.5.12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm (VNĐ)	Số đầu năm (VNĐ)
Thuế giá trị gia tăng	18.486.541.873	6.684.584.933
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh 23.2)	8.872.798.378	4.968.020.319
Thuế khác	4.171.368.534	3.161.346.382
	31.530.708.785	**14.813.951.634**

1.5.13. CHÍ PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm (VNĐ)	Số đầu năm (VNĐ)
Phí bảo hiểm phải trả cho hợp đồng tái bảo hiểm vượt mức bồi thường (XOL)	5.362.910.416	4.500.000.000
Phí phục hồi hợp đồng tái bảo hiểm vượt mức bồi thường (XOL) phải trả	2.681.091.441	9.581.169.909
Chí phí đóng cháy nổ bắt buộc và TNDS xe cơ giới phải nộp	2.051.468.477	1.222.000.000
Các chi phí phải trả khác (*)	4.440.732.594	6.769.788.456
	14.536.202.928	**22.072.958.365**

(*) Chi phí phải trả khác chủ yếu bao gồm các khoản chi phí phải trả cho quảng cáo, đào tạo, thuê nhà và chi phí kiểm toán.

1.5.14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	Số cuối năm (VNĐ)	Số đầu năm (VNĐ)
Phải trả các khoản trợ cấp theo lương	180.783.680	708.004.734
Nhận ký quỹ, ký cược	1.352.121.926	1.788.909.800
Phải trả khác	10.988.983.467	7.592.797.160
	12.521.889.073	**10.089.711.694**

1.5.15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VNĐ)	Thặng dư vốn cổ phầnVNĐ	Cổ phiếu quỹ (VNĐ)	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Quỹ dự trữ bắt buộc VNĐ	Lợi nhuận giữ lại VNĐ	Chênh lệch tỷ giá VNĐ	Tổng cộng (VNĐ)
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	**660.000.000.000**	**2.271.699.140**	**(6.215.238.666)**	**1.800.187.891**	**4.853.369.576**	**87.188.437.793**	**-**	**749.898.455.734**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	84.178.164.009	-	84.178.164.009
Chi cổ tức cho năm 2011	-	-	-	-	-	(65.000.000.000)	-	(65.000.000.000)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2012	-	-	-	-	4.208.908.200	(4.208.908.200)	-	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(362.295.144)	-	-		-	(362.295.144)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(10.000.000.000)	-	(10.000.000.000)
Chi trả thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(287.000.000)	-	(287.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	**660.000.000.000**	**2.271.699.140**	**(6.577.533.810)**	**1.800.187.891**	**9.062.277.776**	**91.870.693.602**	**-**	**758.427.324.599**
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	**660.000.000.000**	**2.271.699.140**	**(6.577.533.810)**	**1.800.187.891**	**9.062.277.776**	**91.870.693.602**	**-**	**758.427.324.599**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	94.654.460.763	-	94.654.460.763
Chi cổ tức cho năm 2012	-	-	-	-	-	(65.000.000.000)	-	(65.000.000.000)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2013	-	-	-	-	4.248.919.389	(4.248.919.389)	-	-
Bán cổ phiếu quỹ	-	2.604.066.190	6.577.533.810	-	-	-	-	9.181.600.000
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(11.500.000.000)	-	(11.500.000.000)
Chênh lệch tỷ giá do hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài	-	-	-	-	-	-	7.052.332.500	7.052.332.500
Giảm khác trong năm	-	-	-	-	-	(821.631.669)	-	(821.631.669)
Chi trả thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(58.500.000)	-	(58.500.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	**660.000.000.000**	**4.875.765.330**	**-**	**1.800.187.891**	**13.311.197.165**	**104.896.103.307**	**7.052.332.500**	**791.935.586.193**

1.5.16. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

Thu phí bảo hiểm gốc

	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Sức khỏe và tai nạn con người	82.698.813.247	65.830.887.659
Tài sản và thiệt hại	205.626.915.961	173.653.971.966
Hàng hoá vận chuyển	53.428.008.426	33.466.369.392
Xe cơ giới	325.882.815.750	244.023.989.220
Cháy nổ	97.305.232.498	80.629.290.423
Trách nhiệm	5.985.684.522	3.690.943.159
Thiệt hại kinh doanh	7.175.424.294	1.475.864.157
Hàng không (*)	34.063.753.809	6.045.645.978
Thân tàu và TNDS chủ tàu	39.339.745.280	51.153.175.891
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	4.361.662.603	10.406.580.892
Nông nghiệp	-	-
	855.868.056.390	**670.376.718.737**

(*) Bao gồm khoản thu phí bảo hiểm gốc với số tiền 13.684.064.304 đồng của Hợp đồng bảo hiểm số 01120944 bảo hiểm cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam và 7.380.065.964 đồng và 4.634.350.476 đồng của hai hợp đồng bảo hiểm số 011339546 và 011339547 bảo hiểm cho Lào Airlines.

Thu phí nhận tái bảo hiểm

	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Sức khỏe và tai nạn con người	110.749.479	573.050.865
Tài sản và thiệt hại	64.732.067.443	64.127.928.152
Hàng hoá vận chuyển	3.248.419.191	3.903.840.963
Xe cơ giới	1.073.968.337	2.875.858.971
Cháy nổ	6.595.518.803	4.827.909.601
Trách nhiệm	273.147.603	584.287.882
Thiệt hại kinh doanh	2.790.873.046	992.444.521
Hàng không	3.175.555.551	4.846.787.627
Thân tàu và TNDS chủ tàu	747.998.284	836.204.637
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	12.338.600	-
Nông nghiệp	896.292.104	313.662.907
	83.656.928.441	**83.881.976.126**

Phí nhượng tái bảo hiểm

	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Sức khỏe và tai nạn con người	1.199.531.662	726.634.202
Tài sản và thiệt hại	176.321.962.282	137.537.006.320
Hàng hoá vận chuyển	36.454.794.345	23.251.954.020
Xe cơ giới	649.010.054	2.070.421.348
Cháy nổ	61.015.621.167	47.493.997.250
Trách nhiệm	3.344.030.105	1.755.566.551
Thiệt hại kinh doanh	8.884.033.241	2.244.894.358
Hàng không (*)	34.529.711.711	2.423.513.011
Thân tàu và TNDS chủ tàu	28.148.492.695	38.352.427.274
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	699.310.029	9.360.800.320
Nông nghiệp	-	-
	351.246.497.291	**265.217.214.654**

(*) Bao gồm khoản phí nhượng tái bảo hiểm với số tiền 13.491.670.159 đồng của Hợp đồng bảo hiểm số 01120944 bảo hiểm cho Tổng Công ty Hàng không Việt Namvà 5.491.748.593 đồng và 4.171.008.120 đồng của hai hợp đồng bảo hiểm số 011339546 và 011339547 bảo hiểm cho Lào Airlines

1.5.17. CHI TRỰC TIẾP HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

Chi bồi thường bảo hiểm gốc

Loại hình bảo hiểm	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Sức khỏe và tai nạn con người	22.493.576.965	14.524.498.224
Tài sản và thiệt hại	34.495.475.859	45.412.515.357
Hàng hoá vận chuyển	13.750.570.122	23.971.485.150
Xe cơ giới	115.450.332.355	102.909.404.834
Cháy nổ	67.658.270.599	44.577.160.972
Trách nhiệm	770.450.487	520.079.331
Thiệt hại kinh doanh	2.817.555.225	2.486.216.480
Hàng không(*)	506.416.454.326	320.863.102
Thân tàu và TNDS chủ tàu	7.164.588.403	19.646.375.890
Tín dụng và rủi ro tài chính	-	24.683.046
Nông nghiệp	-	-
	771.017.274.341	**254.393.282.386**

(*) Bao gồm khoản các chi bồi thường bảo hiểm gốc với số tiền lần lượt là 175.203.600.000 LAK, tương ứng 429.248.820.000 đồng cho vụ tổn thất xảy ra vào ngày 16 tháng 10 năm 2013 của hợp đồng bảo hiểm số 011339546 bảo hiểm cho Lào Airlines và 27.191.985.537 LAK, tương ứng 66.620.364.566 đồng cho vụ tổn thất xảy ra vào ngày 17 tháng 4 năm 2013 của hợp đồng bảo hiểm số 011246663 bảo hiểm cho Lào Air.

Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm

Loại hình	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Sức khỏe và tai nạn con người	291.274.259	352.223.791
Tài sản và thiệt hại	9.851.183.942	9.418.703.643
Hàng hoá vận chuyển	72.629.530	118.797.242
Xe cơ giới	754.105.063	881.584.463
Cháy nổ	5.923.494.963	5.791.035.410
Trách nhiệm	76.734.581	-
Thiệt hại kinh doanh	58.116.862	-
Hàng không	34.810.478	80.399.468
Thân tàu và TNDS chủ tàu	2.071.264.859	70.917.908
Tín dụng và rủi ro tài chính	0	-
Nông nghiệp	887.011.873	60.644.445
	20.020.626.410	**16.774.306.370**

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm

Loại hình bảo hiểm	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Sức khỏe và tai nạn con người	102.237.790	14.032.521
Tài sản và thiệt hại	36.257.312.181	30.635.207.680
Hàng hoá vận chuyển	9.274.508.987	21.470.353.729
Xe cơ giới	256.780.810	479.784.512
Cháy nổ	43.289.363.057	42.588.824.164
Trách nhiệm	610.265.844	245.765.583
Thiệt hại kinh doanh	2.604.049.609	2.263.529.040
Hàng không(*)	503.859.873.136	338.256.433
Thân tàu và TNDS chủ tàu	6.791.518.257	15.514.991.232
Tín dụng và rủi ro tài chính	-	-
Nông nghiệp	-	-
	603.045.909.671	**113.550.744.894**

(*) Bao gồm các khoản thu hồi bồi thường nhượng tái bảo hiểm từ các nhà tái với số tiền lần lượt là 175.115.998.200 LAK, tương ứng 429.034.195.590 đồng cho vụ tổn thất xảy ra vào ngày 16 tháng 10 năm 2013 của hợp đồng bảo hiểm số 011339546 bảo hiểm cho Lào Airlines và 27.164.793.542 LAK, tương ứng 66.553.744.178 đồng cho vụ tổn thất xảy ra vào ngày 17 tháng 4 năm 2013 của hợp đồng bảo hiểm số 011246663 bảo hiểm cho Lào Air.

1.5.18. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

Dự phòng phí bảo hiểm

Loại hình bảo hiểm	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Sức khỏe và tai nạn con người	45.164.996.064	32.993.599.336
Tài sản và thiệt hại	45.330.565.630	46.235.618.015
Hàng hoá vận chuyển	1.515.049.942	1.011.086.828
Xe cơ giới	171.021.663.091	131.038.393.223
Cháy nổ	20.793.366.265	17.149.739.258
Trách nhiệm	2.096.285.839	1.943.487.540
Thiệt hại kinh doanh	531.663.190	57.946.562
Hàng không	2.076.174.350	5.705.064.922
Thân tàu và TNDS chủ tàu	3.547.674.292	2.684.337.224
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	1.733.800.250	145.248.761
Nông nghiệp	-	-
	293.811.238.913	**238.964.521.669**

Chi phí dự phòng phí chưa được hưởng được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là29.534.359.172 đồng

Dự phòng bồi thường

Loại hình bảo hiểm	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Sức khỏe và tai nạn con người	17.567.124.448	10.933.436.049
Tài sản và thiệt hại	37.901.649.906	8.625.010.927
Hàng hoá vận chuyển	7.665.586.434	1.707.376.190
Xe cơ giới	20.847.638.540	14.805.311.125
Cháy nổ	13.144.403.244	34.039.796.204
Trách nhiệm	3.968.670.919	578.352.258
Thiệt hại kinh doanh	240.932.425	300.474.078
Hàng không	1.721.135.961	24.990.225
Thân tàu và TNDS chủ tàu	11.754.966.555	3.196.060.199
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	1.361.666.250	734.010.250
Nông nghiệp	1.670.650.000	-
	117.844.424.682	**74.944.817.505**

Dự phòng bồi thường bao gồm:

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất chưa giải quyết tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 được trích lập dựa trên mức ước tính tổn thất cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo hoặc yêu cầu thanh toán nhưng chưa được giải quyết tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 sau khi trừ đi các khoản tổn thất ước tính có thể thu hồi từnhà tái bảo hiểm. Khoản dự phòng này được trích ở mức 719.801.761.973 đồng Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013. Trong đó, phần trách nhiệm bảo hiểm có thể thu hồi được từ các công ty nhận tái bảo hiểm liên quan đến các vụ tổn thất lớn nêu trên ước tính là 621.928.860.068đồng Việt Nam.

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa khiếu nại tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013. Khoản dự phòng này được ước tính vào khoảng 19.971.522.777đồng Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Phần dự phòng bồi thường tăng trong kỳ, trị giá 30.737.301.055 đồng Việt Nam, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanhhợp nhất trên cơ sở thuần, tức là sau khi trừ đi phần trách nhiệm bảo hiểm có thể thu hồi được từ các công ty nhận tái bảo hiểm.

Dự phòng dao động lớn

Chi tiết về các khoản dự phòng dao động lớn đã được trích lập đến 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Sản phẩm	Số cuối năm (VNĐ)	Số đầu năm (VNĐ)
Sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	8.322.359.129	6.590.154.920
Tài sản và thiệt hại	14.604.897.212	12.753.621.173
Hàng hoá vận chuyển	2.102.847.388	1.683.681.578
Xe cơ giới	36.008.731.522	27.044.321.679
Cháy nổ	5.194.748.741	4.321.212.741
Trách nhiệm	547.371.723	459.963.503
Thiệt hại kinh doanh	138.025.667	51.819.434
Hàng không	1.067.810.525	268.546.944
Thân tàu và TNDS chủ tàu	1.914.437.093	1.660.309.225
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	675.405.790	280.384.724
Nông nghiệp	27.335.729	9.409.887
	70.603.970.519	**55.123.425.808**

Dự phòng dao động lớn trích vào chi phí của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là**11.709.869.394** đồng Việt Nam.

1.5.19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Chi phí nhân viên	141.079.124.940	117.694.210.350
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.724.118.527	3.769.906.918
Chi phí dịch vụ mua ngoài	81.286.817.970	58.427.462.242
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ quản lý	14.293.480.094	9.554.633.488
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ	2.680.892.939	1.182.155.164
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.222.695.629	2.562.308.970
Chi phí khác	5.463.769.330	5.763.166.956
	249.750.899.429	**198.953.844.088**

1.5.20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Lãi tiền gửi ngân hàng	92.412.757.247	131.664.955.429
Thu lãi đầu tư trái phiếu	24.981.602.928	20.215.132.683
Cổ tức được chia	6.154.159.100	2.513.434.880
Lãi chênh lệch tỷ giá	12.274.861.262	3.560.585.716
Lãi đầu tư chứng khoán	4.100.131.848	1.842.707.236
Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.239.198	225.159
	139.929.751.583	**159.797.041.103**

1.5.21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Chi phí lãi vay	991.208.516	766.946.046
Lỗ chênh lệch tỷ giá	11.745.387.889	3.328.619.205
Lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán	180.190.751	3.067.528.933
Chi phí lãi trả cho hoạt động nhận ủy thác đầu tư (*)	-	27.213.850.001
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư	2.632.380.812	7.383.719.562
Chi phí hoạt động tài chính khác	910.420.494	1.572.982.810
	16.459.588.462	**43.333.646.557**

(*) Đây là khoản chi phí lãi vay phải trả cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát sinh từ các hợp đồng nhận đầu tư ủy thác tiền gửi của Ngân hàng này. Các hợp đồng này đã đáo hạn trong năm 2012.

1.5.22. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Thu nhập khác	6.463.636	113.596.295
Thu từ thanh lý tài sản	2.437.546.805	707.828.820
Thu khác	**2.444.010.441**	**821.425.115**
Chi phí khác		
Chi thanh lý tài sản	-	(45.193.059)
Chi khác	(1.089.496.836)	(258.477.229)
	(1.089.496.836)	**(303.670.288)**
Thu nhập khác thuần	**1.354.513.605**	**517.754.827**

1.5.23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP PHẢI NỘP

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 25% lợi nhuận thu được.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chínhhợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29.610.025.326	26.659.457.570
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(418.770.415)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	29.191.254.911	26.659.457.570
	1.354.513.605	**517.754.827**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhấtvì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Tổng Công tyđược tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Bảng đối chiếu giữa thu nhập kế toán và thu nhập chịu thuế cho năm 2013 được trình bày dưới đây:

	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Lợi nhuận kế toán thuần trước thuế	**125.593.072.000**	**110.837.621.579**
Các khoản điều chỉnh tăng	**4.857.516.459**	**544.276.741**
Chi phí không được khấu trừ khi tính thu nhập chịu thuế	4.857.516.459	544.276.741
Các khoản điều chỉnh giảm	**(6.154.159.100)**	**(2.513.434.880)**
Thu lãi cổ tức	(6.154.159.100)	(2.513.434.880)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	**124.296.429.359**	**108.868.463.440**
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính năm hiện hành	28.881.229.410	26.659.457.570
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	**28.881.229.410**	**26.659.457.570**
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả đầu năm	4.968.020.319	5.565.800.406
Điều chỉnh tăng thuế phải nộp năm trước	728.795.916	-
Điều chỉnh thuế do hợp nhất báo cáo tài chính	1.897.497.226	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả trong năm	(27.602.744.493)	(27.257.237.657)
Thuế Thu nhập Doanh nghiệp phải trả cuối năm	**8.872.798.378**	**4.968.020.319**

1.5.24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tổng Công tyvới các công ty có liên quan trong năm như sau:

Công ty liên quan	Mối quan hệ	Các giao dịch	Số tiền (VNĐ)
NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM (BIDV)	**Công ty mẹ**	Doanh thu phí bảo hiểm gốc	64.526.814.617
		Doanh thu từ hoạt động tiền gửi	61.105.851.672
		Doanh thu lãi trái phiếu	5.635.753.424
		Chi phí nhận ủy thác đầu tư	-
		Chi phí thuê văn phòng	10.627.692.579

Công ty liên quan	Mối quan hệ	Các giao dịch	Số tiền (VNĐ)
		Chi phí lãi vay	386.277.016
		Chi phí bồi thường	2.756.006.304
		Chi phí hoa hồng	10.292.577.040
CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH TNHH MỘT THÀNH VIÊN BIDV	Cùng chủ sở hữu/ Công ty con của BIDV	Doanh thu phí bảo hiểm gốc	1.051.464.583
		Chi phí bồi thường	101.423.913
NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CAMPUCHIA (BIDC)	Cùng chủ sở hữu/ Công ty con của BIDV	Doanh thu từ hoạt động tiền gửi	3.030.688.887
		Doanh thu phí bảo hiểm gốc	326.562.489
		Chi phí bồi thường	31.526.000

Các khoản phải thu và phải trả các công ty liên quan của Tổng Công tytại ngày lập bảng cân đối kế toánhợp nhất như sau:

Công ty liên quan	Mối quan hệ	Diễn giải	Khoản phải thu VNĐ	Khoản phải trả
NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM (BIDV)	**Công ty mẹ**	**Số dư tiền gửi thanh toán**	20.235.075.576	-
		Đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	540.000.000.000	-
		Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	12.573.734.724	-
		Trái phiếu BIDV	50.145.833.333	-
		Phải thu lãi trái phiếu BIDV	1.988.493.150	-
		Kỹ quỹ bảo hiểm tại BIDV	6.000.000.000	-
		Phải thu phí bảo hiểm	914.777.189	-
		Phải trả hoa hồng bảo hiểm	-	2.188.499.998
		Phải trả thuê văn phòng	-	53.120.704
NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CAMPUCHIA (BIDC)	Cùng chủ sở hữu/ Công ty con của BIDV	Tiền gửi có kỳ hạn	45.000.000.000	-
		Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn		-
		Total	**1.619.449.999**	**2.241.620.702**

Các khoản lương, thưởng của thành viên Ban Tổng Giám đốc. Ngoài lương và thưởng và khoản trợ cấp trên, Ban Tổng Giám đốc không có bất kỳ lợi ích nào khác.

	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Lương và thưởng	3.564.036.141	2.916.029.570
Các khoản trợ cấp khác	556.111.000	455.000.000
	4.120.147.141	**3.371.029.570**

1.5.25. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

Tổng công ty lựa chọn các bộ phận theo theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Tổng Công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Tổng Công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Tổng Công ty.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận bộ phận theo khu vực địa lý của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Thị trường nước ngoài	Thị trường trong nước	Loại trừ	Tổng cộng
Thu phí bảo hiểm gốc	63.605	792.263	-	855.868
Thu phí nhận tái bảo hiểm	580	102.679	(19.602)	83.657
Các khoản giảm trừ	(37.043)	(336.582)	19.602	(354.023)
Tăng dự phòng phí	344	(29.878)	-	(29.534)
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	4.525	88.508	(3.099)	89.934
Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	269	34.070	-	34.339
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**32.280**	**651.060**	**(3.099)**	**680.241**
Chi bồi thường bảo hiểm gốc	(514.717)	(256.300)	-	(771.017)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	(18)	(34.993)	14.990	(20.021)
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	508.307	112.037	(17.298)	603.046
Tăng dự phòng bồi thường	(4.069)	(28.976)	2.308	(30.737)
Trích dự phòng dao động lớn	(543)	(11.167)	-	(11.710)
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(4.598)	(203.364)	3.099	(204.863)
Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**(15.638)**	**(422.763)**	**3.099**	**(435.302)**
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**16.642**	**228.296**	**-**	**244.939**
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(15.645)	(234.106)	-	(249.751)
Lợi nhuận hoạt động tài chính	4.894	118.576	-	123.470
Lãi từ đầu tư công ty liên doanh, liên kết	-	-	5.580	5.580
Lợi nhuận/(lỗ) khác	(14)	519	850	1.355
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**5.877**	**113.286**	**6.430**	**125.593**

Thông tin về một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Thị trường nước ngoài	Thị trường trong nước	Loại trừ	Tổng cộng
Tài sản				
Tiền và tương đương tiền	7.539	22.422	-	29.961
Các khoản phải thu	105.406	277.531	(15.628)	367.309
Các khoản đầu tư	109.167	1.244.330	(34.660)	1.318.837
Tài sản cố định	2.949	16.523	-	19.472
Tài sản khác	6.012	14.178	-	20.190
Tổng tài sản	**231.073**	**1.574.984**	**(50.288)**	**1.755.769**
Nợ phải trả				
Nợ ngắn hạn	114.753	356.254	(15.628)	455.379
Dự phòng nghiệp vụ	41.478	440.782	-	482.260
Nợ phải trả	156.231	797.036	(15.628)	937.639
Vốn chủ sở hữu	**74.842**	**777.948**	**(60.855)**	**791.935**
Lợi ích các cổ đông thiểu số	**-**	**-**	**26.195**	**26.195**
Nguồn vốn	**231.073**	**1.574.984**	**(50.288)**	**1.755.769**

1.5.26. CÁC CAM KẾT VÀ NỢ TIỀM TÀNG

Thuế nhà thầu

Cho giai đoạn từ năm 2005 đến 2008, Tổng Công ty chưa thực hiện giữ lại các khoản thuế nhà thầu có thể phát sinh từ các khoản thanh toán phí bảo hiểm ra nước ngoài cho các công ty tái bảo hiểm nước ngoài đến từ những nước chưa ký kết Hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam. Tổng Công ty hiện không trích lập dự phòng cho các nghĩa vụ thuế tiềm tàng có thể phát sinh này cho giai đoạn từ năm 2005 đến năm 2008. Rủi ro thuế tiềm tàng là 1,6 tỷ đồng Việt Nam.

Năm 2009, Tổng Công ty đã trích lập đầy đủ khoản dự phòng cho nghĩa vụ thuế nhà thầu có thể phát sinh đối với phí nhượng tái ra nước ngoài. Tuy nhiên, cho giai đoạn từ năm 2010 đến nay, Tổng Công ty chỉ giữ lại phần thuế nhà thầu của các nhà tái cư trú tại quốc gia không có hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam hoặc cư trú tại quốc gia có hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam mà chưa gửi hồ sơ hợp lệ liên quan cho cơ quan thuế.

Các cam kết thuê hoạt động

Tổng Công ty có cam kết hoạt động liên quan đến việc thuê văn phòng như sau:

Các chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (VNĐ)
Cam kết thuê văn phòng	7.364.454.716
Trong đó	
• Dưới 1 năm	566.561.795
• Từ 2 năm đến 5 năm	6.797.892.921
• Từ trên 5 năm	-
	7.364.454.716

1.5.27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm.

Tổng Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VNĐ)	3.564.036.141	2.916.029.570
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (đơn vị)	556.111.000	455.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	**4.120.147.141**	**3.371.029.570**

1.5.28. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO

Cơ chế quản trị

Mục đích chính của cơ chế quản trị rủi ro và quản lý tài chính là nhằm bảo vệ cổ đông của Tổng Công tytừ các sự kiện cản trở Tổng Công ty đạt được các mục tiêu tài chính một cách ổn định. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc nhận thấy tầm quan trọng của một hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả.

Tổng Công ty đã thiết lập một bộ phận quản lý rủi ro với các điều khoản được thống nhất bởi Hội đồng Quản trị. Bộ phận này được bổ sung thêm với một cơ cấu tổ chức rõ ràng bằng các văn bản quy định trách nhiệm và quyền hạn từ Hội đồng Quản trị đến Ban Tổng Giám đốc và các lãnh đạo cấp cao khác. Một khung chính sách đã được phát triển và áp dụng, trong đó chỉ ra những rủi ro chủ yếu của Tổng Công ty, các chuẩn mực về quản trị rủi ro, kiểm soát và tổ chức kinh doanh cho các hoạt động của Tổng Công ty. Mỗi chính sách sẽ được một thành viên trong Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm giám sát tính tuân thủ đối với chính sách này trong toàn Tổng Công ty.

Mục tiêu quản lý rủi ro, các chính sách và quy trình quản lý rủi ro bảo hiểm

Hoạt động bảo hiểm chính thực hiện bởi Tổng Công ty là xây dựng các giả định về rủi ro tổn thất liên quan đến cá nhân hoặc tổ chức là đối tượng liên quan trực tiếp đến rủi ro đó.Các rủi ro đề cập có thể liên quan đến tài sản, trách nhiệm, tai nạn, sức khỏe, rủi ro tài chính hoặc rủi ro khác có thể phát sinh từ các sự kiện được bảo hiểm. Theo đó Tổng Công ty chịu các rủi ro bồi thường chưa xác định rõ về thời điểm cũng như mức độ. Tổng Công ty cũng chịu các rủi ro thị trường thông qua hoạt động bảo hiểm và đầu tư.

Tổng Công ty quản lý rủi ro bảo hiểm của mình bằng hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình thủ tục phê duyệt cho các giao dịch có liên quan đến sản phẩm mới hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức, đa dạng hóa rủi ro, đưa ra nguyên tắc định giá, tái bảo hiểm và giám sát các vấn đề nảy sinh.

Quản lý vốn và yêu cầu theo luật định

Mục tiêu đầu tiên của Tổng Công tytrong việc quản lý vốn là luôn luôn duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ cho sự phát triển trong kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định. Tổng Công ty nhận thức được những tác động đối với lợi nhuận của cổ đông với mức độ vốn đã góp và tìm cách duy trì mức cân bằng thận trọng.

Yêu cầu về vốn pháp định phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ của Tổng Công tyvà tại Việt Nam và yêu cầu Tổng Công ty phải giữ nguồn vốn vừa đủ để trang trải nợ và đáp ứng các quy định về biên khả năng thanh toán tại Việt Nam. Các yêu cầu về đảm bảo khả năng thanh áp dụng cho Tổng Công ty được quy định trong những Quyết định và Thông tư của Bộ Tài chính.

Bảng dưới đây nêu lên biên khả năng thanh toán tối thiểu và biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Những người lập chính sách quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của người mua bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo các công ty bảo hiểm hoạt động hiệu quả vì lợi ích của người mua bảo hiểm. Những người lập chính sách đồng thời cũng quan tâm đến việc đảm bảo các công ty bảo hiểm có thể duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp, để đối phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự báo

	Biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty (triệu VNĐ)	Biên khả năng thanh toán tối thiểu (triệu VNĐ)	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	713.020	152.467	468%
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	715.124	120.695	593%

Tỷ lệ biên khả năng thanh toán của Tổng Công tylà một chỉ số về khả năng thanh toán chung đối với các hoạt động bảo hiểm có liên quan, được tính dựa trên những quy định tương ứng được ban hành bởi Bộ Tài chính Việt Nam.

Chiến lược kinh doanh bảo hiểm

Chiến lược kinh doanh bảo hiểm của Tổng Công tyvới mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm, kênh phân phối và tập trung vào sản phẩm có hiệu quả cao nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa các hoạt động kinh doanh và được dựa trên một danh mục lớn với những rủi ro tương tự trong một số năm, và như vậy, làm giảm sự biến động của kết quả kinh doanh.

Chiến lược kinh doanh tái bảo hiểm

Tổng Công ty tái bảo hiểm một phần các rủi ro bảo hiểm để kiểm soát khả năng lỗ và bảo đảm an toàn vốn, thông qua hợp đồng tái bảo hiểm cố định và tạm thời. Các hợp đồng tái bảo hiểm chuyển giao một phần rủi ro và giới hạn rủi ro đối với từng hợp đồng bảo hiểm. Mức độ rủi ro giữ lại phụ thuộc vào đánh giá của Tổng Công tyđối với mỗi loại rủi ro cụ thể, phụ thuộc vào từng hoàn cảnh nhất định, nhằm tối đa hóa mức rủi ro chấp nhận được dựa trên phân tích từng đặc tính rủi ro. Theo các điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm, người tái bảo hiểm đồng ý hoàn trả số tiền nhượng bảo hiểm trong trường hợp có tổn thất bảo hiểm. Tuy nhiên, Tổng Công ty vẫn phải có trách nhiệm đối với chủ hợp đồng cho phần tái nếu nhà tái bảo hiểm không thể thanh toán cho phần nghĩa vụ của họ.

Các hợp đồng tái bảo hiểm chứa đựng rủi ro xếp hạng tín nhiệm, để giảm thiểu rủi ro, chỉ những công ty tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá tín nhiệm của Tổng Công tytheo các đánh giá công khai của các công ty chuyên về xếp hạng tín nhiệm, hoặc do đánh giá nội bộ, mới được phép tiến hành giao dịch.

1.5.29. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH

Tổng Công ty phát hành hợp đồng để chuyển giao rủi ro bảo hiểm hoặc rủi ro tài chính hoặc cả hai.Dưới đây là mô tả chi tiết các sản phẩm chính của Tổng Công tyvà cách thức Tổng Công ty quản lý các rủi ro liên quan.

Rủi ro bảo hiểm

Phân tích các giả định, thay đổi giả định và phân tích độ nhạy

Quy trình xây dựng các giả định nhằm đưa ra các ước tính với các kết quả khả thi nhất. Nguồn dữ liệu sử dụng như các thông số đầu vào cho các giả định được thu thập nội bộ, dựa trên nghiên cứu chi tiết và được tiến hành đều đặn. Các giả định được kiểm tra để đảm bảo thống nhất với các thông tin có thể quan sát khác. Các xu hướng hiện tại sẽ được nhấn mạnh nhiều hơn.Với trường hợp không có đủ thông tin trong quá khứ, các giả định thận trọng sẽ được sử dụng.

Việc dự đoán chắc chắn các khoản bồi thường cụ thể và chi phí cơ bản là tương đối khó khăn do bản chất kinh doanh. Mỗi khoản bồi thường được thông báo sẽ được đánh giá riêng biệt theo từng trường hợp dựa trên từng hoàn cảnh cụ thể, thông tin sẵn có từ các nhà giám định tổn thất và

kinh nghiệm quá khứ của các khoản bồi thường tương tự. Các ước tính cho từng khoản bồi thường được kiểm tra thường xuyên và cập nhật khi có thông tin mới phát sinh.Tác động của nhiều khoản mục ảnh hưởng đến chi phí bồi thường rất khó ước tính.Dự phòng được tính toán dựa trên thông tin đang sẵn có. Tuy nhiên, các nghĩa vụ bảo hiểm cơ bản sẽ khác nhau do các mô hình phát triển sau này.

Trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính. Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng như sau:

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối kỳ chưa giải quyết: được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối kỳ, theo quy định của Thông tư số 125/2012/TT-BTC; và
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại (IBNR).

Tổng Công ty tính toán dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa khiếu nại theo công thức sau:

$$\text{Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại cho năm tài chính hiện tại} = \frac{\text{Tổng số tiền bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm nhưng chưa khiếu nại của 3 năm tài chính trước liên tiếp}}{\text{Tổng số tiền bồi thường phát sinh của 3 năm tài chính trước liên tiếp}} \times \text{Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại} \times \frac{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm tài chính hiện tại}}{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm tài chính trước}} \times \frac{\text{Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường của năm tài chính hiện tại}}{\text{Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường của năm tài chính trước}}$$

Tổng Công ty khai thác các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ như bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, bảo hiểm tàu thủy, bảo hiểm hàng không, bảo hiểm kỹ thuật, bảo hiểm hỏa hoạn, bảo hiểm sức khỏe và tai nạn, bảo hiểm trách nhiệm chung và bảo hiểm xe cơ giới. Các rủi ro trong các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ thường được bảo hiểm trong thời hạn 12 tháng.

Tổng Công ty phải chịu rủi ro tích lũy phụ thuộc vào tình hình phát triển kinh tế của Việt Nam và dòng vốn đầu tư nước ngoài trong sản xuất và bất động sản đặc biệt là tại các trung tâm kinh tế lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và Đồng Nai.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ, rủi ro trọng yếu phát sinh từ thay đổi môi trường và thảm họa thiên nhiên. Việt Nam đã phải chịu tổn thất lớn như bão nhiệt đới, lũ sông, mưa bão và lở đất. Bão nhiệt đới dự kiến sẽ ảnh hưởng thường xuyên đến Việt Nam với mức độ nghiêm trọng ngày càng cao và tổn thất được bảo hiểm ngày càng lớn. Để đưa ra những biện pháp giảm thiểu rủi ro, Tổng Công ty đã thu xếp các hợp đồng tái bảo hiểm liên quan đến các loại hình bảo hiểm tài sản, xe cơ giới, vận chuyển hàng hóa và tàu thủy, đánh bắt cá để hạn chế các tổn thất do thảm họa gây ra nhằm tối thiểu hóa phần rủi ro giữ lại của Tổng Công ty.

Đối với các hợp đồng chậm thông báo và có thời gian giải quyết trên một năm, có một rủi ro liên quan là rủi ro lạm phát. Những rủi ro này không biến đổi đáng kể theo địa điểm, loại hình và ngành được bảo hiểm.

Các rủi ro trên được giảm thiểu bằng việc đa dạng hóa sản phẩm, kênh phân phối sản phẩm và lựa chọn các sản phẩm có rủi ro thấp, theo đó các rủi ro sẽ được đa dạng hóa theo loại rủi ro và mức độ quyền lợi được bảo hiểm. Điều này có thể đạt được thông qua việc đa dạng hóa giữa các ngành. Hơn nữa, các chính sách đánh giá bồi thường nghiêm ngặt với các hợp đồng mới và đang còn hiệu lực, việc xem xét chi tiết, đều đặn các quy trình xử lý hợp đồng và việc điều tra thường xuyên các khoản bồi thường gian lận là tất cả quy trình và chính sách Tổng Công ty đang áp dụng để giảm thiểu rủi ro. Tổng Công ty cũng phát triển chính sách quản lý hoạt động và nhanh chóng giải quyết các khoản bồi thường, để giảm thiểu những rủi ro trong tương lai chưa được dự đoán có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh. Rủi ro lạm phát cũng được giảm thiểu bằng việc xem xét yếu tố lạm phát khi ước tính các nghĩa vụ phải trả của các hợp đồng bảo hiểm.

Tổng Công ty cũng áp dụng số tiền bồi thường tối đa đối với một số hợp đồng cụ thể, cũng như thu xếp tái bảo hiểm để hạn chế rủi ro với các sự kiện thảm họa (ví dụ như thiệt hại do bão, lũ).

Mục đích của các chiến lược cấp đơn và tái bảo hiểm là để giảm rủi ro với các thảm họa dựa trên độ thích ứng rủi ro của Tổng Công tyđược quyết định bởi Ban Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám Đốc có thể quyết định tăng hay giảm khả năng chịu đựng tối đa dựa trên các điều kiện thị trường và các nhân tố khác.

Rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công tychủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Tổng Công ty. Tổng Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tổng Công ty. Tổng Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Tổng Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Tổng Công tyđể đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá dịch vụ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tổng Công tytại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của bảng cân đối kế toán liên quan đến các công cụ nợ sẵn sàng để bán; độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Tổng Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tổng Công tychủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và trái phiếu công ty của Tổng Công ty.

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công tyvà vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tổng Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Tổng Công tytại ngày lập báo cáo là không đáng kể. Tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và trái phiếu công ty của Tổng Công ty.

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công tyvà vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tổng Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Tổng Công tytại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ.Biến động tỷ giá trao đổi giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ mà Tổng Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến trạng thái tài chính và kết quả hoạt động của Tổng Công ty.Rủi ro tỷ giá ngoại tệ đối với Tổng Công ty chủ yếu đến từ tỷ giá trao đổi giữa đô la Mỹ và đồng Việt Nam.Tổng Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

Việc phần lớn các tài sản tài chính của Tổng Công tylà bằng đồng Việt Nam đã giúp giảm thiểu rủi ro về tỷ giá ngoại tệ.Hầu hết các tài sản bằng ngoại tệ đều là Đô la Mỹ.

Trong năm, tỷ giá trao đổi giữa đồng Việt Nam và đô la Mỹ đã biến động trong khoảng từ 20.828 đến 21.036 VNĐ/USD.

Ảnh hưởng của các thay đổi có thể xảy ra đối với báo cáo tình hình tài chính hợp nhấtvà báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhấtcủa Tổng Công tytrong trường hợp có sự biến động về tỷ giá giữa USD và VNĐ được trình bày trong bảng dưới đây, giả định rằng tất cả các biến khác đều không thay đổi.

Biến số tăng/(giảm)	Ảnh hưởng tới lợi nhuận trước thuế (VNĐ)	Ảnh hưởng tới vốn chủ sở hữu (VNĐ)
Ngày 31 tháng 12 năm 2013		
+10%	(5.996.392.780)	(3.331.702.781)
-10%	5.996.392.780	3.331.702.781
Ngày 31 tháng 12 năm 2012		
+10%	(5.379.875.132)	(4.034.906.349)
-10%	5.379.875.132	4.034.906.349

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công tycũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư trọng yếu vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chínhhợp nhất, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Tổng Công tylà 58.481.618.000 đồng Việt Nam (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 35.349.293.751 đồng Việt Nam). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty sẽ giảm khoảng (1.841.992.514) đồng Việt Nam (ngày 31 tháng 12 năm 2012:(2.994.964.679) đồng Việt Nam), phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận sau thuế của Tổng Công tysẽ tăng lên khoảng 227.686.884 đồng Việt Nam (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 2.190.154.861 đồng Việt Nam).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tổng Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh bảo hiểm của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng chịu rủi ro tín dụng gồm các khoản phải thu về bảo hiểm, tái bảo hiểm, tạm ứng cho khách hàng và các khoản phải thu khác. Tổng Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tổng Công tycó liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Khoản mục đáng kể nhất của các khoản phải thu về tái bảo hiểm là các khoản bồi thường phải thu đòi công ty tái bảo hiểm. Để giảm thiểu rủi ro này, Tổng Công ty đã thiết lập một số nguyên tắc kinh doanh và tài chính trong việc chấp nhận công ty tái bảo hiểm, sử dụng kết quả phân loại của các tổ chức xếp hạng tín dụng lớn đồng thời cân nhắc thêm những thông tin trên thị trường. Tổng Công ty cũng thường xuyên xem xét sự ổn định về tài chính của các công ty tái bảo hiểm từ thông tin đại chúng cũng như những nguồn khác, cũng như xu hướng thanh toán những khoản phải trả của các công ty tái bảo hiểm.

Tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác

Tổng Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng uy tín ở Việt Nam.Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công tyđánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn và bị suy giảm vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Đơn vị: triệu VNĐ

	Quá hạn nhưng không suy giảm		Quá hạn và bị suy giảm		Dự phòng nợ phải thu khó đòi
	< 90 ngày	91–180 ngày	181–360 ngày	> 360 ngày	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013					
Phải thu từ hoạt động bảo hiểm gốc	19.075	5.769	5.947	18.207	15.164
Phải thu từ hoạt động tài chính	8.091	-	-	3.000	2.100
Tổng	**27.166**	**5.769**	**5.947**	**21.207**	**17.264**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012					
Phải thu từ hoạt động bảo hiểm gốc	29.949	2.772	3.404	8.921	8.895
Phải thu từ hoạt động tài chính		-	-	3.000	1.500
Tổng	**29.949**	**2.772**	**3.404**	**11.921**	**10.395**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập theo quy định của Thông tư số 228 và Thông tư 89.

Rủi ro thanh khoản

Tổng Công ty phải đáp ứng được yêu cầu hàng ngày về nguồn tiền mặt, đặc biệt cho những khoản bồi thường phát sinh trên những hợp đồng bảo hiểm của Tổng Công ty. Do vậy xuất hiện một rủi ro rằng Tổng Công ty không có đủ lượng tiền mặt để thanh toán các khoản nợ đến hạn với một chi phí hợp lý. Tổng Công ty quản lý rủi ro bằng việc xem xét và thiết lập một mức độ hợp lý về các quỹ hoạt động để thanh toán những khoản nợ này. Danh mục đầu tư cũng được cơ cấu theo các yêu cầu thanh khoản của các quỹ này và đưa ra các khoản phạt vì chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và các điều khoản điều chỉnh thị trường để thanh toán các chi phí phát sinh do nhu cầu tiền mặt ngoài dự tính.

Đáo hạn theo hợp đồng

Bảng dưới đây trình bày sơ lược thời gian đáo hạn theo hợp đồng nợ tài chính trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng
Ngày 31 tháng 12 năm 2013				
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả về bảo hiểm	91.048.428.393	-	-	91.048.428.393
Phải trả về tái bảo hiểm	7.840.363.050	249.011.761.516	-	256.852.124.566
Chi phí phải trả	14.536.202.928	-	-	14.536.202.928
Các khoản phải trả khác	92.941.926.841	-	-	92.941.926.841
	206.366.921.212	**249.011.761.516**	**-**	**455.378.682.728**

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng
Ngày 31 tháng 12 năm 2012				
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả về bảo hiểm	12.791.747.413	-	-	12.791.747.413
Phải trả về tái bảo hiểm	5.280.607.716	167.129.544.341	-	172.410.152.057
Chi phí phải trả	22.072.958.365	-	-	22.072.958.365
Các khoản phải trả khác	67.882.257.809	-	-	67.882.257.809
	108.027.571.303	**167.129.544.341**	**-**	**275.157.115.644**

1.5.30. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2012. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập Thuyết minh số 30 trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản mục tài sản và nợ của Tổng Công tyvấn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định có liên quan.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Tổng Công tytheo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chínhhợp nhất, thành một trong các loại sau:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanhhợp nhất, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanhhợp nhất;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công tytheo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, và nợ và vay.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chínhhợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành:

Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Tổng Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012:

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Nguyên giá (VNĐ)	Dự phòng (VNĐ)	Nguyên giá (VNĐ)	Dự phòng (VNĐ)	VNĐ	VNĐ
Tài sản tài chính						
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	**50.621.864.110**	**(627.797.905)**	**35.349.293.754**	**(4.197.954.161)**	**49.994.066.205**	**31.151.339.593**
• Cổ phiếu niêm yết	50.621.864.110	(627.797.905)	35.349.293.754	(4.197.954.161)	49.994.066.205	31.151.339.593
Các khoản cho vay và phải thu	**1.539.189.506.001**	**(17.263.963.764)**	**1.237.352.504.408**	**(10.395.411.406)**	**1.521.925.542.237**	**1.226.957.093.002**
Phải thu khách hàng	333.832.400.379	(15.163.963.764)	167.579.145.524	(8.895.411.406)	318.668.436.615	158.683.734.118
Phải thu các bên liên quan	6.576.622.409	-	36.984.783.124	-	6.576.622.409	36.984.783.124
Phải thu khác	44.164.337.380	(2.100.000.000)	13.814.742.430	(1.500.000.000)	42.064.337.380	12.314.742.430
Trái phiếu chưa niêm yết (*)	195.045.833.333	-	197.145.833.330	-	195.045.833.333	197.145.833.330
Tiền gửi ngắn hạn	959.570.312.500	-	821.828.000.000	-	959.570.312.500	821.828.000.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	**5.438.143.000**	**(162.000.000)**	**34.709.906.636**	**(8.599.332.190)**	**5.276.143.000**	**26.110.574.446**
• Cổ phiếu chưa niêm yết	5.438.143.000	(162.000.000)	5.438.143.000	(161.999.999)	5.276.143.000	5.276.143.001
• Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu từ Tài chính BIDV (*)	-	-	29.271.763.636	(8.437.332.191)	-	20.834.431.445
Đầu tư dài hạn khác	**126.234.150.000**	**(17.283.004.056)**	**99.927.143.685**	**(16.939.899.164)**	**108.951.145.944**	**82.987.244.521**
• Tiền gửi có kỳ hạn	50.144.150.000	-		-	50.144.150.000	
• Khoản đầu tư vào Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-	50.000.000.000	50.000.000.000
• Khoản đầu tư vào Công ty Bảo hiểm Lào Việt	-	-	23.837.143.685	-	-	23.837.143.685
• Khoản đầu từ vào Công ty CP Phát triển Đông Dương Xanh (*)	26.090.000.000	(17.283.004.056)	26.090.000.000	(16.939.899.164)	8.806.995.944	9.150.100.836
Tiền và các khoản tương đương tiền	**29.960.714.186**	**-**	**15.192.045.761**	**-**	**29.960.714.186**	**15.192.045.761**
Tổng cộng	**1.751.444.377.297**	**(35.336.765.725)**	**1.422.530.894.244**	**(40.132.596.921)**	**1.716.107.611.572**	**1.382.398.297.323**

(*) Đối với các khoản mục này, do không đủ thông tin thị trường tích cực để xác định giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính của Tổng Công tytại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012:

	Giá trị ghi số		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	339.008.640.626	183.992.249.585	339.008.640.626	183.992.249.585
Phải trả cho các bên có liên quan	8.904.453.568	2.447.952.178	8.904.453.568	2.447.952.178
Chi phí phải trả	14.536.202.928	22.072.958.365	14.536.202.928	22.072.958.365
Phải trả khác	92.929.385.606	66.643.955.516	92.929.385.606	66.643.955.516
Tổng cộng	**455.378.682.728**	**275.157.115.644**	**455.378.682.728**	**275.157.115.644**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tổng Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của cố phiếu niêm yết xác định dựa trên giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu đã được đăng ký giao dịch trên sàn UPCom được xác định dựa trên giá trị giao dịch trung bình tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu chưa niêm yết khác được xác định dựa trên giá bình quân tính trên các báo giá của ba công ty chứng khoán độc lập hoạt động tại Việt Nam.

1.5.32. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toánhợp nhất yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất ngoài các thông tin đã được thuyết minh (nếu có) trong báo cáo tài chínhhợp nhất đính kèm.

1.5.31. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chínhhợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được Tổng Giám đốc phê duyệt để phát hành vào ngày 28 tháng 02 năm 2014.







Bà Phan Thị Minh Huệ
Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán

Bà Lại Ngân Giang
Giám đốc Ban Tài chính Kế toán

Ông Tôn Lâm Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam - Ngày 28 tháng 02 năm 2014

II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

2.1. THÔNG TIN CHUNG

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM ("Tổng Công ty") được thành lập vào ngày 1 tháng 10 năm 2010 theo Giấy phép Điều chỉnh số 11/GPDDC7/KDBH ngày 1 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài Chính.

Tổng Công ty được thành lập trên cơ sở thực hiện cổ phần hóa Công ty Bảo hiểm BIDV - là một công ty con của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV"), được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 11GP/KDBH ngày 10 tháng 4 năm 2006 do Bộ Tài chính cấp. Ngày 5 tháng 8 năm 2010, Tổng Công ty đã thực hiện thành công việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng. Tại thời điểm chuyển đổi thành công ty cổ phần, tổng số lượng cổ phần phát hành cho các cổ đông ngoài nhà nước là 11.682.491, chiếm 17,7% vốn điều lệ.

Một số thông tin quan trọng của công ty cổ phần bao gồm:

Tên Công ty
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ
Tầng 16, tháp A, tòa nhà Vincom, 191 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Lĩnh vực hoạt động
Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, giám định tổn thất, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Tổng Công ty có một công ty con như sau:

Công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tổng Công ty
CÔNG TY LIÊN DOANH BẢO HIỂM LÀO-VIỆT	Tầng 3, Tòa nhà LVB, Số 44 - Đại lộ Lanexang, Quận Chanthabouly, Viêng Chăn, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luậtCộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	65%

Vốn Điều lệ

Số vốn điều lệ của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 660 tỷ đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 660 tỷ đồng).

Mạng lưới hoạt động

Tổng Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 16, Tháp A, Toà nhà Vincom, 191 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty có hai mươi hai (22) công ty thành viên trên cả nước.

Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 628 người *(ngày 31 tháng 12 năm 2012: 589 người).*

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị cho năm tài chính 2013 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Ông PHẠM QUANG TÙNG	Chủ tịch	Ngày 1 tháng 10 năm 2010
Ông TRẦN XUÂN HOÀNG	Phó Chủ tịch	Ngày 1 tháng 10 năm 2010 và
Bà NGUYỄN THỊ THANH VÂN	Thành viên	Ngày 1 tháng 10 năm 2010 miễn nhiệm từ ngày 4 tháng 11 năm 2013
Ông TRỊNH MINH TÂM	Thành viên	Ngày 1 tháng 10 năm 2010 và miễn nhiệm từ ngày 4 tháng 11 năm 2013
Ông TÔN LÂM TÙNG	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 11 năm 2013
Ông LÊ NGỌC LÂM	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 11 năm 2013
Bà ĐẶNG THỊ HỒNG PHƯƠNG	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 11 năm 2013
Ông ĐẶNG QUANG VINH	Thành viên	Ngày 1 tháng 10 năm 2010 và miễn nhiệm từ ngày 4 tháng 11 năm 2013

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát cho năm tài chính 2013 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông CAO CỰ TRÍ	Trưởng ban	Ngày 1 tháng 10 năm 2010
Ông NGUYỄN TRUNG KIÊN	Thành viên	Ngày 1 tháng 10 năm 2010
Ông NGUYỄN THÀNH CÔNG	Thành viên	Ngày 16 tháng 3 năm 2012

Ban Tổng Giám Đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc cho năm tài chính 2013 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Ông TÔN LÂM TÙNG	Tổng Giám đốc	Ngày 1 tháng 5 năm 2012
Ông TRẦN TRUNG TÍNH	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 1 tháng 10 năm 2012
Bà NGUYỄN THỊ THANH VÂN	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 1 tháng 10 năm 2010 và miễn nhiệm từ ngày 20 tháng 04 năm 2013
Ông VŨ MINH HẢI	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 16 tháng 4 năm 2012
Bà ĐOÀN THỊ THU HUYỀN	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 1 tháng 5 năm 2012
Ông TRẦN HOÀI AN	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 1 tháng 4 năm 2013

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và vào ngày lập báo cáo này là Ông Tôn Lâm Tùng, Chức danh: Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM là công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.

2.2. BÁO CÁO CỦA **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2013 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị báo cáo tài chínhriêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty đã được tuân thủ và tất cả các sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc đã cam kết với Hội đồng Quản trị rằng Tổng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chínhriêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quanđến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Ông Tôn Lâm Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam - Ngày 28 tháng 02 năm 2014

2.3. BÁO CÁO **KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: Các cổ đông TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("Tổng Công ty") được lập vào ngày 28 tháng 02 năm 2014 và được trình bày từ trang 111 đến trang 159, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty TNHH ERNST & YOUNG Việt Nam
Hà Nội, ngày 13/3/2013

Saman Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2036-2013-004-1

Lê Đức Linh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 1672-2013-004-1

2.4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

2.4.1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Ngày 31 tháng 12 năm 2013)

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A| TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**1.307.181.843.022**	**1.129.206.701.858**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	4	**22.422.009.742**	**15.192.045.761**
111	1. Tiền mặt tại quỹ		547.650.628	405.322.679
112	2. Tiền gửi ngân hàng		21.874.359.114	14.786.723.082
120	**II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	5	**1.000.717.425.500**	**900.089.914.036**
121	1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn		100.507.223.405	97.059.200.387
128	2. Đầu tư ngắn hạn khác		901.000.000.000	815.828.000.000
129	3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(789.797.905)	(12.797.286.351)
130	**III. Các khoản phải thu**	6	**277.531.126.769**	**207.983.259.672**
131	1. Phải thu của khách hàng		247.812.937.447	204.563.928.648
132	2. Trả trước cho người bán		2.000.007.331	1.309.652.500
133	3. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		4.514.418.386	5.858.667.634
138	4. Các khoản phải thu khác		37.216.835.375	6.646.422.296
139	5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		(14.013.071.770)	(10.395.411.406)
150	**IV. Tài sản ngắn hạn khác**		**6.511.281.011**	**5.941.482.389**
151	1. Tạm ứng		5.449.144.121	5.153.579.387
152	2. Chi phí trả trước ngắn hạn		547.126.890	422.588.502
153	3. Tài sản ngắn hạn khác		515.010.000	365.314.500
200	**B| TÀI SẢN DÀI HẠN**		**267.802.065.694**	**275.329.379.682**
210	**I. Tài sản cố định**		**16.522.663.400**	**14.222.134.222**
211	1. Tài sản cố định hữu hình	7	9.964.283.772	7.722.134.222
212	• Nguyên giá		32.979.460.493	32.374.997.225
213	• Giá trị hao mòn lũy kế		(23.015.176.721)	(24.652.863.003)
217	2. Tài sản cố định vô hình	8	6.558.379.628	6.500.000.000
218	• Nguyên giá		6.606.599.125	6.556.057.850
219	• Giá trị hao mòn lũy kế		(48.219.497)	(56.057.850)
220	**II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	9	**243.612.849.277**	**255.051.954.169**
221	1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	9.1	150.145.833.333	170.145.833.333
222	2. Đầu tư vào công ty con	9.2	34.660.020.000	-
223	3. Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	9.2	-	25.756.020.000
228	4. Đầu tư dài hạn khác	9.3	76.090.000.000	76.090.000.000
229	5. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	9.4	(17.283.004.056)	(16.939.899.164)

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
240	**III. Tài sản dài hạn khác**		**7.666.553.017**	**6.055.291.291**
241	1. Ký quỹ bảo hiểm	10	6.000.000.000	6.000.000.000
242	2. Cầm cố, ký quỹ dài hạn		15.954.546	30.954.546
243	3. Chi phí trả trước dài hạn		1.231.828.056	24.336.745
244	4. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		418.770.415	-
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.574.983.908.716**	**1.404.536.081.540**

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	Nguồn vốn	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**A| NỢ PHẢI TRẢ**		**797.036.220.021**	**644.189.880.626**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**356.254.708.324**	**275.157.115.644**
313	1. Phải trả người bán	11	269.808.825.754	186.440.201.763
314	2. Người mua trả tiền trước		7.400.850.524	9.798.119.269
315	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	16.628.914.668	14.813.951.634
316	4. Phải trả người lao động		31.799.561.513	27.758.733.599
318	5. Chi phí phải trả	13	14.536.202.928	22.072.958.365
319	6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	10.495.303.352	10.089.711.694
323	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.585.049.585	4.183.439.320
340	**II. Dự phòng nghiệp vụ**		**440.781.511.697**	**369.032.764.982**
341	1. Dự phòng phí	18.1	268.843.241.922	238.964.521.669
343	2. Dự phòng bồi thường	18.2	105.647.632.910	74.944.817.505
344	3. Dự phòng dao động lớn	18.3	66.290.636.865	55.123.425.808
400	**B| VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**777.947.688.695**	**760.346.200.914**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	15	**777.947.688.695**	**760.346.200.914**
411	1. Vốn đầu tư		660.000.000.000	660.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		4.875.765.330	2.271.699.140
414	3. Cổ phiếu quỹ		-	(6.577.533.810)
415	4. Quỹ dự phòng tài chính		1.800.187.891	1.800.187.891
416	5. Quỹ dự trữ bắt buộc		13.311.197.165	9.062.277.776
418	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		97.960.538.309	93.789.569.917
430	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.574.983.908.716**	**1.404.536.081.540**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý (đồng Việt Nam)	2.293.099.309	2.293.099.309
Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm (đồng Việt Nam)	48.588.799.997	39.202.269.093
Ngoại tệ các loại		
• Đô la Mỹ (US$)	42.480,11	281.097,76
• Euro (EUR)	270,49	287,84

Bà Phan Thị Minh Huệ
Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán

Bà Lại Ngân Giang
Giám đốc Ban Tài chính Kế toán

Ông Tôn Lâm Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam - Ngày 28 tháng 02 năm 2014

2.4.2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Thu phí bảo hiểm gốc	16.1	792.263.387.574	670.376.718.737
02	2. Thu phí nhận tái bảo hiểm	16.2	102.679.393.371	83.881.976.126
03	3. Các khoản giảm trừ	16.3	(336.582.228.127)	(271.477.927.604)
04	• Phí nhượng tái bảo hiểm		(333.958.823.366)	(265.217.214.654)
06	• Hoàn phí		(2.623.404.761)	(6.260.712.950)
08	4. Tăng dự phòng phí	18.1	(29.878.720.253)	(48.835.841.178)
09	5. Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm		88.507.963.297	77.395.256.583
10	6. Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		34.069.658.259	18.451.048.467
13	• Thu hoạt động khác		34.069.658.259	18.451.048.467
14	7. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (14 = 01 + 02 + 03 + 08 + 09 + 10)		651.059.454.121	529.791.231.131
15	8. Chi bồi thường bảo hiểm gốc	17.1	(256.300.228.559)	(254.393.282.386)
16	9. Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	17.2	(34.992.702.221)	(16.774.306.370)
17	10. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	17.3	112.037.262.017	113.550.744.894
21	11. Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại (21 = 15 + 16 + 17)		(179.255.668.763)	(157.616.843.862)
23	12. Tăng dự phòng bồi thường	18.2	(28.976.451.532)	(7.611.976.396)
24	13. Trích dự phòng dao động lớn	18.3	(11.167.211.057)	(14.483.423.018)
25	14. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm			
	• Chi hoa hồng		(203.363.503.891)	(159.499.304.720)
	• Chi hoạt động nhượng tái bảo hiểm		(94.292.765.547)	(76.111.968.663)
	• Chi phí trực tiếp khác liên quan đến hoạt động bảo hiểm		(17.425.404.188)	(19.111.504.064)
			(91.645.334.156)	(64.275.831.993)
41	15. Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (41 = 21 + 23 + 24 + 25)		(422.762.835.243)	(339.211.547.996)
42	16. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (42 = 14 + 41)		228.296.618.878	190.579.683.135
44	17. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(234.106.098.436)	(198.953.844.088)

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
45	18. (Lỗ) thuần kinh doanh bảo hiểm (45 = 42 + 44)		(5.809.479.558)	(8.374.160.953)
46	19. Doanh thu hoạt động tài chính	20	133.432.394.245	159.797.041.103
47	20. . Chi phí hoạt động tài chính	21	(14.856.654.199)	(43.333.646.557)
51	21. Lợi nhuận hoạt động tài chính (51 = 46 + 47)		118.575.740.046	116.463.394.546
52	22. Thu nhập khác	22	1.371.705.329	821.425.115
53	23. Chi phí khác	22	(852.295.654)	(303.670.288)
54	24. Lợi nhuận/(lỗ) khác (54 = 52 + 53)		519.409.675	517.754.827
56	26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (56 = 45 + 51 + 54 + 55)		113.285.670.163	108.606.988.420
60	27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	23.1	(28.307.282.382)	(26.659.457.570)
61	28. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (61 = 56 + 60)		84.978.387.781	81.947.530.850

Bà Phan Thị Minh Huệ

Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán

Bà Lại Ngân Giang

Giám đốc Ban Tài chính Kế toán

Ông Tôn Lâm Tùng

Tổng Giám đốc

2.4.2. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận trước thuế**		**113.285.670.163**	**108.606.988.420**
	Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định		2.318.549.996	3.769.906.918
03	Các khoản dự phòng		63.702.023.525	111.819.928.239
04	Lỗ do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		-	87.461.428
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(120.528.265.153)	(124.383.587.178)
07	Chi phí lãi vay	21	991.208.516	766.946.046
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**59.769.187.047**	**100.667.643.873**
09	(Tăng)/giảmiảmcác khoản phải thu		(77.035.491.651)	76.337.380.911
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		72.154.865.460	(72.846.154.846)
12	(Tăng) chi phí trả trước		(1.332.029.699)	(180.775.491)
13	Chi phí lãi vay đã trả		(991.208.516)	(766.946.046)
14	Thuế thu nhập DN đã nộp		(27.461.914.493)	(27.257.237.657)
15	Tiền chi khác từ các hoạt động khác		1.434.761.419	(11.435.387.880)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**26.538.169.567**	**64.518.522.864**
	II| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(6.332.304.646)	(9.522.289.281)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	1.493.536
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác/ Tiền chi để mua các công ty con, trừ đi tiền thu về		(1.257.167.426.157)	(2.628.657.330.869)

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.181.651.779.454	2.510.265.876.483
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		120.528.265.153	126.612.726.801
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư**		**38.680.313.804**	**(1.299.523.330)**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
	Bán/(mua) cổ phiếu quỹ	15	6.557.533.810	(362.295.144)
	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	(542.138.757)
	Cổ tức, lợi nhuận đã trả		(64.546.053.200)	(64.923.388.000)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**(57.988.519.390)**	**(65.827.821.901)**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**7.229.963.981**	**(2.608.822.367)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**15.192.045.761**	**17.800.852.232**
61	**Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi**		**-**	**15.896**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**4**	**22.422.009.742**	**15.192.045.761**

Bà Phan Thị Minh Huệ
Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán

Bà Lại Ngân Giang
Giám đốc Ban Tài chính Kế toán

Ông Tôn Lâm Tùng
Tổng Giám đốc

2.5. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2.5.1 THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM ("Tổng Công ty") được thành lập vào ngày 1 tháng 10 năm 2010 theo Giấy phép Điều chỉnh số 11/GPDDC7/KDBH ngày 1 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài Chính.

Tổng Công ty được thành lập trên cơ sở thực hiện cổ phần hóa Công ty Bảo hiểm BIDV - là một công ty con của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV"), được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 11GP/KDBH ngày 10 tháng 4 năm 2006 do Bộ Tài chính cấp. Ngày 5 tháng 8 năm 2010, Tổng Công ty đã thực hiện thành công việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng. Tại thời điểm chuyển đổi thành công ty cổ phần, tổng số lượng cổ phần phát hành cho các cổ đông ngoài nhà nước là 11.682.491, chiếm 17,7% vốn điều lệ.

Một số thông tin quan trọng của công ty cổ phần bao gồm:

Tên Công ty
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ
Tầng 16, tháp A, tòa nhà Vincom, 191 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Lĩnh vực hoạt động
Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, giám định tổn thất, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Tổng Công ty có một công ty con như sau:

Công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tổng Công ty
CÔNG TY LIÊN DOANH BẢO HIỂM LÀO-VIỆT	Tầng 3, Tòa nhà LVB, Số 44 - Đại lộ Lanexang, Quận Chanthabouly, Viêng Chăn, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luậtCộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	65%

Vốn Điều lệ

Số vốn điều lệ của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 660 tỷ đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 660 tỷ đồng).

Mạng lưới hoạt động

Tổng Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 16, Tháp A, Toà nhà Vincom, 191 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty có hai mươi hai (22) công ty thành viên trên cả nước.

Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 628 người *(ngày 31 tháng 12 năm 2012: 589 người).*

2.5.2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1296 TC/QĐ/CĐKT ban hành ngày 31 tháng 12 năm 1996 của Bộ Tài Chính và Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2006, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa cũng không chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệriêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Tổng Công ty là Nhật ký sổ cái.

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tổng Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tổng Công ty là đồng Việt Nam [VNĐ].

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu, bao gồm các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009*("Thông tư 228")* và Thông tư 89/2013/TT-BTC ban hành ngày 28 tháng 06 năm 2013 *("Thông tư 89")* sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	8 - 25 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	5 năm
Phần mềm	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không khấu hao

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Đầu tư tài chính

Đầu tư chứng khoán

Đầu tư chứng khoán bao gồm các khoản đầu tư chứng khoán nợ và chứng khoán vốn. Đầu tư chứng khoán được phân loại thành đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn như sau:

- Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu chưa niêm yết, trái phiếu chính phủ và trái phiếu công ty đáo hạn trong vòng 12 tháng hoặc dự định nắm giữ dưới một năm.
- Đầu tư dài hạn bao gồm các khoản đầu tư trái phiếu chính phủ và trái phiếu công ty dự định nắm giữ trên một năm.

Tất cả các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Định kỳ, chứng khoán đầu tư sẽ được xem xét về khả năng giảm giá.Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi có giá trị sụt giảm lâu dài. Bất kỳ khoản lỗ nào do dự phòng giảm giá đều phải được ghi nhận vào "Chi phí tài chính" trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Tổng Công ty có dưới 20% quyền biểu quyết và đồng thời Tổng Công ty là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Tổng Giám đốc.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Định kỳ, các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Bất kỳ khoản lỗ nào do dự phòng giảm giá phải được ghi nhận vào "Chi phí tài chính" trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán khi giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư 228và Thông tư 89. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán.

Đối với các chứng khoán chưa có giá tham chiếu làm cơ sở trích lập dự phòng, Tổng Công ty xem xét sử dụng giá trị sổ sách của chứng khoán.

Đối với các khoản vốn góp của doanh nghiệp vào các tổ chức kinh tế và các khoản đầu tư dài hạn khác, phải trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Theo đó, dự phòng được tính bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Tổng Công ty và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty.

Đầu tư vào Công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các hợp đồng mua lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính riêng. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ trên bảng cân đối kế toán riêng và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Lợi ích nhân viên

Trợ cấp hưu trí

Trợ cấp hưu trí được Bảo hiểm Xã hội Việt Nam trả cho nhân viên của Tổng Công ty đã nghỉ hưu. Tổng Công ty có trách nhiệm đóng góp một phần vào khoản trợ cấp này bằng cách đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng cho Cơ quan Bảo Hiểm Xã hội ở mức 17% lương cơ bản của nhân viên. Ngoài khoản đóng góp này, Tổng Công ty không còn nghĩa vụ nào khác liên quan đến trợ cấp hưu trí đối với nhân viên của mình.

Quỹ bảo hiểm thất nghiệp

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội và Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ thì Quỹ bảo hiểm thất nghiệp sẽ được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 thì người lao động đóng bằng 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp, người sử dụng lao động đóng bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp và Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

Các quỹ dự phòng nghiệp vụ

Các quỹ dự phòng nghiệp vụ bao gồm (i) dự phòng phí chưa được hưởng, (ii) dự phòng bồi thường và (iii) dự phòng dao động lớn. Việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng như sau:

1| Dự phòng phí chưa được hưởng

Tổng Công ty áp dụng phương pháp từng ngày để tính phí bảo hiểm chưa được hưởng cho tất cả các loại hình bảo hiểm theo công thức sau:

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \frac{\text{Phí bảo hiểm giữ lại} * \text{Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm}}{\text{Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm}}$$

2| Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối kỳ chưa giải quyết được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối kỳ, sau khi trừ đi phần thu hồi từ nhượng tái bảo hiểm; và
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại (IBNR) được trích lập theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính.

3| Dự phòng dao động lớn

Dự phòng dao động lớn được trích lập mỗi năm cho đến khi dự phòng đạt được mức 100% mức phí giữ lại trong năm tài chính và được trích lập trên cơ sở phí bảo hiểm giữ lại theo qui định tại Thông tư 125/2012/TT-BTCngày 30 tháng 7 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài Chính đã ban hành Quyết định 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành bốn chuẩn mực kế toán ("CMKT") mới, bao gồm CMKT số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ tháng 1 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do dự phòng này phản ánh "các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính". Tuy nhiên, do Bộ Tài Chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng CMKT số 19 và theo quy định tại Nghị định 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007 về việc quy định chế độ tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm, Tổng Công ty hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Tỷ lệ trích lập hiện tại là 2% tổng phí giữ lại của từng loại hình bảo hiểm.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("CMKTVN số 10") liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ đã áp dụng nhất quán trong năm trước và Thông tư 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo Tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản công bố - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV). Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tổng Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tổng Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Phân phối lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ và chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm, và số dư tối đa là 10% vốn điều lệ theo nghị định 46/2007/ND-CP ngày 22 tháng 3 năm 2007 ban hành bởi Bộ Tài Chính.
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

1| Doanh thu bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT/BTC ngày 30 tháng 07 năm 2012 ("Thông tư 125") do Bộ Tài Chính ban hành hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng được những điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; (2) có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm hoặchợp đồng bảo hiểm được giao kết và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm. Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm thỏa thuận với bên mua bảo hiểm việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ thì doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán vào thu nhập phần phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải nộp phí theo thỏa thuận. Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối niên độ kế toán được ghi nhận ở phần "Phí bảo hiểm trả trước" trên bảng cân đối kế toán riêng.

2| Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3| Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức bằng tiền của Tổng Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Tổng Công ty mà chỉ được cập nhật số lượng cổ phiếu trên danh mục đầu tư của Tổng Công ty.

Ghi nhận chi phí

1| Chi bồi thường

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Tổng Công ty chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng theo đề nghị của khách hàng thì số tiền bồi thường đã thanh toán cũng được ghi nhận vào chi phí bồi thường. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối năm được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

2| Chi hoa hồng

Chi phí hoa hồng được ghi nhận khi phát sinh. Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ nhất định phù hợp với Thông tư số 124/2012/TT/BTCngày 30 tháng 07 năm 2012do Bộ Tài Chính ban hành.

3| Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác

Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác được ghi nhận khi phát sinh.

4| Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm

1| Nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thỏa thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận

2| Nhận tái bảo hiểm

Nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định

- Thu nhập và chi phí liên quan đến các hoạt động nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, doanh thu và chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định nhưng chưa nhận được bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của Tổng Công ty.

Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời

- Thu nhập phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bảng kê thanh toán (đối với từng thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm;
- Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm; và
- Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi chấp nhận thỏa thuận nhận tái bảo hiểm và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán riêng giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệnh tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :
- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệnh tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Sử dụng các ước tính

Việc trình bày báo cáo tài chínhriêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày những khoản công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả lập dự phòng. Các ước tính này chủ yếu được dựa trên định tính và rủi ro chưa xác định nên kết quả thực tế có thể sẽ rất khác dẫn tới việc dự phòng có thể phải sửa đổi

Các tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán

Theo Chế độ Kế toán doanh nghiệp bảo hiểm, những hợp đồng bảo hiểm đã được ký kết nhưng chưa phát sinh trách nhiệm đối với doanh nghiệp bảo hiểm sẽ không cần phải phản ánh trên bảng cân đối kế toán riêng cho đến khi phí bảo hiểm đã được thu hoặc đơn bảo hiểm có hiệu lực mà được hạch toán theo dõi ngoại bảng.

2.5.4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm (VNĐ)	Số đầu năm (VNĐ)
Tiền mặt tại quỹ	547.650.628	405.322.679
Trong đó:		
VNĐ	547.650.628	405.322.679
Tiền gửi ngân hàng	21.874.359.114	14.786.723.082
Trong đó		
VNĐ	20.970.836.083	8.924.383.461
Ngoại tệ	903.523.031	5.862.339.621
	22.422.009.742	**15.192.045.761**

2.5.5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

		Số cuối năm (VNĐ)	Số đầu năm (VNĐ)
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn		100.507.223.405	97.059.200.387
Cổ phiếu niêm yết		50.169.080.405	35.349.293.751
Cổ phiếu chưa niêm yết		5.438.143.000	34.709.906.636
Trái phiếu doanh nghiệp	[5.1]	44.900.000.000	27.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác		901.000.000.000	815.828.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn - VNĐ		901.000.000.000	795.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn - đô la Mỹ		-	20.828.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(789.797.905)	(12.797.286.351)
Giá trị thuần của đầu tư ngắn hạn		**1.000.717.425.500**	**900.089.914.036**

Trái phiếu doanh nghiệp

Đơn vị phát hành	Kỳ hạn	Lãi suất năm	31/12/2013
Tổng Công ty Xây dựng Điện Việt Nam	2 năm	14,0%	4.900.000.000
Công ty Cổ phần xây dựng và kinh doanh vật tư	2 năm	11,9%	40.000.000.000
			44.900.000.000

2.5.6. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm (VNĐ)	Số đầu năm (VNĐ)
Phải thu của khách hàng	**247.812.937.447**	**204.563.928.648**
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	37.839.478.711	45.816.539.578
Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	41.914.641.689	32.705.945.259
Các khoản phải thu nhượng tái bảo hiểm	131.012.947.275	84.875.444.853
• *Phải thu về những khiếu nại đã giải quyết*	61.734.514.063	41.709.311.055
• *Phải thu về hoa hồng nhượng tái bảo hiểm*	69.278.433.212	43.166.133.798
Phải thu từ hoạt động đầu tư tài chính	32.289.989.321	37.440.146.577
Phải thu khác	4.755.880.451	3.725.852.381
Trả trước cho người bán	2.000.007.331	1.309.652.500
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	4.514.418.386	5.858.667.634
Phải thu khác (*)	37.216.835.375	6.646.422.296
Tổng cộng các khoản phải thu	**291.544.198.539**	**218.378.671.078**
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(14.013.071.770)	(10.395.411.406)
Phải thu thương mại và phải thu khác thuần	**277.531.126.769**	**207.983.259.672**

(*) Phải thu khác bao gồm khoản phải thu về gốc đến hạn của một trái phiếu đáo hạn vào ngày 15 tháng 12 năm 2013 với tổng số tiền là 30.000.000.000 VNĐ.

2.5.7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VNĐ)	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VNĐ)	Phương tiện vận tải (VNĐ)	TSCĐ khác (VNĐ)	Tổng cộng (VNĐ)
Nguyên giá					
Số đầu năm	**2.300.000.000**	**6.620.139.539**	**23.118.328.758**	**336.528.928**	**32.374.997.225**
Tăng trong năm	-	1.074.520.169	5.160.194.556	119.550.000	6.354.264.725
• Mua mới	-	1.058.165.624	5.160.194.556	119.550.000	6.337.910.180
• Tăng khác	-	16.354.545	-	-	16.354.545
Giảm trong năm	-	(5.415.847.183)	(76.705.200)	(257.249.074)	(5.749.801.457)
• Giảm khác (*)	-	(5.415.847.183)	(76.705.200)	(257.249.074)	(5.749.801.457)
Số cuối năm	**2.300.000.000**	**2.278.812.525**	**28.201.818.114**	**198.829.854**	**32.979.460.493**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	**(78.728.030)**	**(5.688.301.759)**	**(18.710.324.375)**	**(175.508.839)**	**(24.652.863.003)**
Tăng trong năm	(89.938.644)	(158.747.639)	(2.062.658.788)	(16.939.098)	(2.328.284.169)
Khấu hao trong năm	(89.938.644)	(142.393.094)	(2.062.658.788)	(16.939.098)	(2.311.929.624)
Tăng khác		(16.354.545)	-	-	(16.354.545)
Giảm trong năm	-	3.837.102.205	28.414.413	100.453.833	3.965.970.451
Giảm khác (*)	-	3.837.102.205	28.414.413	100.453.833	3.965.970.451
Số cuối năm	**(168.666.674)**	**(2.009.947.193)**	**(20.744.568.750)**	**(91.994.104)**	**(23.015.176.721)**
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	**2.221.271.970**	**931.837.780**	**4.408.004.383**	**161.020.089**	**7.722.134.222**
Số cuối năm	**2.131.333.326**	**268.865.332**	**7.457.249.364**	**106.835.750**	**9.964.283.772**

(*) Trong năm, Tổng Công ty đã phân loại lại các tài sản không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Thông tư 45 sang chi phí trả trước dài hạn.

2.5.8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VNĐ)	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VNĐ)	Phương tiện vận tải (VNĐ)
Nguyên giá			
Số đầu năm	**56.057.850**	**6.500.000.000**	**6.556.057.850**
• Tăng trong năm	65.000.000	-	65.000.000
• Giảm trong năm	(14.458.725)	-	(14.458.725)
Số cuối năm	**106.599.125**	**6.500.000.000**	**6.606.599.125**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	**(56.057.850)**	**-**	**(56.057.850)**
• Khấu hao trong năm	(6.620.372)	-	(6.620.372)
• Giảm trong năm	14.458.725	-	14.458.725
Số cuối năm	**(48.219.497)**	**-**	**(48.219.497)**
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	**-**	**6.500.000.000**	**6.500.000.000**
Số cuối năm	**58.379.628**	**6.500.000.000**	**6.558.379.628**

2.5.9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

		Số cuối năm (VNĐ)	Số đầu năm (VNĐ)
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	9.1	150.145.833.333	170.145.833.333
2. Đầu tư vào công ty con	9.2	34.660.020.000	-
3. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	9.2	-	25.756.020.000
4. Đầu tư dài hạn khác	9.3	76.090.000.000	76.090.000.000
Tổng đầu tư tài chính dài hạn		**260.895.853.333**	**271.991.853.333**
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	9.4	(17.283.004.056)	(16.939.899.164)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn		**243.612.849.277**	**255.051.954.169**

Đầu tư chứng khoán dài hạn

Đây là các khoản đầu tư vào trái phiếu, chi tiết như sau:

Đơn vị phát hành	Kỳ hạn	Lãi suất năm	Số cuối năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3 năm	9,55%	30.145.833.333
Công ty mẹ - Tổng Công tyPhát triển Nhà và Đô thị	3 năm	11,9%	50.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam	3 năm	9,55%	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	3 năm	10,0%	50.000.000.000
			150.145.833.333

Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Đây là các khoản đầu tư vào Công ty Bảo hiểm Lào Việt. Chi tiết như sau:

Theo Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 146/BKH/ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 19 tháng 06 năm 2008, Tổng Công ty đã đầu tư vào một liên doanh tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào với số vốn đầu tư là 1.530.000 USD để thành lập ra Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào-Việt ("Công ty Liên doanh") trong đó Tổng Công ty sở hữu 51% tổng số vốn điều lệ. Thời gian hoạt động của Dự án là 50 năm. Cho các năm tài chính trước, Tổng Công ty hạch toán khoản đầu tư này theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, Tổng Công ty đã ghi nhận phần lợi nhuận/ lỗ của Công ty Liên doanh trên cơ sở tỷ lệ vốn góp.

Ngày 02 tháng 08 năm 2013, Tổng Công ty đã tăng vốn đầu tư vào Công ty Liên doanh này với số vốn tăng thêm là 420.000 USD, nâng tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tổng Công ty lên 65% theo Giấy Chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 146/BKHĐT-ĐTRNN-ĐT1. Theo đó, Tổng Công ty nắm giữ quyền kiểm soát đối với Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào-Việt và Công ty liên doanh này trở thành công ty con của Tổng Công ty. Cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng năm nay, Tổng Công ty hạch toán khoản đầu tư này theo phương pháp giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vốn với chi tiết như sau:

Đơn vị nhận đầu tư	% sở hữu	Số lượng cổ phiếu	Đơn giá gốc	Số tiền VNĐ
Công ty Cổ phần Phát triểnĐông Dương Xanh	4.24%	1.000.000	26.090	26.090.000.000
Công ty Cổ phần Tài chính Vinaconex –Viettel	5%	5.000.000	10.000	50.000.000.000
		6.000.000		**76.090.000.000**

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Đây là khoản dự phòng trích lập cho Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm (VNĐ)	Số đầu năm (VNĐ)
Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	(17.283.004.056)	(16.939.899.164)
Tổng dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(17.283.004.056)	(16.939.899.164)

2.5.10. KÝ QUỸ BẢO HIỂM

Theo quy định, Tổng Công ty đã duy trì một khoản ký quỹ bảo hiểm bắt buộc tương ứng với 2% vốn pháp định.

2.5.11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm (VNĐ)	Số đầu năm (VNĐ)
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	15.682.805.233	12.791.747.413
Phải trả nhận tái bảo hiểm	16.898.050.762	12.907.267.659
Phải trả nhượng tái bảo hiểm	233.973.541.086	159.502.884.398
Phải trả khác	3.254.428.673	1.238.302.293
	269.808.825.754	**186.440.201.763**

2.5.12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Phát sinh trong kỳ			Số cuối năm
	Số cuối năm (VNĐ)	Số phải nộp trong năm (VNĐ)	Số đã nộp (VNĐ)	
Thuế giá trị gia tăng	6.684.584.933	49.759.682.546	(49.939.049.886)	6.505.217.593
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.968.020.319	28.726.052.797	(27.461.914.493)	6.232.158.623
Thuế khác	3.161.346.382	11.557.538.468	(10.827.346.398)	3.891.538.452
	14.813.951.634	**90.043.273.811**	**(88.228.310.777)**	**16.628.914.668**

2.5.13. CHÍ PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm (VNĐ)	Số đầu năm (VNĐ)
Phí bảo hiểm phải trả cho hợp đồng tái bảo hiểm vượt mức bồi thường (XOL)	5.362.910.416	4.500.000.000
Phí phục hồi hợp đồng tái bảo hiểm vượt mức bồi thường (XOL) phải trả	2.681.091.441	9.581.169.909
Chí phí đóng cháy nổ bắt buộc và TNDS xe cơ giới phải nộp	2.051.468.477	1.222.000.000
Các chi phí phải trả khác (*)	4.440.732.594	6.769.788.456
	14.536.202.928	**22.072.958.365**

(*) Chi phí phải trả khác chủ yếu bao gồm các khoản chi phí phải trả cho quảng cáo, đào tạo, thuê nhà và chi phí kiểm toán.

1.5.14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	Số cuối năm (VNĐ)	Số đầu năm (VNĐ)
Phải trả các khoản trợ cấp theo lương	36.984.142	708.004.734
Nhận kỹ quỹ, ký cược	1.352.121.926	1.788.909.800
Phải trả khác	9.106.197.284	7.592.797.160
	10.495.303.352	**10.089.711.694**

2.5.15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VNĐ)	Thặng dư vốn cổ phầnVNĐ	Cổ phiếu quỹ (VNĐ)	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Quỹ dự trữ bắt buộc VNĐ	Lợi nhuận giữ lại VNĐ	Tổng cộng (VNĐ)
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	**660.000.000.000**	**2.271.699.140**	**(6.215.238.666)**	**1.800.187.891**	**4.853.369.576**	**87.188.437.793**	**749.898.455.734**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	84.178.164.009	84.178.164.009
Chi cổ tức cho năm 2011	-	-	-	-	-	(65.000.000.000)	(65.000.000.000)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2012	-	-	-	-	4.208.908.200	(4.208.908.200)	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(362.295.144)	-	-		(362.295.144)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Chi trả thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(287.000.000)	(287.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1.918.876.315**	**1.918.876.315**
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	**660.000.000.000**	**2.271.699.140**	**(6.577.533.810)**	**1.800.187.891**	**9.062.277.776**	**93.789.569.917**	**760.346.200.914**
Lợi nhuận trong kỳ							
Chi cổ tức cho năm 2012	660.000.000.000	2.271.699.140	(6.577.533.810)	1.800.187.891	9.062.277.776	93.789.569.917	760.346.200.914
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2013	-	-	-	-	-	84.978.387.781	84.978.387.781
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	(65.000.000.000)	(65.000.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	4.248.919.389	(4.248.919.389)	-
Chênh lệch tỷ giá do hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài	-	2.604.066.190	6.577.533.810	-	-	-	9.181.600.000
Giảm khác trong năm	-	-	-	-	-	(11.500.000.000)	(11.500.000.000)
Chi trả thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(58.500.000)	(58.500.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	**660.000.000.000**	**4.875.765.330**	**-**	**1.800.187.891**	**13.311.197.165**	**97.960.538.309**	**777.947.688.695**

2.5.16. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

Thu phí bảo hiểm gốc

Loại hình bảo hiểm	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Sức khỏe và tai nạn con người	82.150.162.771	65.830.887.659
Tài sản và thiệt hại	187.769.994.382	173.653.971.966
Hàng hoá vận chuyển	53.292.562.675	33.466.369.392
Xe cơ giới	308.374.615.659	244.023.989.220
Cháy nổ	96.513.811.512	80.629.290.423
Trách nhiệm	4.392.177.277	3.690.943.159
Thiệt hại kinh doanh	4.985.523.559	1.475.864.157
Hàng không (*)	17.051.169.849	6.045.645.978
Thân tàu và TNDS chủ tàu	36.183.155.603	51.153.175.891
Rrủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	1.550.214.287	10.406.580.892
Nông nghiệp	-	-
	792.263.387.574	**670.376.718.737**

(*) Phí bảo hiểm bao gồm phí bảo hiểm đơn 01120944 của khách hàng là Tổng Công ty hàng không Việt Nam với tổng số phí phát sinh đã ghi nhận trong năm 2013 là 13.684.064.304 VNĐ

Thu phí nhận tái bảo hiểm

Loại hình bảo hiểm	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Sức khỏe và tai nạn con người	110.749.480	573.050.865
Tài sản và thiệt hại	79.929.730.150	64.127.928.152
Hàng hoá vận chuyển	3.307.608.129	3.903.840.963
Xe cơ giới	1.328.138.766	2.875.858.971
Cháy nổ	7.209.792.632	4.827.909.601
Trách nhiệm	273.147.603	584.287.882
Thiệt hại kinh doanh	4.344.349.110	992.444.521
Hàng không	3.511.080.996	4.846.787.627
Thân tàu và TNDS chủ tàu	1.756.165.800	836.204.637
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	12.338.600	-
Nông nghiệp	896.292.105	313.662.907
	102.679.393.371	**83.881.976.126**

Loại hình bảo hiểm	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Sức khỏe và tai nạn con người	1.199.531.662	726.634.202
Tài sản và thiệt hại	175.214.893.978	137.537.006.320
Hàng hoá vận chuyển	36.454.794.345	23.251.954.020
Xe cơ giới	705.101.724	2.070.421.348
Cháy nổ	61.015.661.915	47.493.997.250
Trách nhiệm	2.355.403.339	1.755.566.551
Thiệt hại kinh doanh	8.884.033.241	2.244.894.358
Hàng không	19.281.600.439	2.423.513.011
Thân tàu và TNDS chủ tàu	28.148.492.695	38.352.427.274
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	699.310.028	9.360.800.320
Nông nghiệp	-	-
	333.958.823.366	**265.217.214.654**

(*) Phí nhượng tái bảo hiểm bao gồm phí nhượng tái bảo hiểm đơn 01120944 của khách hàng là Công ty bảo hiểm hàng không với tổng số phí phát sinh đã ghi nhận trong năm 2013 là **13.491.670.159 VNĐ**

2.5.17. CHI TRỰC TIẾP HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

Chi bồi thường bảo hiểm gốc

Loại hình bảo hiểm	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Sức khỏe và tai nạn con người	22.314.483.415	14.524.498.224
Tài sản và thiệt hại	32.717.924.294	45.412.515.357
Hàng hoá vận chuyển	12.639.802.499	23.971.485.150
Xe cơ giới	109.556.827.124	102.909.404.834
Cháy nổ	67.658.270.599	44.577.160.972
Trách nhiệm	770.450.487	520.079.331
Thiệt hại kinh doanh	2.817.555.225	2.486.216.480
Hàng không	660.326.512	320.863.102
Thân tàu và TNDS chủ tàu	7.164.588.404	19.646.375.890
Tín dụng và rủi ro tài chính	-	24.683.046
Nông nghiệp	-	-
	256.300.228.559	**254.393.282.386**

Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm

Loại hình bảo hiểm	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Sức khỏe và tai nạn con người	287.881.472	352.223.791
Tài sản và thiệt hại	12.253.945.808	9.418.703.643
Hàng hoá vận chuyển	492.629.530	118.797.242
Xe cơ giới	759.433.519	881.584.463
Cháy nổ	5.170.103.859	5.791.035.410
Trách nhiệm	76.734.581	-
Thiệt hại kinh doanh	58.116.862	-
Hàng không	12.935.579.859	80.399.468
Thân tàu và TNDS chủ tàu	2.071.264.859	70.917.908
Tín dụng và rủi ro tài chính	-	-
Nông nghiệp	887.011.872	60.644.445
	34.992.702.221	**16.774.306.370**

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm

Loại hình bảo hiểm	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Sức khỏe và tai nạn con người	101.992.530	14.032.521
Tài sản và thiệt hại	36.395.836.599	30.635.207.680
Hàng hoá vận chuyển	9.379.105.027	21.470.353.729
Xe cơ giới	256.924.164	479.784.512
Cháy nổ	43.289.363.057	42.588.824.164
Trách nhiệm	610.265.844	245.765.583
Thiệt hại kinh doanh	2.604.049.609	2.263.529.040
Hàng không	12.608.206.930	338.256.433
Thân tàu và TNDS chủ tàu	6.791.518.257	15.514.991.232
Tín dụng và rủi ro tài chính	-	-
Nông nghiệp	-	-
	112.037.262.017	**113.550.744.894**

2.5.18. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

Dự phòng phí bảo hiểm

Loại hình bảo hiểm	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Sức khỏe và tai nạn con người	44.816.079.919	32.993.599.336
Tài sản và thiệt hại	42.281.698.258	46.235.618.015
Hàng hoá vận chuyển	1.496.925.058	1.011.086.828
Xe cơ giới	153.517.258.586	131.038.393.223
Cháy nổ	20.711.379.274	17.149.739.258
Trách nhiệm	1.775.749.472	1.943.487.540
Thiệt hại kinh doanh	135.260.346	57.946.562
Hàng không	136.313.926	5.705.064.922
Thân tàu và TNDS chủ tàu	2.942.207.433	2.684.337.224
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	1.030.369.650	145.248.761
Nông nghiệp	-	-
	268.843.241.922	**238.964.521.669**

Chi phí dự phòng phí chưa được hưởng được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 29.878.720.253 đồng.

Dự phòng bồi thường

Loại hình bảo hiểm	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Sức khỏe và tai nạn con người	17.450.776.156	10.933.436.049
Tài sản và thiệt hại	37.602.913.355	8.625.010.927
Hàng hoá vận chuyển	7.665.586.434	1.707.376.190
Xe cơ giới	12.835.555.193	14.805.311.125
Cháy nổ	13.066.879.148	34.039.796.204
Trách nhiệm	438.465.919	578.352.258
Thiệt hại kinh doanh	240.932.425	300.474.078
Hàng không	1.559.241.475	24.990.225
Thân tàu và TNDS chủ tàu	11.754.966.555	3.196.060.199
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	1.361.666.250	734.010.250
Nông nghiệp	1.670.650.000	-
	105.647.632.910	**74.944.817.505**

Dự phòng bồi thường bao gồm:

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất chưa giải quyết tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 được trích lập dựa trên mức ước tính tổn thất cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo hoặc yêu cầu thanh toán nhưng chưa được giải quyết tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013trừ đi các khoản có thể thu hồi từ các công ty nhận tái bảo hiểm. Khoản dự phòng này được trích ở mức 296.015.122.025 đồng Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013. Trong đó, phần trách nhiệm bảo hiểm có thể thu hồi được từ các công ty nhận tái bảo hiểm liên quan đến các vụ tổn thất lớn nêu trên ước tính là 210.274.677.646 đồng Việt Nam.

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa khiếu nại tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013. Khoản dự phòng này được ước tính vào khoảng 19.907.188.531 đồng Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Phần dự phòng bồi thường tăng trong kỳ, trị giá 28.976.451.532 đồng Việt Nam, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở thuần, tức là sau khi trừ đi phần trách nhiệm bảo hiểm có thể thu hồi được từ các công ty nhận tái bảo hiểm.

Dự phòng dao động lớn

Chi tiết về các khoản dự phòng dao động lớn đã được trích lập đến 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Sản phẩm	Số cuối năm (VNĐ)	Số đầu năm (VNĐ)
Sức khỏe và tai nạn con người	8.204.011.424	6.590.154.920
Tài sản và thiệt hại	14.072.687.442	12.753.621.173
Hàng hoá vận chuyển	2.084.516.708	1.683.681.578
Xe cơ giới	33.222.219.995	27.044.321.679
Cháy nổ	5.172.542.338	4.321.212.741
Trách nhiệm	506.161.907	459.963.503
Thiệt hại kinh doanh	60.159.255	51.819.434
Hàng không	529.734.225	268.546.944
Thân tàu và TNDS chủ tàu	1.842.937.708	1.660.309.225
Rủi ro tài chính và rủi ro tín dụng	568.330.134	280.384.724
Nông nghiệp	27.335.729	9.409.887
	66.290.636.865	**55.123.425.808**

Dự phòng dao động lớn trích vào chi phí của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013là11.167.211.057đồng Việt Nam.

2.5.19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Chi phí nhân viên	133.318.854.114	117.694.210.350
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.318.549.996	3.769.906.918
Chi phí dịch vụ mua ngoài	73.743.985.301	58.427.462.242
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ quản lý	13.904.681.884	9.554.633.488
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ	2.680.892.939	1.182.155.164
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	3.017.660.364	2.562.308.970
Chi phí khác	5.121.473.838	5.763.166.956
	234.106.098.436	**198.953.844.088**

2.5.20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Lãi tiền gửi ngân hàng	88.327.335.835	131.664.955.429
Thu lãi đầu tư trái phiếu	24.981.602.928	20.215.132.683
Cổ tức được chia	6.154.159.100	2.513.434.880
Lãi chênh lệch tỷ giá	9.894.677.336	3.560.585.716
Lãi đầu tư chứng khoán	4.068.379.848	1.842.707.236
Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.239.198	225.159
	133.432.394.245	**159.797.041.103**

2.5.21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Chi phí lãi vay	991.208.516	766.946.046
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.142.489.430	3.328.619.205
Lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán	180.190.751	3.067.528.933
Chi phí lãi trả cho hoạt động nhận ủy thác đầu tư (*)	-	27.213.850.001
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư	2.632.380.812	7.383.719.562
Chi phí hoạt động tài chính khác	910.384.690	1.572.982.810
Chi phí hoạt động tài chính khác	14.856.654.199	43.333.646.557
	16.459.588.462	**43.333.646.557**

(*) Đây là khoản chi phí lãi vay phải trả cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát sinh từ các hợp đồng nhận đầu tư ủy thác tiền gửi của Ngân hàng này. Các hợp đồng này đã đáo hạn trong năm 2012.

2.5.22. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Thu nhập khác		
Thu từ thanh lý tài sản	6.463.636	113.596.295
Thu khác	1.365.241.693	707.828.820
	1.371.705.329	**821.425.115**
Chi phí khác		
Chi thanh lý tài sản	-	(45.193.059)
Chi khác	(852.295.654)	(258.477.229)
	(852.295.654)	**(303.670.288)**
Thu nhập khác thuần	**519.409.675**	**517.754.827**

2.5.23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP PHẢI NỘP

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 25% lợi nhuận thu được.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28.726.052.797	26.659.457.570
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(418.770.415)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	**28.307.282.382**	**26.659.457.570**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Tổng Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Bảng đối chiếu giữa thu nhập kế toán và thu nhập chịu thuế cho năm 2013 được trình bày dưới đây:

	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Lợi nhuận kế toán thuần trước thuế	**113.285.670.163**	**108.606.988.420**
Các khoản điều chỉnh tăng	**4.857.516.459**	**544.276.741**
Chi phí không được khấu trừ khi tính thu nhập chịu thuế	4.857.516.459	544.276.741
Các khoản điều chỉnh giảm	**(6.154.159.100)**	**(2.513.434.880)**
Thu lãi cổ tức	(6.154.159.100)	(2.513.434.880)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	**111.989.027.522**	**106.637.830.281**
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính năm hiện hành	27.997.256.881	26.659.457.570
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	**27.997.256.881**	**26.659.457.570**
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả đầu năm	4.968.020.319	5.565.800.406
Điều chỉnh tăng thuế phải nộp năm trước	728.795.916	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả trong năm	(27.461.914.493)	(27.257.237.657)
Thuế Thu nhập Doanh nghiệp phải trả cuối năm	**6.232.158.623**	**4.968.020.319**

2.5.24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các công ty có liên quan trong năm như sau:

Công ty liên quan	Mối quan hệ	Các giao dịch	Số tiền (VNĐ)
NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM (BIDV)	**Công ty mẹ**	Doanh thu phí bảo hiểm gốc	64.526.814.617
		Doanh thu từ hoạt động tiền gửi	61.105.851.672
		Doanh thu lãi trái phiếu	5.635.753.424
		Chi phí thuê văn phòng	10.627.692.579
		Chi phí bồi thường	2.756.006.304
		Chi phí hoa hồng	10.292.577.040

Công ty liên quan	Mối quan hệ	Các giao dịch	Số tiền (VNĐ)
CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH TNHH MỘT THÀNH VIÊN BIDV	Cùng chủ sở hữu/ Công ty con của BIDV	Doanh thu phí bảo hiểm gốc	1.051.464.583
NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CAMPUCHIA (BIDC)	Cùng chủ sở hữu/ Công ty con của BIDV	Doanh thu từ hoạt động tiền gửi	3.030.688.887
CÔNG TY LIÊN DOANH BẢO HIỂM LÀO - VIỆT	Công ty con	Phí nhận tái bảo hiểm	47.079.976.279
		Hoa hồng nhận tái	8.531.387.869

Các khoản phải thu và phải trả các công ty liên quan của Tổng Công ty tại ngày lập bảng cân đối kế toán riêng như sau:

Công ty liên quan	Mối quan hệ	Diễn giải	Khoản phải thu VNĐ	Khoản phải trả
NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM (BIDV)	**Công ty mẹ**	**Số dư tiền gửi thanh toán**	20.235.075.576	-
		Đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	540.000.000.000	-
		Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	12.573.734.724	-
		Trái phiếu BIDV	50.145.833.333	-
		Phải thu lãi trái phiếu BIDV	1.988.493.150	-
		Ký quỹ bảo hiểm tại BIDV	6.000.000.000	-
		Phải thu phí bảo hiểm	914.777.189	-
		Phải trả hoa hồng bảo hiểm	-	2.188.499.998
		Phải trả thuê văn phòng	-	53.120.704
NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CAM-PUCHIA (BIDC)	Cùng chủ sở hữu/ Công ty con của BIDV	Tiền gửi có kỳ hạn	45.000.000.000	-
		Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.619.449.999	-
CÔNG TY LIÊN DOANH BẢO HIỂM LÀO - VIỆT	Công ty con	Phải trả phí nhượng tái	-	281.565.634
		Phải thu hoa hồng nhượng tái	51.172.621	-
		Phải thu phí nhận tái	8.706.814.343	-
		Phải trả hoa hồng nhận tái	-	1.840.056.285
		Phải trả bồi thường nhận tái	-	4.572.393.220
		Phải thu thu hồi bồi thường nhượng tái	176.321.346	-
		Tổng	**687.411.672.281**	**8.935.635.841**

Các khoản lương, thưởng của thành viên Ban Tổng Giám đốc:

	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Lương và thưởng	3.564.036.141	2.916.029.570
Các khoản trợ cấp khác	556.111.000	455.000.000
	4.120.147.141	**3.371.029.570**

Ngoài lương và thưởng và các khoản trợ cấp trên, Ban Tổng Giám đốc không có bất kỳ lợi ích nào khác.

2.5.25. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo quy định của Chuẩn mực Kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận, tại đoạn 09 các bộ phận cần phải lập báo cáo được định nghĩa như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác;
- Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Theo bản chất hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty, mặc dù, Tổng Công ty có các công ty thành viên trên toàn quốc nhưng các công ty thành viên này đều hoạt động kinh doanh trên một lĩnh vực là bảo hiểm phi nhân thọ, cung cấp cùng một loại hình sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ được thiết kế theo qui chuẩn chung của Tổng Công ty và chịu các rủi ro tương tự nhau.Hơn nữa, tuy các công ty thành viên này nằm trên một số địa bàn thuộc các tỉnh thành khác nhau nhưng sự phân chia địa lý mang tính tương đối để thuận tiện hơn trong quá trình chăm sóc khách hàng, khai thác dịch vụ và phạm vi cung cấp dịch vụ của mỗi đơn vị thành viên không bị giới hạn bởi sự phân chia địa lý này. Do đó, Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV không lập và trình bày thông

2.5.26. CÁC CAM KẾT VÀ NỢ TIỀM TÀNG

Thuế nhà thầu

Cho giai đoạn từ năm 2005 đến 2008, Tổng Công ty chưa thực hiện giữ lại các khoản thuế nhà thầu có thể phát sinh từ các khoản thanh toán phí bảo hiểm ra nước ngoài cho các công ty tái bảo hiểm nước ngoài đến từ những nước chưa ký kết Hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam. Tổng Công ty hiện không trích lập dự phòng cho các nghĩa vụ thuế tiềm tàng có thể phát sinh này cho giai đoạn từ năm 2005 đến năm 2008. Rủi ro thuế tiềm tàng là 1,6 tỷ đồng Việt Nam.

Năm 2009, Tổng Công ty đã trích lập đầy đủ khoản dự phòng cho nghĩa vụ thuế nhà thầu có thể phát sinh đối với phí nhượng tái ra nước ngoài. Tuy nhiên, cho giai đoạn từ năm 2010 đến nay, Tổng Công ty chỉ giữ lại phần thuế nhà thầu của các nhà tái cư trú tại quốc gia không có hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam hoặc cư trú tại quốc gia có hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam mà chưa gửi hồ sơ hợp lệ liên quan cho cơ quan thuế.

Các cam kết thuê hoạt động

Tổng Công ty có cam kết hoạt động liên quan đến việc thuê văn phòng như sau:

Các chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (VNĐ)
Cam kết thuê văn phòng	6.965.697.648
Trong đó	
• Dưới 1 năm	167.804.727
• Từ 2 năm đến 5 năm	6.797.892.921
• Từ trên 5 năm	-
	6.965.697.648

1.5.27. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO

Cơ chế quản trị

Mục đích chính của cơ chế quản trị rủi ro và quản lý tài chính là nhằm bảo vệ cổ đông của Tổng Công ty từ các sự kiện cản trở Tổng Công ty đạt được các mục tiêu tài chính một cách ổn định. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc nhận thấy tầm quan trọng của một hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả.

Tổng Công ty đã thiết lập một bộ phận quản lý rủi ro với các điều khoản được thống nhất bởi Hội đồng Quản trị. Bộ phận này được bổ sung thêm với một cơ cấu tổ chức rõ ràng bằng các văn bản quy định trách nhiệm và quyền hạn từ Hội đồng Quản trị đến Ban Tổng Giám đốc và các lãnh đạo cấp cao khác. Một khung chính sách đã được phát triển và áp dụng, trong đó chỉ ra những rủi ro chủ yếu của Tổng Công ty, các chuẩn mực về quản trị rủi ro, kiểm soát và tổ chức kinh doanh cho các hoạt động của Tổng Công ty. Mỗi chính sách sẽ được một thành viên trong Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm giám sát tính tuân thủ đối với chính sách này trong toàn Tổng Công ty.

Mục tiêu quản lý rủi ro, các chính sách và quy trình quản lý rủi ro bảo hiểm

Hoạt động bảo hiểm chính thực hiện bởi Tổng Công ty là xây dựng các giả định về rủi ro tổn thất liên quan đến cá nhân hoặc tổ chức là đối tượng liên quan trực tiếp đến rủi ro đó.Các rủi ro đề cập có thể liên quan đến tài sản, trách nhiệm, tai nạn, sức khỏe, rủi ro tài chính hoặc rủi ro khác có thể phát sinh từ các sự kiện được bảo hiểm. Theo đó, Tổng Công ty chịu các rủi ro bồi thường chưa xác định rõ về thời điểm cũng như mức độ. Tổng Công ty cũng chịu các rủi ro thị trường thông qua hoạt động bảo hiểm và đầu tư.

Tổng Công ty quản lý rủi ro bảo hiểm của mình bằng hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình thủ tục phê duyệt cho các giao dịch có liên quan đến sản phẩm mới hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức, đa dạng hóa rủi ro, đưa ra nguyên tắc định giá, tái bảo hiểm và giám sát các vấn đề nảy sinh.

Quản lý vốn và yêu cầu theo luật định

Mục tiêu đầu tiên của Tổng Công ty trong việc quản lý vốn là luôn luôn duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ cho sự phát triển trong kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định. Tổng Công ty nhận thức được những tác động đối với lợi nhuận của cổ đông với mức độ vốn đã góp và tìm cách duy trì mức cân bằng thận trọng.

Yêu cầu về vốn pháp định phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ của Tổng Công ty và tại Việt Nam và yêu cầu Tổng Công ty phải giữ nguồn vốn vừa đủ để trang trải nợ và đáp ứng các quy định về biên khả năng thanh toán tại Việt Nam. Các yêu cầu về đảm bảo khả năng thanh áp dụng cho Tổng Công ty được quy định trong những Quyết định và Thông tư của Bộ Tài chính.

Bảng dưới đây nêu lên biên khả năng thanh toán tối thiểu và biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Những người lập chính sách quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của người mua bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo các công ty bảo hiểm hoạt động hiệu quả vì lợi ích của người mua bảo hiểm. Những người lập chính sách đồng thời cũng quan tâm đến việc đảm bảo các công ty bảo hiểm có thể duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp, để đối phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự báo do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

	Biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty (triệu VNĐ)	Biên khả năng thanh toán tối thiểu (triệu VNĐ)	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	657.684	135.140	487%
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	715.124	120.695	593%

Tỷ lệ biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty là một chỉ số về khả năng thanh toán chung đối với các hoạt động bảo hiểm có liên quan, được tính dựa trên những quy định tương ứng được ban hành bởi Bộ Tài chính Việt Nam.

Chiến lược kinh doanh bảo hiểm

Chiến lược kinh doanh bảo hiểm của Tổng Công ty với mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm, kênh phân phối và tập trung vào sản phẩm có hiệu quả cao nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa các hoạt động kinh doanh và được dựa trên một danh mục lớn với những rủi ro tương tự trong một số năm, và như vậy, làm giảm sự biến động của kết quả kinh doanh.

Chiến lược kinh doanh tái bảo hiểm

Tổng Công ty tái bảo hiểm một phần các rủi ro bảo hiểm để kiểm soát khả năng lỗ và bảo đảm an toàn vốn, thông qua hợp đồng tái bảo hiểm cố định và tạm thời. Các hợp đồng tái bảo hiểm chuyển giao một phần rủi ro và giới hạn rủi ro đối với từng hợp đồng bảo hiểm. Mức độ rủi ro giữ lại phụ thuộc vào đánh giá của Tổng Công ty đối với mỗi loại rủi ro cụ thể, phụ thuộc vào từng hoàn cảnh nhất định, nhằm tối đa hóa mức rủi ro chấp nhận được dựa trên phân tích từng đặc tính rủi ro. Theo các điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm, người tái bảo hiểm đồng ý hoàn trả số tiền nhượng bảo hiểm trong trường hợp có tổn thất bảo hiểm. Tuy nhiên, Tổng Công ty vẫn phải có trách nhiệm đối với chủ hợp đồng cho phần tái nếu nhà tái bảo hiểm không thể thanh toán cho phần nghĩa vụ của họ.

Các hợp đồng tái bảo hiểm chứa đựng rủi ro xếp hạng tín nhiệm, để giảm thiểu rủi ro, chỉ những công ty tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá tín nhiệm của Tổng Công ty theo các đánh giá công khai của các công ty chuyên về xếp hạng tín nhiệm, hoặc do đánh giá nội bộ, mới được phép tiến hành giao dịch.

2.5.28. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH

Tổng Công ty phát hành hợp đồng để chuyển giao rủi ro bảo hiểm hoặc rủi ro tài chính hoặc cả hai.Dưới đây là mô tả chi tiết các sản phẩm chính của Tổng Công ty và cách thức Tổng Công ty quản lý các rủi ro liên quan.

Rủi ro bảo hiểm

Phân tích các giả định, thay đổi giả định và phân tích độ nhạy

Quy trình xây dựng các giả định nhằm đưa ra các ước tính với các kết quả khả thi nhất. Nguồn dữ liệu sử dụng như các thông số đầu vào cho các giả định được thu thập nội bộ, dựa trên nghiên cứu chi tiết và được tiến hành đều đặn. Các giả định được kiểm tra để đảm bảo thống nhất với các thông tin có thể quan sát khác. Các xu hướng hiện tại sẽ được nhấn mạnh nhiều hơn.Với trường hợp không có đủ thông tin trong quá khứ, các giả định thận trọng sẽ được sử dụng.

Việc dự đoán chắc chắn các khoản bồi thường cụ thể và chi phí cơ bản là tương đối khó khăn do bản chất kinh doanh. Mỗi khoản bồi thường được thông báo sẽ được đánh giá riêng biệt theo từng trường hợp dựa trên từng hoàn cảnh cụ thể, thông tin sẵn có từ các nhà giám định tổn thất và kinh nghiệm quá khứ của các khoản bồi thường tương tự. Các ước tính cho từng khoản bồi thường được kiểm tra thường xuyên và cập nhật khi có thông tin mới phát sinh.Tác động của nhiều khoản mục ảnh hưởng đến chi phí bồi thường rất khó ước tính.Dự phòng được tính toán dựa trên thông tin đang sẵn có. Tuy nhiên, các nghĩa vụ bảo hiểm cơ bản sẽ khác nhau do các mô hình phát triển sau này.

Trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính. Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng như sau:

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối kỳ chưa giải quyết: được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối kỳ, theo quy định của Thông tư số 125/2012/TT-BTC; và

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại (IBNR).

Tổng Công ty tính toán dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa khiếu nại theo công thức sau:

$$\textbf{Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại cho năm tài chính hiện tại} = \frac{\text{Tổng số tiền bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm nhưng chưa khiếu nại của 3 năm tài chính trước liên tiếp}}{\text{Tổng số tiền bồi thường phát sinh của 3 năm tài chính trước liên tiếp}} \times \text{Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại} \times \frac{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm tài chính hiện tại}}{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm tài chính trước}} \times \frac{\text{Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường của năm tài chính hiện tại}}{\text{Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường của năm tài chính trước}}$$

Tổng Công ty khai thác các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ như bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, bảo hiểm tàu thủy, bảo hiểm hàng không, bảo hiểm kỹ thuật, bảo hiểm hỏa hoạn, bảo hiểm sức khỏe và tai nạn, bảo hiểm trách nhiệm chung và bảo hiểm xe cơ giới. Các rủi ro trong các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ thường được bảo hiểm trong thời hạn 12 tháng.

Tổng Công ty phải chịu rủi ro tích lũy phụ thuộc vào tình hình phát triển kinh tế của Việt Nam và dòng vốn đầu tư nước ngoài trong sản xuất và bất động sản đặc biệt là tại các trung tâm kinh tế lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và Đồng Nai.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ, rủi ro trọng yếu phát sinh từ thay đổi môi trường và thảm họa thiên nhiên. Việt Nam đã phải chịu tổn thất lớn như bão nhiệt đới, lũ sông, mưa bão và lở đất. Bão nhiệt đới dự kiến sẽ ảnh hưởng thường xuyên đến Việt Nam với mức độ nghiêm trọng ngày càng cao và tổn thất được bảo hiểm ngày càng lớn. Để đưa ra những biện pháp giảm thiểu rủi ro, Tổng Công ty đã thu xếp các hợp đồng tái bảo hiểm liên quan đến các loại hình bảo hiểm tài sản, xe cơ giới, vận chuyển hàng hóa và tàu thủy, đánh bắt cá để hạn chế các tổn thất do thảm họa gây ra nhằm tối thiểu hóa phần rủi ro giữ lại của Tổng Công ty.

Đối với các hợp đồng chậm thông báo và có thời gian giải quyết trên một năm, có một rủi ro liên quan là rủi ro lạm phát. Những rủi ro này không biến đổi đáng kể theo địa điểm, loại hình và ngành được bảo hiểm.

Các rủi ro trên được giảm thiểu bằng việc đa dạng hóa sản phẩm, kênh phân phối sản phẩm và lựa chọn các sản phẩm có rủi ro thấp, theo đó các rủi ro sẽ được đa dạng hóa theo loại rủi ro và mức độ quyền lợi được bảo hiểm. Điều này có thể đạt được thông qua việc đa dạng hóa giữa các ngành. Hơn nữa, các chính sách đánh giá bồi thường nghiêm ngặt với các hợp đồng mới và đang còn hiệu lực, việc xem xét chi tiết, đều đặn các quy trình xử lý hợp đồng và việc điều tra thường xuyên các khoản bồi thường gian lận là tất cả quy trình và chính sách Tổng Công ty đang áp dụng để giảm thiểu rủi ro. Tổng Công ty cũng phát triển chính sách quản lý hoạt động và nhanh chóng giải quyết các khoản bồi thường, để giảm thiểu những rủi ro trong tương lai chưa được dự đoán có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh. Rủi ro lạm phát cũng được giảm thiểu bằng việc xem xét yếu tố lạm phát khi ước tính các nghĩa vụ phải trả của các hợp đồng bảo hiểm.

Tổng Công ty cũng áp dụng số tiền bồi thường tối đa đối với một số hợp đồng cụ thể, cũng như thu xếp tái bảo hiểm để hạn chế rủi ro với các sự kiện thảm họa (ví dụ như thiệt hại do bão, lũ).

Mục đích của các chiến lược cấp đơn và tái bảo hiểm là để giảm rủi ro với các thảm họa dựa trên độ thích ứng rủi ro của Tổng Công ty được quyết định bởi Ban Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám Đốc có thể quyết định tăng hay giảm khả năng chịu đựng tối đa dựa trên các điều kiện thị trường và các nhân tố khác.

Rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Tổng Công ty. Tổng Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tổng Công ty. Tổng Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Tổng Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Tổng Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giáthị trường có bốn loại: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá dịch vụ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của bảng cân đối kế toán liên quan đến các công cụ nợ sẵn sàng để bán; độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Tổng Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và trái phiếu công ty của Tổng Công ty.

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tổng Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Tổng Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ.Biến động tỷ giá trao đổi giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ mà Tổng Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến trạng thái tài chính và kết quả hoạt động của Tổng Công ty.Rủi ro tỷ giá ngoại tệ đối với Tổng Công ty chủ yếu đến từ tỷ giá trao đổi giữa đô la Mỹ và đồng Việt Nam.Tổng Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

Việc phần lớn các tài sản tài chính của Tổng Công ty là bằng đồng Việt Nam đã giúp giảm thiểu rủi ro về tỷ giá ngoại tệ.Hầu hết các tài sản bằng ngoại tệ đều là Đô la Mỹ.

Trong năm, tỷ giá trao đổi giữa đồng Việt Nam và đô la Mỹ đã biến động trong khoảng từ 20.828 đến 21.036 VNĐ/USD.

Ảnh hưởng của các thay đổi có thể xảy ra đối với báo cáo tình hình tài chính riêngvà báo cáo kết quả kinh doanh riêng của Tổng Công ty trong trường hợp có sự biến động về tỷ giá giữa USD và VNĐ được trình bày trong bảng dưới đây, giả định rằng tất cả các biến khác đều không thay đổi.

Biến số tăng/(giảm)	Ảnh hưởng tới lợi nhuận trước thuế (VNĐ)	Ảnh hưởng tới vốn chủ sở hữu (VNĐ)
Ngày 31 tháng 12 năm 2013		
+10%	(3.710.918.654)	(2.783.188.990)
-10%	3.710.918.654	2.783.188.990
Ngày 31 tháng 12 năm 2012		
+10%	(5.379.875.132)	(4.034.906.349)
-10%	5.379.875.132	4.034.906.349

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư trọng yếu vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Tổng Công ty là 58.481.618.000 đồng Việt Nam (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 35.349.293.751 đồng Việt Nam). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty sẽ giảm khoảng (1.841.992.514) đồng Việt Nam (ngày 31 tháng 12 năm 2012: (2.994.964.679) đồng Việt Nam), phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty sẽ tăng lên khoảng 227.686.884 đồng Việt Nam (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 2.190.154.861 đồng Việt Nam).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tổng Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh bảo hiểm của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng chịu rủi ro tín dụng gồm các khoản phải thu về bảo hiểm, tái bảo hiểm, tạm ứng cho khách hàng và các khoản phải thu khác. Tổng Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tổng Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Khoản mục đáng kể nhất của các khoản phải thu về tái bảo hiểm là các khoản bồi thường phải thu đòi công ty tái bảo hiểm. Để giảm thiểu rủi ro này, Tổng Công ty đã thiết lập một số nguyên tắc kinh doanh và tài chính trong việc chấp nhận công ty tái bảo hiểm, sử dụng kết quả phân loại của các tổ chức xếp hạng tín dụng lớn đồng thời cân nhắc thêm những thông tin trên thị trường. Tổng Công ty cũng thường xuyên xem xét sự ổn định về tài chính của các công ty tái bảo hiểm từ thông tin đại chúng cũng như những nguồn khác, cũng như xu hướng thanh toán những khoản phải trả của các công ty tái bảo hiểm.

Tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác

Tổng Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có uy tín ở Việt Nam.Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn và bị suy giảm vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Đơn vị: triệu VNĐ

	Quá hạn nhưng không suy giảm		Quá hạn và bị suy giảm		Dự phòng nợ phải thu khó đòi
	< 90 ngày	91–180 ngày	181–360 ngày	> 360 ngày	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013					
Phải thu từ hoạt động bảo hiểm gốc	17.483	1.469	4.265	13.609	11.913
Phải thu từ hoạt động tài chính				3.000	2.100
Tổng	**17.483**	**1.469**	**4.265**	**16.609**	**14.013**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012					
Phải thu từ hoạt động bảo hiểm gốc	29.949	2.772	3.404	8.921	8.895
Phải thu từ hoạt động tài chính		-	-	3.000	1.500
Tổng	**29.949**	**2.772**	**3.404**	**11.921**	**10.395**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập theo quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

Rủi ro thanh khoản

Tổng Công ty phải đáp ứng được yêu cầu hàng ngày về nguồn tiền mặt, đặc biệt cho những khoản bồi thường phát sinh trên những hợp đồng bảo hiểm của Tổng Công ty. Do vậy xuất hiện một rủi ro rằng Tổng Công ty không có đủ lượng tiền mặt để thanh toán các khoản nợ đến hạn với một chi phí hợp lý. Tổng Công ty quản lý rủi ro bằng việc xem xét và thiết lập một mức độ hợp lý về các quỹ hoạt động để thanh toán những khoản nợ này. Danh mục đầu tư cũng được cơ cấu theo các yêu cầu thanh khoản của các quỹ này và đưa ra các khoản phạt vì chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và các điều khoản điều chỉnh thị trường để thanh toán các chi phí phát sinh do nhu cầu tiền mặt ngoài dự tính.

Đáo hạn theo hợp đồng

Bảng dưới đây trình bày sơ lược thời gian đáo hạn theo hợp đồng nợ tài chính trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng
Ngày 31 tháng 12 năm 2013				
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả về bảo hiểm	18.935.919.207	-	-	12.791.747.413
Phải trả về tái bảo hiểm	7.680.952.768	167.129.544.341	-	172.410.152.057
Chi phí phải trả	14.536.202.928	-	-	22.072.958.365
Các khoản phải trả khác	71.910.994.341	-	-	67.882.257.809
	113.064.069.244	**167.129.544.341**	**-**	**275.157.115.644**

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng
Ngày 31 tháng 12 năm 2012				
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả về bảo hiểm	12.791.747.413	-	-	12.791.747.413
Phải trả về tái bảo hiểm	5.280.607.716	167.129.544.341	-	172.410.152.057
Chi phí phải trả	22.072.958.365	-	-	22.072.958.365
Các khoản phải trả khác	67.882.257.809	-	-	67.882.257.809
	108.027.571.303	**167.129.544.341**	**-**	**275.157.115.644**

2.5.29. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2012. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập Thuyết minh số 29 trên báo cáo tài chính riêng. Các khoản mục tài sản và nợ của Tổng Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định có liên quan.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Tổng Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, thành một trong các loại sau:

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh riêng, nếu:
- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt

động kinh doanh;

- Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, và nợ và vay.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, được phân loại một cách phù hợp thành:

Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng nếu, và chỉ nếu, Tổng Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản của Tổng Công ty tại ngày 31/12/ 2013 và ngày 31 /12/ 2012

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Nguyên giá (VNĐ)	Dự phòng (VNĐ)	Nguyên giá (VNĐ)	Dự phòng (VNĐ)	VNĐ	VNĐ
Tài sản tài chính						
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	**50.169.080.405**	**(627.797.905)**	**35.349.293.754**	**(4.197.954.161)**	**49.541.282.500**	**31.151.339.593**
• Cổ phiếu niêm yết	50.169.080.405	(627.797.905)	35.349.293.754	(4.197.954.161)	49.541.282.500	31.151.339.593
Các khoản cho vay và phải thu	**1.387.590.031.872**	**(14.013.071.770)**	**1.237.352.504.408**	**(10.395.411.406)**	**1.373.576.960.102**	**1.226.957.093.002**
Phải thu khách hàng	247.812.937.447	(11.913.071.770)	167.579.145.524	(8.895.411.406)	235.899.865.677	158.683.734.118
Phải thu các bên liên quan	-	-	36.984.783.124	-	-	36.984.783.124
Phải thu khác	43.731.261.092	(2.100.000.000)	13.814.742.430	(1.500.000.000)	41.631.261.092	12.314.742.430
Trái phiếu chưa niêm yết (*)	195.045.833.333	-	197.145.833.330	-	195.045.833.333	197.145.833.330
Tiền gửi ngắn hạn	901.000.000.000	-	821.828.000.000	-	901.000.000.000	821.828.000.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	**5.438.143.000**	**(162.000.000)**	**34.709.906.636**	**(8.599.332.190)**	**5.276.143.000**	**26.110.574.446**
• Cổ phiếu chưa niêm yết	5.438.143.000	(162.000.000)	5.438.143.000	(161.999.999)	5.276.143.000	5.276.143.001
• Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu từ Tài chính BIDV (*)	-	-	29.271.763.636	(8.437.332.191)	-	20.834.431.445
Đầu tư dài hạn khác	**110.750.020.000**	**(17.283.004.056)**	**101.846.020.000**	**(16.939.899.164)**	**93.467.015.944**	**84.906.120.836**
• Tiền gửi có kỳ hạn	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-	50.000.000.000	50.000.000.000
• Khoản đầu tư vào Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel	34.660.020.000	-	25.756.020.000	-	34.660.020.000	25.756.020.000
• Khoản đầu tư vào Công ty Bảo hiểm Lào Việt	26.090.000.000	(17.283.004.056)	26.090.000.000	(16.939.899.164)	8.806.995.944	9.150.100.836
• Khoản đầu từ vào Công ty CP Phát triển Đông Dương Xanh (*)	22.422.009.742	-	15.192.045.761	-	22.422.009.742	15.192.045.761
Tiền và các khoản tương đương tiền	**1.576.369.285.019**	**(32.085.873.731)**	**1.424.449.770.559**	**(40.132.596.921)**	**1.544.283.411.288**	**1.384.317.173.638**
Tổng cộng	**1.751.444.377.297**	**(35.336.765.725)**	**1.422.530.894.244**	**(40.132.596.921)**	**1.716.107.611.572**	**1.382.398.297.323**

(*) Đối với các khoản mục này, do không đủ thông tin thị trường tích cực để xác định giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	269.808.825.754	183.992.249.585	269.808.825.754	183.992.249.585
Phải trả cho các bên có liên quan	-	2.447.952.178	-	2.447.952.178
Chi phí phải trả	14.536.202.928	22.072.958.365	14.536.202.928	22.072.958.365
Phải trả khác	71.909.679.642	66.643.955.516	71.909.679.642	66.643.955.516
Tổng cộng	**356.254.708.324**	**275.157.115.644**	**356.254.708.324**	**275.157.115.644**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tổng Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết xác định dựa trên giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu đã được đăng ký giao dịch trên sàn UPCom được xác định dựa trên giá trị giao dịch trung bình tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu chưa niêm yết khác được xác định dựa trên giá bình quân tính trên các báo giá của ba công ty chứng khoán độc lập hoạt động tại Việt Nam.

2.5.30. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU NĂM TRƯỚC

Trong năm tài chính trước, Tổng Công ty phân loại khoản đầu tư tại Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào-Việt vào khoản mục "đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết" và hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, Tổng Công ty đã ghi nhận phần lợi nhuận/ lỗ của Công ty Liên doanh trên cơ sở tỷ lệ vốn góp.

Năm 2013, theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, Tổng Công ty đã nắm giữ quyền kiểm soát dài hạn đối với Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào-Việt. Do vậy, Tổng Công ty đã phân loại lại khoản đầu tư này là đầu tư vào công ty con thay vì phân loại vào đầu tư liên doanh, liên kết. Cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng năm nay, Tổng Công ty hạch toán khoản đầu tư này theo phương pháp giá gốc và phân loại lại các dữ liệu tương ứng năm trước. Chi tiết các điều chỉnh liên quan đến việc phân loại lại số liệu năm trước được thể hiện dưới đây:

Dẫn liệu từ Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012:

Các chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (theo số liệu trình bày năm trước) VNĐ	Điều chỉnh VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (trình bày lại) VNĐ
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	253.133.077.854	1.918.876.315	255.051.954.169
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	91.870.693.602	1.918.876.315	93.789.569.917

Dẫn liệu từ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012:

Các chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (theo số liệu trình bày năm trước) VNĐ	Điều chỉnh VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 (trình bày lại) VNĐ
Lãi từ hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	2.230.633.159	(2.230.633.159)	-

2.5.31. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

2.5.32. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chínhriêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được Tổng Giám đốc phê duyệt để phát hành vào ngày 28 tháng 02 năm 2014.

Bà Phan Thị Minh Huệ	**Bà Lại Ngân Giang**	**Ông Tôn Lâm Tùng**
Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán	*Giám đốc Ban Tài chính Kế toán*	*Tổng Giám đốc*

Hà Nội, Việt Nam - Ngày 28 tháng 02 năm 2014

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BIDV
Tầng 16, tháp A, tòa tháp Vincom, 191 Bà Triệu, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: (84-4) 2.2200.282 / 18009456 - Fax: (84-4) 2.2200.281 - Email: bic@bidv.com.vn